

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



29

THÁNG 04.2014



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Vĩnh Hào
Hình bìa: Đặng Thị Quế Phượng

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THÔNG TƯ VỀ LỄ TƯỜNG NIỆM HT. THÍCH HUYỀN DUNG, trang 7
- ♦ ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: ĐLHT THÍCH TRÍ TỊNH VIÊN TỊCH (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 8
- ♦ CÁO BẠCH: HT THÍCH HUYỀN DUNG VIÊN TỊCH (HT. Th. Nguyên Trí), tr. 9
- ♦ SANH DIỆT (thơ Thăng Hoan), trang 10
- ♦ GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP, CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC (HT. Thích Trí Thủ), trang 11
- ♦ ÂN ĐỨC GIÁO DỤC CỦA ÔN GIÀ LAM (Tâm Huy Huỳnh Kim Quang), trang 15
- ♦ XUÂN, TỰ TÌNH, THỜI GIAN (thơ Mặc Phương Tử), trang 18
- ♦ TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 19
- ♦ ĐÔI CHÂN CHÚNG SINH... (thơ Minh Lương Trương Minh Sung), trang 20
- ♦ NGƯỜI VÔ GIÁC VÀ NGỰA CÓ SỪNG (ĐNT Tín Nghĩa), trang 21
- ♦ BẠCH HẠC, SINH TRỤ HOẠI DIỆT VÀ HỒI SINH (thơ Lý Thừa Nghiệp), tr. 22
- ♦ THÔNG BẠCH NGÀY VỀ NGUỒN - LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SỰ LẦN 8 (HT. Thích Bảo Lạc), trang 23
- ♦ HÌNH ẢNH TANG LỄ HT. THÍCH HUYỀN DUNG (Hoa Vô Ưu) trang 24
- ♦ THÔNG BÁO VỀ LỄ HỘI PHẬT ĐẢN 2014 (HT. Thích Minh Tuyên), tr. 25
- ♦ LỤC BÁT NGẮN (thơ Huệ Trân), tr. 26
- ♦ NGUỒN SINH LỰC ĐẠO PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 27
- ♦ TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ (Huỳnh Tấn Lê), trang 31
- ♦ MÂY BAY QUA TRỜI (thơ TN Giới Định), trang 31
- ♦ CHÁNH NIỆM TÌNH GIÁC – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ♦ VÔ MINH – Phật Pháp thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ CHẴN TRÂU – Lá thư đầu tuần (GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ BÍ ẨN ĐƯỜNG BAY (thơ Hàn Long Ân), trang 35
- ♦ ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG (Thích Nguyên Hiệp), trang 36
- ♦ LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẾN VỚI PHẬT (Đào Văn Bình), trang 39
- ♦ HÓA THÂN DUY MA CẬT (thơ Bạch Xuân Phê), trang 40
- ♦ THÔNG điệp từ BIỂN LỚN (Vĩnh Hào), trang 41
- ♦ NÀM NGHE LÁ THỜ, KHÔNG ĐỀ (thơ Nguyễn Tư Phương), trang 42
- ♦ NIẾT BÀN (Tuệ Uyển dịch), trang 49
- ♦ CUỘC CHƠI, MÂY TRẮNG, SINH TỬ... (thơ Đồng Thiện), trang 50
- ♦ RIÊNG MỘT CỎI THƠM (Hạnh Chi), trang 51
- ♦ HẠT NƯỚC TỪ TRỜI (thơ Kiều Mộng Hà), trang 52
- ♦ CƠN SÂN HẬN (Tâm Minh Ngô Tăng Giao), trang 53
- ♦ TÔI LÀ AI (thơ Quảng Khánh Trần Mỹ Xuân), trang 56
- ♦ NẤU CHAY: BẮP CẢI CUỐN NHÂN CHAY SỐT CÀ (C.Thiện Mỹ), tr. 57
- ♦ NHỮNG BÔNG HOA MÙA HẠ (Lam Khê), trang 59
- ♦ CÂY (thơ Diệu Đức), trang 60
- ♦ MÙA MỚI (Biện thị Thanh Liêm), tr. 61
- ♦ THẮP HƯƠNG LẠY PHẬT (thơ & nhạc Trịnh Gia Mỹ), trang 62
- ♦ HÀNH TRÌNH CỦA TÌNH YÊU (thơ Nguyên Hậu), trang 63
- ♦ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ TƯỜNG RÀNG TRÍ TUỆ VÔ BIÊN... (Tịnh Minh dịch), trang 67
- ♦ HÌNH ẢNH LỄ KỶ HT. THÍCH ĐỨC NIỆM (Hoa Vô Ưu), trang 72
- ♦ TANG LỄ HT. THÍCH HUYỀN DUNG (Binh Sa), trang 73

Báo Chánh Pháp số 29, tháng 04 năm 2014, do ĐLHT. Thích Thăng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SÓNG VÀ NƯỚC

Sóng, thực ra chỉ là nước. Không có nước, không có tác động của gió, sẽ không có sóng.

Sóng chỉ là hiện tượng bề mặt của nước. Khởi sinh từ nơi nước, mà biển diệt thì cũng trở về với nước. Khi sinh, sóng không tăng thêm nước; khi diệt, sóng không làm giảm lượng nước.

Bản thể của nước là lặng yên.

Đi trên biển là đi giữa động và tĩnh, giữa những lao xao bèo bọt và sự lặng yên tịch mịch.

Đi trên biển bằng những chiếc thuyền nan bé nhỏ thì càng dễ tiếp cận và thâm nghiệm sự bất phân, bất nhị giữa sóng và nước, giữa sinh và diệt, giữa cá biệt và tổng thể, giữa khổ đau và hạnh phúc, giữa nước mắt và tự do.

Đi trên biển mới thấy cái bao la của nước, và thấy chiếc thuyền chở mình cùng những kẻ đồng hành xa lạ chỉ là một hạt bụi, một chiếc lá vàng, thật bé nhỏ, mong manh. Sóng to, gió lớn, đói khát, không được tắm rửa nhiều ngày, lo sợ bị bắt lại, khiếp hãi gặp hải tặc... Vậy mà đã có hàng triệu người, già-trẻ lớn-bé, chọn đi trên biển bằng những thuyền nhỏ. Can đảm chẳng, anh hùng chẳng? – Không. Chẳng qua, chỉ vì khát vọng tự do quá lớn, trù lấp hết mọi nỗi sợ.

Có lẽ chỉ hai phần ba số người đi trên biển được đến bờ tự do. Phần còn lại, một phần ba, không phải là nhỏ: hàng trăm ngàn người với hàng ngàn chiếc thuyền, lớn, nhỏ, đã chìm khuất trong lòng đại dương. Họ có tên mà trở thành vô danh. Khi họ bị mất tích, người thân không dám khai báo. Không có hàng tỷ người trên thế giới theo dõi tìm kiếm. Không có báo chí đăng tải rầm rộ mỗi ngày, mỗi giờ. Không có những lễ cầu nguyện công khai. Không có những người thân khóc công khai. Tất cả đều lặng lẽ, âm thầm. Đi âm thầm, mất hút trong âm thầm, khóc trong âm thầm. Họ, những người thân, cha mẹ, anh chị em, bạn bè của chúng ta đó. Họ lên đường với quyết tâm và ngạn ngữ quen thuộc: tự do hay là chết!

Cái chết của họ trong lòng biển, trong sóng và nước, ghi lại trang sử bi tráng của hành trình

tìm tự do, và cũng cho ta nhiều bài học: cái gì sinh ra trong điều kiện thì cũng bị hủy diệt trong điều kiện. Các phong trào, tổ chức, đảng phái, chính quyền, chính thể, chủ nghĩa... đều là sóng, chỉ có dân, lòng dân mới là nước. Nói theo Nguyễn Trãi thì dân là nước; nâng thuyền cũng là nước, lật thuyền cũng là nước. Sóng ở đời phải biết cái gì tạm thời, hữu hạn, cái gì trường cửu, vô hạn. Suốt đời chỉ biết chạy theo sóng, chỉ biết con thuyền của mình thì làm sao an lòng dân?

Người học đạo cũng thường quán chiếu về (vọng) thức và (chân) tâm. Thấy được chỗ khởi sinh và hủy diệt của sóng chính là con đường trở về sự yên lặng của nước.

Sóng, thực ra cũng chỉ là nước. Sóng không thể tự sinh, không thể tự diệt. Nó sinh và diệt trong điều kiện. Khi nó hoàn toàn lắng xuống, chỉ còn nước, chỉ còn sự tịch lặng.

Nhà thơ Phạm Công Thiện có thi phẩm với tựa đề lấy từ cảm hứng một câu thơ của Goethe, *"Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im."*

Người học từ sóng và nước, nhìn ở tận cùng đáy sâu thăm thẳm và bề mặt mênh mông của biển, cũng có thể nói: đằng sau, ở dưới, bên trong tất cả những biến động, lắng xằng, náo nhiệt của ý thức cá nhân và toàn bộ cuộc đời, là sự im lặng.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

PHÁP: Triển lãm về Osama Tezuka, họa sĩ manga (truyện tranh Nhật Bản) của truyện-phim 'Đức Phật'

'Phòng trưng bày Barbier & Mathon tại Paris đang tổ chức một cuộc triển lãm dành riêng cho huyền thoại truyện tranh Osamu Tezuka để đánh dấu sự ra mắt của bộ phim mới nhất - Đức Phật - dựa trên tác phẩm của ông. Triển lãm mang tên 'Osamu Tezuka - Vị thần của manga', diễn ra từ ngày 11 đến 28-2-2014.

Phim hoạt hình "Đức Phật 2 - Hành trình Bất tận" của Osamu Tezuka đã chiếu ra mắt vào ngày 27-1 tại Bảo tàng Louvre (Paris) trước khi chiếu tại các rạp ở Nhật vào ngày 8-2-2014.

Họa sĩ Osamu Tezuka quá cố được quốc tế biết đến như cha đẻ của manga, nhưng đây là lần đầu tiên có cuộc triển lãm đại quy mô về những tranh minh họa gốc của ông tại Pháp.

Hơn 50 tranh vẽ từ các tác phẩm của ông được trưng bày, bao gồm Đức Phật, Astro Boy, Black Jack, Jungle Emperor, Phoenix, v.v...

(tipitaka.net - February 15, 2014)



*Phim hoạt hình 'Đức Phật 2 - Hành trình Bất tận'
Photo: asahi.com*

CAM BỐT: Lễ hội Phật giáo Meaka Bochea (Mukha Bucha)

Kandal, Cam Bốt - Ngày 14-2-2014, khoảng 200 tăng sĩ và hơn 1.000 Phật tử đã tập trung tại chân Núi Udong, nơi tôn trí xá lợi của Đức Phật, để kỷ niệm lễ Meaka Bochea.

Những người tham gia đã mang nến, hương hoa để cúng Phật,

cũng như cúng dường thực phẩm và tiền mặt cho chư tăng để cầu siêu cho tổ tiên.

Đây là lễ hội để kỷ niệm ngày Đức Phật phán truyền về ngày nhập Niết bàn của Ngài, và để đánh dấu ngày thọ giới của 1.250 đệ tử đầu tiên của Đức Phật.

Là một trong những lễ hội lớn của Phật giáo tại Cam Bốt, lễ Meaka Bochea được Phật tử trên toàn quốc tham gia: Họ chuẩn bị thực phẩm để cúng dường chư tăng tại các chùa vào buổi sáng và nghe thuyết pháp vào buổi chiều.

(Buddhist Door - February 15, 2014)

Tranh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của Phật giáo Hàn quốc —>



HOA KỲ: Bảo tàng ở Norfolk trả lại cho Hàn quốc một tranh Phật giáo quý hiếm

Bảo tàng & Vườn Hermitage ở Norfolk, Virginia, đã trao trả cho Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc một bức tranh Phật giáo thế kỷ 18 quý hiếm có kích thước 10 ft x 10 ft.

Giám đốc bảo tàng Hermitage (bên trái) và Chủ tịch OKCHF cùng với giấy chứng nhận việc trao trả bức tranh Phật —>



*Bức tranh đang được xem xét tại bảo tàng Quốc gia Hàn quốc
Photos: OKCHF —>*



ÚC ĐẠI LỢI: Triển lãm xá lợi tại Lầu đài Pha lê

Một bộ sưu tập xá lợi Phật giáo quý hiếm sẽ được trưng bày tại Lầu đài Pha lê của thị trấn Murrumbidgee (vùng Northern Rivers, bang New South Wales) từ ngày 7 đến 9-3-2014. Lầu đài sẽ miễn phí vào cửa cho sự kiện này.

Trong số các xá lợi có 8 xá lợi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni do Đức Đạt lai Lạt ma cung cấp. Các xá lợi rất đẹp, trông như những tinh thể giống ngọc trai, có thể nhìn thấy rõ bên trong các hộp trưng bày được tôn trí xung quanh pho tượng Phật Di Lặc.

Khách chiêm bái có thể tham gia vào một lễ ban phúc với nghi thức các xá lợi của Đức Phật được nhẹ nhàng đặt lên đỉnh đầu của họ như một phước lành riêng.

Phật tử tin rằng xá lợi thể hiện các phẩm chất tinh thần về lòng từ bi và trí tuệ của Đức Phật, và được Ngài tạo nên để lưu truyền hậu thế khi ngài nhập Niết bàn.

(Northern Star - February 18, 2014)



Một hình ảnh về Tour triển lãm Xá lợi Phật giáo

Photo: Crystal Castle

BANGLADESH: Khai quật một ngôi đền hình chữ thập tại khu di tích Tịnh xá Shalban

Một cuộc khai quật gần đây tại Tịnh xá Shalban ở huyện Comilla đã phát hiện một Phật điện và 70 miếng đất nung, được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ 9 đến 11.

Phần trên của đền thờ có diện tích hơn 702, 25 feet vuông được khai quật này vốn đã bị phá hủy và tầng hầm vẫn còn bị chôn vùi.

Phần đã khai quật của ngôi đền cao 1,25 m tính từ mặt đất, và trong quá trình đào người ta cũng đã phát hiện một bảo tháp và những tấm phù điêu bằng đất nung.

Soharab Uddin, trưởng khoa Khảo cổ tại trường Đại học Comilla, nói rằng ngôi đền được làm bằng gạch đất nung này có thiết kế tuyệt vời.

Tịnh xá Shalban được xây vào thế kỷ thứ 8, từng là một tu viện Phật giáo khép kín. Tịnh xá tọa lạc giữa vùng Mainamati-Lalmái, nơi có hơn 55 Phật tự cổ xưa nằm rải rác.

(The Daily Star - February 21, 2013)



Cuộc khai quật và các đồ tạo tác được tìm thấy tại Tịnh xá Shalban ở Comilla, Bangladesh

Photos: Star

BANGLADESH: Vị tăng sĩ dạy chữ cái cho trẻ em tộc Rakhine

Nhà sư người Rakhine là Thượng tọa U Su Saeta, 56 tuổi, đã dạy bảng chữ cái cho trẻ em từ cộng đồng này trong 20 năm để cứu ngôn ngữ Rakhine khỏi bị tuyệt chủng.

Ông đã âm thầm tham gia vào một "cuộc chiến cho chữ cái" trong 2 thập kỷ qua tại Kalapara ở huyện duyên hải Patuakhali. Hàng ngày ông dạy bảng chữ cái Rakhine cho trẻ em từ cộng đồng để chúng không quên ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc mình.

Nhà sư U Su đã thành lập một tu viện và bắt đầu dạy miễn phí tiếng và chữ Rakhine cho khoảng 25 trẻ em mỗi ngày 3 xuất. Ông cũng cung cấp bữa ăn trưa cho các em - giá từ 50 đến 100 taka (tiền Bangladesh) một ngày và được quản lý từ các khoản đóng góp của Phật tử địa phương.

(Buddhist Door - February 23, 2014)



Thượng tọa U Su Saeta và học trò
Photo: Dhaka Tribune

ÚC ĐẠI LỢI: Hội Phật giáo Tây Tạng mừng Năm Mới với Lễ hội Yuroke

Đầu tháng 3 dương lịch năm nay sẽ là lễ mừng Năm Mới Tây Tạng. Và Hội Phật giáo Tây Tạng ở Yuroke, bang Victoria, sẽ tổ chức một lễ hội với chủ đề 'Chánh niệm, Thiền định và Lành mạnh' vào ngày 1 và 2-3-2014, từ 9.30 am đến 5 pm tại 1425 đường Mickleham, Yuroke..

Đồng Hội trưởng Martin Horan nói rằng Năm Mới Tây Tạng được xem là thời điểm của sự canh tân và là cơ hội cho những khởi đầu mới.

"Nếu chúng ta muốn thiết lập một hướng tích cực cho tương lai an ổn và tập trung hơn, thì Năm Mới thật sự là thời điểm tốt để suy nghĩ về điều đó", ông nói.

Lễ hội Yuroke bao gồm hội chợ, tham quan, các hoạt động của trẻ em, thiền định và một lễ ban phúc vào trưa ngày 1-3-2014.

(Derald Sun - February 23, 2014)



Đồng Hội trưởng Hội Phật giáo Tây Tạng trong chùa Yuroke
Photo: Carmelo Bazzano

NEPAL: Công cụ và kiến thức tiên tiến giúp cho việc khai quật tại Lâm Tì Ni an toàn và dễ dàng hơn

Nhiều năm sau khi phát hiện thành phố cổ Tilaurakot tại Lâm Tì

Ni, các nhà khảo cổ học vẫn đang khai quật những di tích quan trọng có liên quan đến cuộc đời của Đức Phật Cổ Đàm.

Tất cả nhờ vào công nghệ hiện đại, các nhà khảo cổ học không những có thể làm sáng tỏ những thực thể như vậy mà còn rà soát kỹ chúng và xây dựng một tường trình chi tiết về cuộc đời của Đức Phật.

Kiến thức và công nghệ hiện đại bao gồm địa vật lý. Radar xuyên mặt đất (GPR), dịch vụ thông tin toàn cầu (GIS), địa-khảo cổ học – nhờ đó các nhà khảo cổ học có thể thực hiện việc khai quật một cách khôn ngoan và cẩn thận hơn.

Tất cả những công cụ và công nghệ này được chế tạo và mang đến từ Liên Hiệp Anh. Trường Đại học Durban ở Vương quốc Anh đã cung cấp các công nghệ và chuyên gia đến Nepal để thực hiện các cuộc khai quật tại Lâm Tì Ni.

(Buddhist Art News – February 25, 2014)



Một điểm khai quật khảo cổ học tại Lâm Tì Ni

Photo: Pratibha Rawal

HOA KỲ: Đức Đạt lai Lạt ma viếng 3 thành phố khu vực Vịnh San Francisco

Berkeley, California – Vào ngày 23-2-1024, khoảng 3.000 người đã tập trung đầy Nhà hát Cộng đồng Berkeley để xem Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14 của Tây Tạng nói về cách tìm thấy hạnh phúc trong cuộc sống.

Phật tử Tây Tạng và những người không phải Tây Tạng sinh sống tại khu vực vịnh San Francisco và xa hơn nữa đã tham dự cuộc nói chuyện của ngài. Sự kiện này được lên kế hoạch trong 3 năm bởi Hội Tây Tạng của Bắc California (TANC), là tổ chức có trung tâm cộng đồng Richmon được Đức Đạt lai Lạt ma ban phước vào sáng ngày 23-2-2014.

Đức Đạt lai Lạt ma bắt đầu

chuyến hoằng pháp 3 thành phố Vùng Vịnh tại thành phố San Francisco vào ngày 22-2. Buổi nói chuyện cuối cùng trong chuyến đi này diễn ra tại trường Đại học Santa Clara với chủ đề "Kinh doanh, Đạo đức và Lòng từ bi" vào ngày 24-2-2014.

(bignewsnetwork.com – February 26, 2014)

INDONESIA: Học sinh trường nội trú Hồi giáo giúp dọn vệ sinh ngôi đền Phật giáo Borobudur

Ngày 21-2-2014, khoảng 50 học sinh từ trường nội trú Mistakhurrohman của Hồi giáo (ở huyện Magelang, Trung Java) đã giúp dọn vệ sinh tro núi lửa tại đền Borobudur từ 8 a.m đến 3 p.m.

Trường nội trú này nằm cách ngôi đền khoảng 1,5 km. Phần lớn các học sinh của trường là trẻ mồ côi hoặc con nhà nghèo có cha mẹ bán hàng rong quanh ngôi đền.

Ngoài các học sinh Hồi giáo còn có khoảng 700 Phật tử, bao gồm một số nhà sư từ vài thành phố ở Trung Java, đã dọn vệ sinh ngôi đền trong ngày này.

Nhà sư Uttamacitto từ chùa Ampel ở huyện Boyolali nói: "Chúng tôi dọn dẹp tro núi lửa Kelud tại đền Borobudur từ 5 ngày nay". Ông cảm kích sự giúp đỡ từ các học sinh Hồi giáo trong việc dọn vệ sinh ngôi đền.

(tipitaka.net – February 27, 2014)



Vải dầu được bọc lên 73 bảo tháp của đền Borobudur để ngăn tro của vụ phun núi lửa Kelud xảy ra vào ngày 16-2-2014

Photo: ANTARA/Hermanus Prihatna

ẤN ĐỘ: Đức Karmapa thứ 17 mở rộng hoạt động cho thanh niên Phật tử Tây phương và vì động vật

Năm nay Đức Karmapa thứ 17 của trường phái Ca-nhi-cư (Karma Kagyu) đã mở rộng hoạt động của ngài để hướng về những mối quan tâm của thanh

niên Phật tử Tây phương đầy nhiệt huyết và về sự an bình của động vật tại quê hương Ấn Độ của ngài.

Trong lễ cầu nguyện thường niên vào tháng 1-2014 tại Bồ đề Đạo tràng, Đức Karmapa cũng đã lập ra một Trại Y tế Động vật mà sau đó các bác sĩ thú y và những phụ tá tình nguyện đã điều trị cho 830 động vật – "từ con bọ cánh cứng bị thương tích cho đến con voi bị bệnh". Ngoài ra còn có một bộ phận chuyên trách về giáo dục, với những nỗ lực hướng đến việc làm giảm bệnh tật, bài trừ mê tín dị đoan ở địa phương vốn dẫn đến sự đau khổ của động vật, và ngăn cản việc bắt giữ và nuôi nhốt các loài chim hoang dã.

(Shambhala Sun – March 1, 2014)



Hoạt động điều trị của Trại Y tế Động vật do Đức Karmapa 17 thành lập

Photo: kagyumonlam.org

TÍCH LAN: Đại Trưởng lão tăng của giáo hội Asgiriya kêu gọi thắt chặt quan hệ giữa Phật giáo và Ấn Độ giáo

Trong cuộc hội kiến với các vị lãnh đạo tôn giáo của Ấn Độ giáo, Đại Trưởng lão của giáo hội Asgiriya thuộc tông phái Siam là Hòa thượng Sri Buddharakkhitha nói rằng đất nước Tích Lan sẽ vững mạnh nếu vẫn giữ được sự đoàn kết tôn giáo, và rằng Phật giáo và Ấn Độ giáo là 2 tôn giáo bắt nguồn từ cùng một đất nước là Ấn Độ.

Ngài nói "tín đồ Phật giáo và Ấn Độ giáo đã không bao giờ xung đột với nhau, Thái tử Sĩ Đạt Đa xuất thân từ một gia đình hoàng gia theo Ấn Độ giáo, và tín đồ Phật giáo và Ấn Độ giáo tin vào những vị thần giống nhau và do đó họ có thể luôn luôn sống hòa hợp cùng nhau".

Cuộc hội kiến nói trên diễn ra tại Nallur ở thành phố Jaffna, tỉnh Phía Bắc, vào ngày 26-2-2014.

Cũng trong ngày này, Hòa

thượng Sri Buddharakkhitha đã tham dự lễ tôn trí một tượng Phật tại Tỉnh xá Sri Naga ở Jaffna. (Buddhist Door – March 1, 2014)



Cuộc hội kiến của các vị lãnh đạo Phật giáo và Ấn Độ giáo, cùng với sự tham dự của các quan chức an ninh tại Jaffna
Photo: The Island

HOA KỲ: Bảo tàng Norton Simon triển lãm nghệ thuật Phật giáo vùng Hi Mã Lạp Sơn

Từ ngày 28-3 đến 25-8-2014, Bảo tàng Norton Simon ở Pasadena, California, sẽ tổ chức cuộc triển lãm nghệ thuật Phật giáo mang tên “Trong Vùng đất Tuyết”. Đây là triển lãm đại quy mô đầu tiên về nghệ thuật Phật giáo vùng Hi Mã Lạp Sơn của bảo tàng, với sự kết hợp đặc biệt những tác phẩm điêu khắc Phật giáo Ấn Độ, Nepal và Tây Tạng cùng những tranh thangka lớn từ khắp vùng Hi Mã Lạp Sơn.



Tượng Phật vùng Kashmir, Ấn Độ
Photo: The Norton Simon Foundation

Hầu hết số tranh thangka của bảo tàng sẽ được trưng bày vào dịp đặc biệt này, cộng với nhiều tranh thangka khác được hào phóng cho

mượn để triển lãm.

“Trong vùng đất Tuyết” dành cho khách thưởng lãm cơ hội chiêm ngưỡng những tác phẩm vốn không thường được trưng bày tại Bảo tàng Norton Simon, đồng thời tìm hiểu thêm về nghệ thuật và văn hóa Phật giáo của vùng Hi Mã Lạp Sơn.

(Buddhist Art News – March 2, 2014)

HOA KỲ: Nhiều diễn viên Hollywood được mời dự tiệc trưa cùng Đức Đạt lai Lạt ma tại Los Angeles

Cùng với những chính trị gia, nhà hảo tâm và phi hành gia, các diễn viên như Lupita N’yongo, Jim Carrey, Naomi Watts v.v. là những người trong số khách mời dự bữa tiệc trưa cùng Đức Đạt lai Lạt ma tại Trung tâm Khoa học California ở Los Angeles vào ngày 26-2-2014.

Nữ diễn viên Sharon Stone đã giới thiệu về vị lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng. Cô nhắc lại rằng ngài là một người đoạt giải Nobel Hòa bình và gọi ngài là “một người đàn ông của mọi mùa”.

Mặc dù có nhiều môn đệ thuộc giới điện ảnh Hollywood, Đức Đạt lai Lạt ma không dành nhiều thời gian để suy đoán những ai sẽ đoạt giải Oscar. Ngài cho biết mình có xem phim Hollywood vào thời kỳ đầu, nhưng trong 20 năm qua thì không xem nhiều. Ngài chỉ nghe đài BBC và thỉnh thoảng nghe đài CNN.

(variety .com - March 3, 2014)

ÚC ĐẠI LỢI: Hiệp hội Thái vùng Northern Rivers quyền góp tiền xây chùa cho cộng đồng người Thái

Northern Rivers, New South Wales – Một ngôi chùa Thái, ngôn ngữ Thái và mạng lưới hỗ trợ chỉ là một số của những việc mà Hiệp hội Thái vùng Northern Rivers muốn mang lại cho cộng đồng. Mục đích của hiệp hội là để hỗ trợ về tôn giáo và tài chính cho cộng đồng người Thái ở vùng này, và để phát huy một sự hiểu biết về văn hóa Thái như một phần của xã hội đa văn hóa.

Thư ký Cộng đồng Thái là Kambha Knight cho biết Hiệp hội Thái vùng Northern Rivers mới thành lập này đang bắt đầu quyền góp tiền để mua đất và xây một ngôi chùa Thái cho Phật tử khắp vùng.

Sự kiện gây quỹ đầu tiên sẽ được tổ chức vào ngày 6-4-2014,



Đức Đạt lai Lạt ma và nữ diễn viên Sharon Stone—Photo: Kirstin Wilder

nhân Ngày lễ Songkran (Năm Mới của người Thái) tại Rous Mill Hall.

Cô Knight nói việc có một mạng lưới hỗ trợ văn hóa cũng rất quan trọng đối với cộng đồng người Thái. Cô nói nó sẽ giúp bắt cứ những ai mới đến khu vực này đều cảm thấy dễ dàng hơn.

(tipitaka.net – March 6, 2014)

MIỀN ĐIỆN: Phát hiện các tượng Phật cổ tại nghĩa trang Linzin

Mandalay, Miến Điện – 16 tượng Phật cổ đã được khai quật tại nghĩa trang Armania cũ, bên trong nghĩa trang Linzin ở Amara-pura của vùng Mandalay.

Các tượng được người ta tìm thấy vào ngày 5 và 6-3-2014 trong khi phát quang khu vực bao quanh Chùa Tawagu tại nghĩa trang cũ này.

Win Maung Tampawadly, kiến trúc sư truyền thống Miến Điện, cho biết nghĩa trang này xưa kia từng được biết đến với tên Hteepaung Ayat vào thời đầu triều đại Kongbaung (1752-1885), vốn là nơi sinh sống của cư dân Innwa.

Các sử gia và dân địa phương đã chỉ trích Ủy ban Phát triển Thành phố Mandalay về việc xây dựng một công viên khảo cổ học trong nghĩa trang Linzin, vì việc này sẽ làm hư hại những tòa nhà tôn giáo cổ của thời Innwa và Amara-pura nằm bên trong nghĩa trang.

(elevenmyanmar.com – March 8, 2014)



Các tượng Phật cổ khai quật được tại nghĩa trang Linzin (Miến Điện)
Photo: Htay Hia Aung/EMG



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

Phật Lịch 2557

Số 24/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNHNK, Ban Hướng Dẫn GĐPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: V/v tổ chức Lễ Tưởng Niệm ĐLHT Thích Huyền Dung

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK nhận được tin Đại Lão Hòa Thượng THÍCH HUYỀN DUNG, húy thượng NHƯ hạ LỄ, đời thứ 41 Thiền phái Lâm Tế,

- Nguyên Tổng Trì Sư Trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt

- Nguyên Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ

- Viện Chủ Phật Quang Thiền Viện

Đã thuận thể vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 3 giờ 58 chiều ngày 15 tháng 3 năm 2014, (nhằm ngày 15 tháng 2 năm Giáp Ngọ), tại Garden Grove Hospital, Garden Grove, California, Hoa Kỳ, thọ thể 96, hạ lạp 75.

Một đời hành đạo, lo việc hoằng pháp giáo dục cho nhiều thế hệ Tăng Ni và Phật tử, Đại lão Hòa thượng còn để lại hai dịch phẩm quan trọng trong nghi thức Tụng Niệm của Phật giáo là Kinh Dược Sư và Thủy Sám, được các tự viện Việt Nam sử dụng suốt 50 năm qua.

Theo Cáo Bạch của Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyển đã thông tri, chương trình tang lễ được cử hành như sau:

a) Lễ Nhập Kim Quan: vào lúc 9 giờ sáng thứ Ba, ngày 25/03/2014 (nhằm ngày 25 tháng 2 năm Giáp Ngọ)

b) Lễ Di Quan: vào lúc 11 giờ thứ Tư, ngày 26/03/2014 (Nhằm ngày 26 tháng 2 năm Giáp Ngọ).

c) Địa điểm: Nhà Quàn Peak Family Colonial Funeral Home (7801 Bolsa Ave. , Westminster, CA 92683

Giáo Hội kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni thu xếp thời giờ tham dự tang lễ, hoặc tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện Cố Đại Lão Hòa Thượng cao đăng Phật quốc, sớm hồi nhập Ta Bà tiếp tục phụng sự Đạo Pháp và chúng sanh.

Toàn thể thành viên GHPGVNTNHNK, nhất tâm đánh lễ Giác Linh Cố Đại Lão Hòa Thượng, và xin thành kính phân ưu cùng chư tôn đức môn đồ pháp quyến.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,
California, ngày 20 tháng 3 năm 2014,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK
Chủ tịch,
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Chư tôn túc trưởng lão Hòa Thượng Chứng Minh để "kính thăm tường,"
- Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK để "kính tường,"
- Chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ để "tri hành,"
- Hồ sơ lưu.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: Chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, Chùa Vạn Đức, Thủ Đức và Chùa Vạn Linh, An Giang, cùng môn đồ pháp quyến của Đại lão Hòa thượng tân viên tịch

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Giáo Hội chúng tôi vừa được tin Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, húy thượng THIÊN hạ CHÁNH, hiệu Hân Tịnh, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41, nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng Sư GHPGVNTN (1964); nguyên Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN (1973); Viện chủ Chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức, Sài-gòn; Viện chủ Chùa Vạn Linh, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; đã thâu thân viên tịch vào lúc 09 giờ 15 phút ngày 28 tháng 3 năm 2014 (nhằm ngày 28 tháng 02 năm Giáp Ngọ), hưởng thọ 98 tuổi, với 69 hạ lạc.

Thay mặt Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHHK, nhất tâm đánh lễ Giác Linh Đại Lão Hòa Thượng, tưởng niệm bậc lương đồng thạch trụ của Phật giáo Việt Nam mọi thời, đã tận hiến đời mình cho việc phiên dịch kinh điển, gìn giữ giềng mối Tăng cương, đào tạo và huấn dục Tăng tài cũng như Phật tử nhiều thế hệ. Xin thành kính phân ưu cùng chư tôn thiện đức Chùa Vạn Đức, Chùa Vạn Linh và môn đồ pháp quyến của Cố Đại lão Hòa thượng tân viên tịch.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Thành kính phân ưu,

California, ngày 28 tháng 3 năm 2014,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHHK

Chủ tịch,



Sa Môn Thích Tín Nghĩa



**TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG
THÍCH TRÍ TỊNH
(1917—2014)**



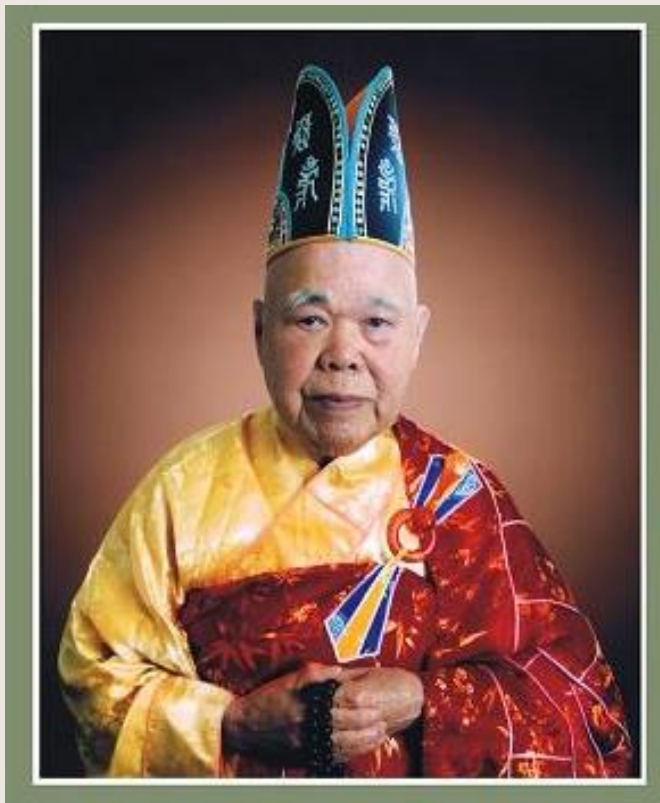
HÀNG NGÀN TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ THAM DỰ LỄ NHẬP KIM QUAN ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH
TẠI CHÙA VẠN ĐỨC, THỦ ĐỨC—NGÀY 28/3/2014. (Nguồn: phattuvietnam.net)



CÁO BẠCH

Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Dung Viên Tịch

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,



Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư Thiện nam Tín nữ Phật tử,

Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn đồ pháp quyến chúng con vô cùng kính tiếc, đồng cáo bạch:

Trưởng Lão Hòa Thượng thượng Như hạ Lễ
Hiệu THÍCH HUYỀN DUNG
Đời thứ 41 Thiền Phái Lâm Tế

- Nguyên Tổng Trị Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt
- Nguyên Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ
- Viện Chủ Phật Quang Thiền Viện

Đã thuận thể vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 3 giờ 58 chiều ngày 15 tháng 3 năm 2014, (nhằm ngày 15 tháng 2 năm Giáp Ngọ), tại Garden Grove Hospital, Garden Grove, California, Hoa Kỳ, thọ thế 96, hạ lạp 75.

a) **Lễ Nhập Kim Quan:** vào lúc 9 giờ sáng thứ Ba, ngày 25/03/2014 (nhằm ngày 25 tháng 2 năm Giáp Ngọ)

b) **Lễ Di Quan:** vào lúc 11 giờ thứ Tư, ngày 26/03/2014 (Nhằm ngày 26 tháng 2 năm Giáp Ngọ).
c) **Địa điểm:** Nhà Quàn Peak Family Colonial Funeral Home (7801 Bolsa Ave. , Westminster, CA 92683)
Ngưỡng xin chư tôn Thiền Đức cùng chư Thiện nam Tín nữ trong mười phương nhất tâm hộ niệm và cầu nguyện Cố Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch của chúng con Cao Đăng Phật Quốc.

Garden Grove, ngày 17 tháng 03 năm 2014.

T.M Ban Tổ Chức Tang Lễ

Trưởng Ban

HT THÍCH NGUYỄN TRÍ

—oOo—

Tiểu sử Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Dung (1918-2014)

Hòa thượng thế danh Lê Diêu, Pháp danh Như Lễ, Pháp hiệu Thích Huyền Dung. Ngài sinh năm 1918 tại thôn Thanh Mai, xã Nhơn Hạnh, quận An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thân Phụ ngài là cụ ông Lê Cửu, pháp danh Như Trung, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Định, pháp danh Diệu Trực. Ngài là con út trong gia đình có tám người con, anh kế Ngài là Lê Siễn, hiện còn đang sinh sống tại quê nhà với tuổi đại thọ 102.

Năm 1932, Ngài xuất gia, khi đó Ngài vừa tròn 14 tuổi tại chùa Bích Liên với Bốn sư là Hòa thượng Thích Chơn Giám. Ngài được trực tiếp học giáo pháp và tu tập với Hòa thượng Bốn sư cho đến năm 1939 và cũng trong năm này Hòa Thượng thọ đại giới.

Năm 1940, Ngài ra Huế, tu học tại Phật học viện Bảo Quốc, dưới sự hướng dẫn của sư huynh là Hòa thượng Thích Trí Độ. Năm 1945, Ngài được chỉ định vào Sài Gòn để cùng Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Phật sự, khai sáng Phật học đường Liên Hải và làm chủ bút báo Từ Bi Âm.

Năm 1949, Ngài là sáng lập hai viện Phật học và làm giám đốc: Phật học đường Mai Sơn và Phật học đường Sùng Đức tại Phú Lâm, Chợ Lớn. Năm 1951, do nhu cầu hoằng pháp trong phạm vi rộng lớn cần đến sự kết hợp các Phật học đường lại với nhau, Ngài đã hợp Phật học đường Liên Hải, Phật Học đường Mai Sơn và Sùng Đức thành Phật học đường An Quang. Ngài vừa là một thành viên trong Ban Giám đốc, vừa là Giáo sư bậc Cao đẳng tại Phật học đường An Quang. Và cũng cùng năm ấy, do nhu cầu thống nhất Phật giáo Bắc Nam Trung, Ngài cùng với chư Tăng sáng lập Giáo hội Tăng già Nam Việt và Ngài đảm nhiệm chức vụ Tổng Trị sự Trưởng Giáo hội.

Năm 1953, Hòa thượng xuất ngoại, hoằng pháp, nghiên cứu Phật pháp ngoại điển tại Anh Quốc cho tới năm 1999, và Ngài đã tốt nghiệp Cử nhân Xã hội



Triết học và Thạc sĩ Kinh tế Triết học tại đại học Luân Đôn.

Năm 1995, Giáo sư Trần Quang Thuận, người từng du học tại Luân Đôn với Ngài, mời Ngài sang Hoa Kỳ thăm viếng các thiền viện, các chùa, chư Tăng Ni thuộc tiểu bang California; nhưng mãi tới năm 1999, theo lời thỉnh mời của cố Hòa thượng Thích Đức Niệm, viện chủ Phật Học Viện Quốc Tế, Ngài chính thức sang Hoa Kỳ và định cư để chung lo Phật sự với chư Tăng Ni Hoa Kỳ. Ngài được chư Tăng Ni suy cử vào chức vụ Chủ tịch Hội đồng Giám sát Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hải ngoại, tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian sống tại Nam California, Ngài tổ chức các lớp tu học Phật pháp cho Phật tử trong hai vùng Los Angeles và Orange. Ngài tổ chức các lớp tu học Thiền và Tịnh độ để giảng dạy cho cả Phật tử Mỹ và Việt. Chương trình học 5 năm, được hoàn tất năm 2008. Chương trình này có phát thanh hàng tuần vào ngày Chủ nhật trên đài Hương Sen của Tổng hội Cư sĩ Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Về tác phẩm Phật học, Ngài đã dịch kinh Dược Sư và Thủy Sám. Vì nhu cầu giảng dạy Phật pháp tại hải ngoại, Ngài đã biên soạn rất công phu những bài giảng kinh Pháp Hoa và kinh Duy Ma Cật cho Phật tử Việt và Mỹ.

Những năm Hòa thượng Hoằng Pháp tại Hoa Kỳ:

- Từ năm 1999-2003: Trụ xứ tại Phật học viện Quốc Tế, North Hills CA: Hướng dẫn các lớp tu học Thiền và Tịnh độ.
- Từ năm 2003-2004: Ngài thành lập Phật Quang thiền viện Reseda, CA: Hướng dẫn các lớp tu học Thiền và Tịnh độ.
- Từ năm 2004-2011: Ngài dời về Phật Quang thiền viện Chatsworth, CA: tiếp tục hướng dẫn lớp tu học Thiền và Tịnh độ.
- Từ năm 2008 đến nay: Ngài lập thêm Pháp Hoa thiền viện Garden Grove, CA: Hướng dẫn các lớp tu học thiền và Tịnh độ.
- Vào lúc 3 giờ 58 chiều ngày 15 tháng 3 năm 2014, (nhằm ngày 15 tháng 2 năm Giáp Ngọ) Ngài đã thuận thể vô thường thân thần thị tịch tại Garden Grove Hospital, Garden Grove, California, Hoa Kỳ, thọ thế 96, hạ lạp 75.

Nhất Tâm Đánh Lễ Tử Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhất Thế Hỷ thượng **Như hạ Lễ** Hiệu **Thích Huyền Dung** Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh Chứng Giám.

SANH DIỆT

thơ

*Dòng nước sống khi dòng sông vẫn chảy
Nước ngừng trôi, dòng nước chết tanh hôi
Ai đôi lần tắm chung một dòng đời
Đang cuốn lốc theo luân hồi vận chuyển?*

*Nhờ sanh diệt mà chúng sanh khởi hiện
Từ cửa Không muôn sắc biến ngàn hoa
Làm đẹp xinh khắp vũ trụ bao la
Tuy giá trị chỉ sát na tồn tại
Khác nào đầu xác pháo bông tung rải
Ánh chớp lòe trong chớp lát hư vô
Sao lắm người đua bắt bóng điên rồ
Mơ tưởng thật, đi kết xâu hạt nước
Phi thời gian của tuổi hoa mộng ước
Công dã tràng xây lâu cát biển đông
Suốt trường canh thao thức lệ khóc thầm
Ôm thất vọng, ủ kín lòng tiếc rẻ.*

*Vì sanh diệt mà cuộc đời dâu bể
Từ sắc tướng biến thể trở về Không
Lẽ vô thường đó là định luật chung
Khiến vạn pháp tận cùng đào thải hoá
Hoặc thành thiện hoặc rơi vào sa đọa
Mong đền bù những nghiệp quả lưu mang
Đã tạo nên qua nhiều kiếp trần gian
Sớm giải thoát tâm thanh nhàn tịch tịnh.*

*Phù sinh hồi mê đồ mau thức tỉnh
Lý Sắc Không chính bản tính viên dung
Nền tảng cho Sanh Diệt hiển lộ trung
Sanh Diệt trụ là Sắc Không an trụ.*

HT. THÍCH THẮNG HOAN



GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP, CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC

HT. Thích Trí Thủ

I. Ý NIỆM DẪN KHƠI

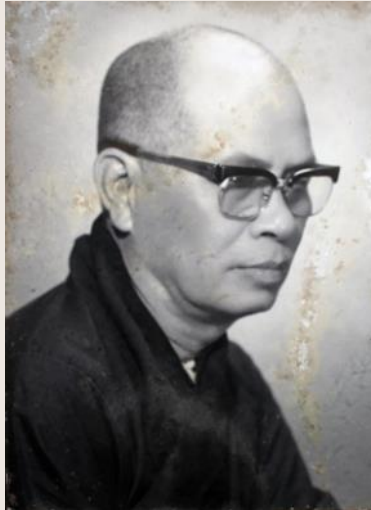
Nhận định về nguồn gốc bất hạnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã viết hai câu thơ:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

Hai câu ấy biểu hiện thái độ đề kháng tiêu cực của các tầng lớp nhân dân bị áp bức. Trong đó nghiệp báo được quan niệm như một định mệnh khắt khe và mù quáng. Tuy điểm xuất phát của nó là từ giáo lý về nghiệp, nhưng những người bị bắt buộc phải kéo lê cuộc đời đầy đọa của mình dưới sự áp bức của tầng lớp thống trị, họ mất hẳn niềm tin đối với công bằng và công lý... Do đó, nghiệp mất hẳn ý nghĩa của nó. Bởi vì ý niệm nguyên thủy của nghiệp là hành động, hay nói theo ngôn ngữ của Luật tạng: *Cái gì hiện thực, cái đó phải có tác dụng*. Tác dụng hay hành động là những dữ kiện cụ thể và khách quan, mà thời gian tính luôn luôn là hiện tại. Trong ý niệm nguyên thủy này, nghiệp phải được hiểu chính xác là hành vi trong hiện tại, chứ không phải là những gì đã được an bài do bởi một quyền lực siêu nhiên nào đó.

Trong thuyết nghiệp báo mà Nguyễn Du dựa vào để giải thích số phận của Kiều, nghiệp không còn là hành vi hiện tại, và đã được đồng nhất với thuyết mà kinh điển đạo Phật gọi là Túc mạng luận. Thuyết ấy đã bị chính đức Phật bác bỏ. Tuy nhiên, không phải cho đến thời đại Nguyễn Du nghiệp mới trở thành một thứ tư tưởng tiêu cực thụ động, mà trong nền văn học Bản sanh tức loại văn học bình dân của đạo Phật, ngay tại Ấn Độ, nghiệp cũng đã được đồng nhất với nghiệp báo, được quan niệm như là định mệnh tàn khốc.

Trong nguyên thủy kinh điển, bản chất giáo lý về nghiệp đề cao lý tưởng công bằng, công lý. Theo đó con người phải chịu trách nhiệm về những gì mà nó đang làm hay đã làm. Khi giáo lý của đức Phật được truyền bá sâu rộng trong quảng đại quần chúng, thì những lời dạy của đức Phật liên hệ đến nghiệp đã chiếm hàng đầu. Sự phổ biến của nó rộng rãi đến mức hầu như bất cứ khi nào nói đến đạo Phật là người ta nói đến giáo lý về nghiệp. Trong quần chúng nhân dân, những người theo đạo Phật, khi muốn giải thích số phận bản cùng của mình là nghĩ ngay đến nghiệp. Tuy nhiên, sự áp bức của tầng lớp thống trị đè nặng lên họ ngoài sức tưởng tượng và ngoài khả năng thoát ly. Do vậy họ đã đồng hóa sự thống trị ấy với sức mạnh của định mệnh, và rồi vận dụng giáo lý về nghiệp theo chiều thụ động ấy.



Sự giải thích về nghiệp tuy có chệch hướng, nhưng trong đó cho thấy tính cách phong phú của giáo lý này. Chủ yếu của bài viết đây là giới thiệu một trong những khía cạnh của nó. Vấn đề được nói lên là mối quan hệ giữa giáo lý về nghiệp với đạo đức và luật học của đạo Phật.

Trong chương kết của giới bốn Tỷ kheo, phần lược giáo, bài kệ được ghi là do đức Thích Tôn giảng dạy tóm tắt về bản chất của luật Tỷ kheo; bài kệ ấy xác nhận rằng nền tảng của luật Tỷ kheo là nghiệp và nghiệp đạo. Nhưng trong một phạm vi rộng rãi hơn nữa, thì tất cả đạo đức học và luật học của đạo Phật đều đặt cơ sở học lý trên tư tưởng nghiệp và nghiệp đạo.

Trên phương diện đạo đức và luân lý, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng cho sự phân biệt điều thiện và điều ác mà chủ yếu là vấn đề *tánh tội* và *già tội*. Trên phương diện luật học, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng các nguyên tắc tự giác, công bằng và lẽ phải, tức nó là cái cân nhay cảm của công lý.

II. CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC

Vậy, trước hết, trên phương diện đạo đức học, nghiệp và nghiệp đạo làm nền tảng cho sự phân biệt tánh tội và già tội như thế nào?

Vấn đề then chốt của đạo đức là thiện và ác. Trong đạo Phật, thiện là điều gì tốt đẹp cho mình, cho người khác, trong đời này và đời sau. Thiếu một trong hai yếu tố ấy, không thành điều thiện được. Ác hay bất thiện là những điều trái lại.

Nói tốt đẹp, là nói rằng điều ấy đưa con người tiến lên mức sống cao hơn. Tiêu chuẩn của mức sống lấy an lạc hay hạnh phúc làm chủ đích. Như vậy, mức sống cao thấp khác nhau là do bởi trình độ thọ lạc khác nhau. Ở trình độ nào mà cảm thọ lạc chỉ khởi lên trong thời hạn ngắn ngủi, rồi tàn lụi, để lại những hậu quả buồn phiền, khổ não, ưu sầu, ấy là trình độ đi xuống, hạ đẳng. Trái lại, càng tiến lên cao cảm thọ lạc càng kéo dài, và khi nó tàn lụi, thì hậu quả cũng ít ưu bi sầu khổ hơn. Trên tất cả, cảm thọ an lạc vĩnh cửu, hoàn toàn không có sự tiếp nối của sầu khổ, đó là niết bàn.

Tất cả chúng sanh, trong tất cả sinh loại, đều sống và đuổi theo một mục đích duy nhất, đó là cảm thọ lạc. Nói cách khác, sự sống là quá trình săn đuổi hạnh phúc và khoái lạc. Tất cả những thứ khác chỉ là phụ thuộc hay biến thái của chủ đích ấy. Nhưng rất ít người hướng đến chủ đích an lạc cứu cánh là niết bàn. Trong tất cả pháp thiện, duy chỉ Niết bàn được gọi là Thiện thắng nghĩa, tức Thiện đứng trong bản

chất của nó, ngoài ra, là thiện thể tục, tức điều thiện được phân biệt theo quy ước vì đối nghịch với cái khổ trường kỳ mà cái lạc tạm thời được gọi là thiện.

Như vậy, trên phương diện thẳng nghĩa, tức trong bản chất tuyệt đối của thiện, thì tất cả tiêu chuẩn thiện ác mà con người nói tới chỉ là thiện ác trong phạm vi ước lệ. Tiêu chuẩn ấy sẽ thay đổi tùy theo trình độ sống. Ở trình độ thấp nó là thiện, nhưng khi tâm tư tiến lên trình độ cao hơn, với những rung cảm tế nhị và nhạy bén hơn, nó không còn là thiện nữa. Cũng vậy, trong phân biệt tánh tội và già tội. Theo định nghĩa cơ bản, *tánh tội* là tội ác thuộc bản chất tự nhiên; và *già tội* là tội ác được quy định theo giao ước xã hội. Trên phương diện thẳng nghĩa, tất cả điều gì không đưa đến an lạc cứu cánh, tức không dẫn đến niết bàn, đều được coi là tánh tội. Nhưng trong phạm vi thể tục, trong trình độ đạo đức của con người, tánh tội và già tội cần được phân biệt rõ ràng.

Ở đây nói con người là chỉ hạng chúng sanh mà trình độ cảm thọ lạc cao hơn các đẳng cấp chúng sanh khác, như súc sanh chẳng hạn. Nhưng nó được xếp hạng thấp hơn các đẳng cấp khác là chư thiên. Phạm vi thể tục hay ước lệ của tánh tội và già tội được phân biệt trong trình độ này.

Tánh tội, tức hành vi mà bản chất của nó là bất thiện, phi đạo đức, vì hậu quả của nó nhất định đẩy người ấy tuột xuống khỏi trình độ sống của loài người. Trái lại, các hành vi không nhất thiết khiến cho bản chất đạo đức của con người bị tuột xuống ngang mức thú vật, nhưng chúng được gọi là xấu tùy theo giao ước của xã hội, tùy theo tập quán luân lý của từng địa phương, từng thời đại. Như vậy, tánh tội là tội ác thuộc bản chất tự nhiên, bất cứ thời đại nào và trong bất cứ địa phương nào, ai phạm đến, bị coi là mất phẩm chất con người. Nhưng với già tội, tội ác theo giao ước, không có tiêu chuẩn nhất định. Ở địa phương này nó là xấu, nhưng tại nơi khác nó không hẳn là xấu: Trong thời đại này nó bị chết nhưng ở các thời đại trước hay về sau nó có thể được khen ngợi không chừng.

Tuy nhiên, khó có thể ấn định một đường ranh minh bạch cho biên giới của tánh tội và già tội. Thông thường, tất cả hành vi xấu đều nhất loạt được coi là tánh tội. Chỉ khi nào thời đại thay đổi, bấy giờ người ta mới có thể nhận rõ hành vi ấy là tánh tội hay già tội. Thí dụ trong xã hội ta khoảng từ ba mươi năm về trước, nguyên tắc "tứ đức tam tông" được coi là đạo đức cơ bản của người phụ nữ, và như vậy, chúng là tiêu chuẩn của thiện; làm trái lại là tánh tội chứ không phải già tội. Nhưng đối với thế hệ trẻ ngày nay chúng không coi là phẩm chất cơ bản. Thế thì, điều mà trong xã hội cũ coi là tánh tội nay chỉ được coi là già tội.

Trong nền đạo đức học Phật giáo không thể có tình trạng mơ hồ giữa tánh tội và già tội như vậy được, dù thời đại có thay đổi, địa phương có dị biệt. Vì đức Phật đã chỉ rõ, con đường nào dẫn đến chỗ thấp kém và con đường nào chân thật dẫn đến niết bàn. Vậy, trong đây, thế nào là tánh tội và già tội?

Nói tóm lược, hành vi nào dù có Phật hay không



có Phật xuất hiện để xác định, nhưng tất cả kẻ trí trong thế gian đều công nhận đó là bất thiện, hành vi ấy thuộc tánh tội. Như bài kệ của Phật Thi Khí trong phần lược giáo của giới bổn Tỳ kheo đã nói:

Cũng như người mắt sáng

Tránh xa lối hiểm nghèo;

Bậc có trí trong đời

Tránh xa các xấu ác.

Để có cụ thể hơn về tiêu chuẩn phân biệt này, cần phải lấy các nghiệp đạo làm nền tảng. Kinh điển thường mô tả rằng, trong thời đại luân vương xuất hiện, tức thời đại mà loài người sống trong an lạc của hòa bình và thịnh vượng, thì xã hội chỉ thuần túy là mười nghiệp thiện. Trái lại, trong thời đại suy thoái cùng cực, xã hội loài người chỉ là mười nghiệp đạo bất thiện. Trong các thời đại ấy, khi tất cả mọi người đều sống theo mười nghiệp đạo thiện không phải do có Phật xuất hiện để khuyên bảo họ nên làm như thế; nhưng mọi người làm

như thế vì bản tánh tự nhiên là như thế. Vậy thì, về cơ bản, tánh tội là mười nghiệp đạo bất thiện, Ngoài ra, đều là già tội.

Trong danh số nghiệp đạo gồm có mười chi. Nhưng trong hành động nghiệp đạo được thành tựu chỉ thuộc một trong bảy chi. Đó là ba chi thuộc thân: sát, đạo, tà dâm và bốn chi thuộc ngữ: nói dối, nói ly gián, nói thô lỗ và nói tạp nhạp. Như vậy, trong nguyên nhân hay động lực thì tánh tội gồm có mười chi nghiệp đạo, nhưng trong thành tựu thì có bảy chi.

Thông thường tánh tội chỉ kể có bốn chi: sát, đạo, tà dâm và vọng ngữ. Đây là căn cứ trên năm giới cận sự mà phân tích. Vì năm giới này chỉ bao gồm có bốn chi ấy của nghiệp đạo. Uống rượu thì không thuộc vào chi nào trong các nghiệp đạo nên không được coi là tánh tội. Giới cận sự sơ dĩ không đủ bảy chi, vì theo như giải thích của các bộ phái, đức Thích Tôn xuất hiện vào thời đại suy thoái của loài người. Trong thời đại này con người sống trong đau khổ nhiều hơn là an lạc, trình độ cảm thọ lạc của nó chỉ cao hơn thú vật một chút, do đó, tiêu chuẩn tánh tội cũng được giảm xuống. Nghĩa là thực hành chừng ấy đủ để ngăn mức con người. Nếu ai không thực hành hơn thế nữa, thì khó có thể tiến lên đẳng cấp cao hơn, hoặc khó có thể sống trong thời đại và địa phương mà tại đó luân vương xuất hiện.

III. CƠ SỞ LUẬT HỌC

Luật học ở đây được nói theo nghĩa rộng, bao gồm cả các học lý về pháp luật của thế tục. Trong khái niệm phổ quát về luật học này, có ba nguyên tắc làm nền là tự giác, công bằng và chân lý.

Tự giác hoặc nói là tự nguyện, theo nghĩa rộng, là người phạm tội phải chịu trách nhiệm điều mà nó đã làm bằng ý chí tự nguyện của nó. Người phạm tội mà không có sự phát động của ý chí thì không thể chịu hình phạt ngang như người làm với ý chí. Nguyên tắc này là điểm then chốt trong học thuyết về nghiệp. Đức Phật nói: "Chúng sanh là kẻ thừa tự của nghiệp của chính nó". Tức không ai có thể chạy trốn hậu quả những gì mà mình đã gây ra. Tuy nhiên, không phải tất cả hành vi đều được coi là nghiệp, mặc dù nghĩa đen của nghiệp là hành động.

Chỉ khi nào hành động được dẫn đầu bằng ý chí tự nguyện, và ý chí ấy được thỏa mãn, bấy giờ hành vi ấy mới được gọi là nghiệp.

Nguyên tắc thứ hai của luật là sự công bằng. Mọi người sinh ra đều phải được tôn trọng như nhau về cả hai phương diện tinh thần và vật chất. Luật bảo vệ sự công bằng ấy, và trừng phạt những ai xâm phạm. Đây là luật nhân quả bồi thường trong học thuyết về nghiệp.

Sau hết là nguyên tắc chân lý. Nói nôm na là lẽ phải của đạo đức và luân lý. Không thể có cái chân lý rằng ăn cắp của người là việc tốt. Đây là vấn đề về bản chất thiện, bất thiện và vô ký của nghiệp.

Để có thể hiểu rõ vấn đề hơn, chúng ta thử xem ba nguyên tắc vừa kể đã được áp dụng như thế nào trong hệ thống Luật tỷ kheo.

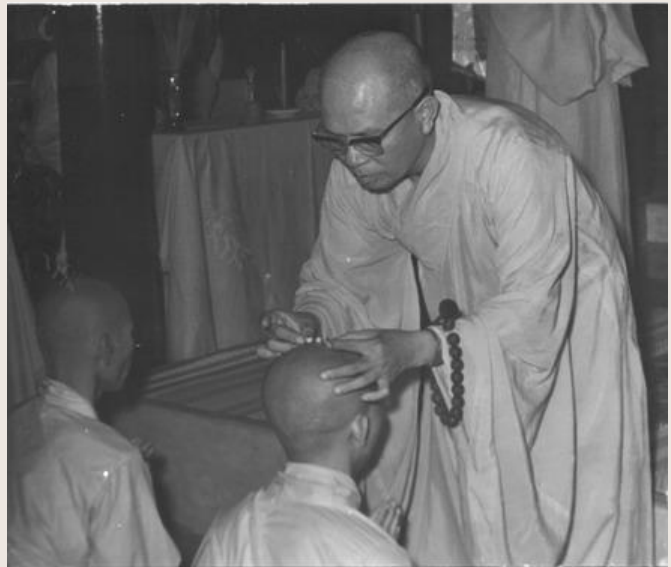
1. Nguyên tắc tự nguyện hay động lực của nghiệp

Bài kệ đầu của Pháp cú, bản Pali, Phật nói: *"Trong các pháp, tâm là chủ, tâm tạo tác..."* Điểm này xác nhận rằng tất cả mọi hành vi của thân và ngữ đều được điều động bởi tâm. Kinh còn dùng nhiều danh từ khác để chỉ yếu tố điều động này. Nhưng trong sự phát triển của luận tạng, các luận sư về sau dứt khoát dùng từ ngữ TỰ hay TỰ TÂM SỞ, tức ý chí, hay nói rõ hơn, ý chí tự nguyện. Trong sự xác định này, theo các luận sư, nghiệp được thực hiện khi nào có sự phát động của TỰ.

Nguyên tắc này được các luật sư áp dụng triệt để khi chú giải Giới bốn. Thí dụ, để giải thích các trường hợp phạm hay không phạm, trọng tội hay khinh tội, đối với việc lấy vật không được cho; các luật sư hoàn toàn căn cứ trên ý chí và nhận thức của người chiếm hữu phi pháp đối với sở hữu chủ và sở hữu vật mà xác định. Vật sở hữu thuộc về người khác, nếu không được cho, mà tự ý chiếm hữu, thế là phạm tội ăn trộm. Nhưng trên mặt tuyệt đối, con người sinh ra với hai bàn tay trắng, chẳng có gì trên thế gian này là sở hữu của nó. Vậy căn cứ vào đâu mà nói là xâm phạm sở hữu của người khác? Và lại, như kinh đã nói, trong thời đại kiếp sơ, loài người sống mà không có sự phân chia tài sản sở hữu riêng biệt. Những gì trong thế gian, là sở hữu chung, ai cũng có thể tự ý thọ dụng, vì không ai là chủ. Rồi ra, trong sự phát triển xã hội loài người, ý niệm về trộm cắp chỉ phát sinh khi loài người chiếm thiên nhiên làm sở hữu, sở hữu thiên nhiên vốn hữu hạn, mà ước muốn chiếm hữu của con người thì vô cùng. Do đó, phát sinh quy ước chung giữa xã hội loài người rằng trong mức độ và điều kiện nào đó, vật thiên nhiên được gọi là tài sản hữu chủ, ấy là kẻ trộm hoặc giặc cướp. Tính cách của sở hữu chủ và sở hữu vật như vậy không phải là những khái niệm khách quan. Nó tùy thuộc nhận thức chủ quan. Do bởi tính chủ quan này, hành vi lấy vật không được cho có thể là sự vô cố cầm nhầm, hoặc chiếm hữu phi pháp. Thành thử, cùng một hành vi lấy và vật lấy, nhưng mức độ khinh trọng khác nhau tùy theo ý chí và nhận thức chủ quan của người lấy. Tức là điều mà luật pháp ngày nay phân biệt giới hạn các trường hợp vi phạm với tội phạm hình sự.

Ngoài các trường hợp phạm tội có chủ tâm, tức hành động với sự dẫn đầu của ý chí tự nguyện, còn có các trường hợp vô cố và tự ý. Đây là các trường hợp miễn thứ. Thí dụ, một tỷ kheo mất trí, điên cuồng gây nhiều tội lỗi. Các hành động này không phải do ý chí tự nguyện, được gọi là các trường hợp vô cố, và luật hoàn toàn miễn thứ.

Còn ngoại ý được nói ở đây là các hành vi phạm



luật có suy nghĩ, có chủ ý nhưng vì tình thế bắt buộc không làm khác đi được. Đối với các hành vi vô cố, đặc biệt là trong trường hợp mất trí, tất cả các điều khoản luật định đều được miễn thứ. Và các hành vi ngoại ý chỉ miễn thứ cho một số điều khoản; và các trường hợp miễn thứ này được quy định ngay trong chánh văn của giới bốn.

Để áp dụng nguyên tắc tự nguyện trong khi luận tội, luật ấn định hai thủ tục cơ bản. Thứ nhất, Tác cử; với thủ tục này tội danh phải được xác định một cách cụ thể đối chiếu với các dữ kiện hiện thực của hành vi phạm luật. Chủ yếu trong sự luận tội này là phân tích ý chí của phạm nhân trước, trong khi và sau khi hành động. Thứ hai, Tác ức niệm; với thủ tục này, tội danh chỉ được kết luận khi nào có sự xác nhận của phạm nhân. Sự xác nhận hoàn toàn theo tinh thần tự giác và tự nguyện; tuyệt đối không được phép cưỡng bức với bất cứ hình thức nào, kể cả hình thức mà người ta gọi là mớm cung.

2. Nguyên tắc công bằng: Luật nhân quả

Nguyên tắc công bằng là kẻ nào gây thiệt hại cho người khác về tinh thần hoặc vật chất, kẻ ấy phải bồi hoàn tương xứng. Bồi hoàn là khái niệm quan trọng trong luật dân sự. Nếu một người không thi hành nghĩa vụ khế ước, pháp luật sẽ cưỡng bức phải thi hành. Trong luật nhân quả, đó là định luật có vay có trả. Nhưng vì luật pháp thế gian không phải lúc nào cũng công bằng, bởi lẽ quan tòa không phải lúc nào cũng sáng suốt. Nghĩa là, có những kẻ gây thiệt hại cho người khác mà không hề bồi hoàn gì cả. Thế thì trong trường hợp đó, tư tưởng bình dân đã nghĩ đến luật nhân quả bắt nó phải bồi hoàn trong kiếp sau.

Trong học thuyết về nghiệp báo, nghiệp được coi như một món nợ, mà người tạo nghiệp là kẻ vay nợ. Nếu theo quan điểm bình dân, sự bồi hoàn của con nợ là do một tòa án trong thế giới vô hình phán xét. Do thế, người tạo nghiệp có thể mua chuộc thần linh như ta có thể mua chuộc và làm hài lòng quan tòa để chạy tội. Trái lại, trong học lý về nghiệp, con nợ, chủ nợ, và quan tòa là một, do đó, nó không thể chạy trốn cái bóng của chính mình được.

Cũng trong học thuyết về nghiệp, sự bồi hoàn phải hội đủ hai yếu tố là thời gian và không gian. Nói theo luật dân sự, đó là thời hiệu và lãnh thổ thi hành nghĩa vụ khế ước.

Về phương diện thời gian, các luận sư Phật giáo phân biệt hai loại nghiệp: định thời và bất định thời. Với định thời, sự bồi hoàn phải diễn ra trong một thời điểm nhất định, ở đời này hoặc đời sau, hoặc đời sau nữa. Với bất định thời, thời điểm bồi hoàn không nhất định, khi nào hội đủ điều kiện là phải bồi hoàn, không nhất thiết đời nào.

Cũng như trong luật dân sự, thời hiệu mà nghĩa vụ khế ước phát sinh tùy theo từng loại khế ước. Cũng vậy, nghiệp định thời hay bất định thời cũng tùy theo bản chất của nó: định hay bất định nghiệp. Định nghiệp là hành động nhất định phải dẫn đến kết quả tương xứng, tùy theo định thời hay bất định thời. Bất định nghiệp, là loại hành động không nhất thiết phải bồi hoàn. Tức là, nếu đến thời hiệu phải bồi hoàn, nhưng không hội đủ yếu tố nghĩa vụ bồi hoàn không phát sinh; rồi quá thời hiệu ấy, khế ước được coi là bị thủ tiêu: người tạo nghiệp vĩnh viễn không quả.

Luật nhân quả bồi hoàn ấy được giải thích trong phạm vi quá rộng rãi, vì thời hiệu của nó trải dài qua nhiều đời sống trong vòng luân hồi sanh tử, vượt ngoài sự kiểm chứng bằng khả năng nhận thức hữu hạn của con người. Dù vậy, trong phạm vi luật học, có thể rút lại thành nguyên tắc hiện thực khả dĩ áp dụng được; đó là luật bồi hoàn hiện tại. Bồi hoàn tức phục hồi những thiệt hại về tinh thần cũng như về vật chất cho người bị thương tổn. Sự bồi hoàn như vậy là quy luật được phát hiện về ý niệm công bằng. Thế nhưng, do bản chất háo lợi của con người, sự bồi hoàn thường được đòi hỏi quá đáng. Một sợi lông, người ta vẫn mong được đền bù bằng cả thiên hạ. Trái lại, người vay nợ bao giờ cũng muốn bồi hoàn ít hơn số mình đã mượn. Vay một núi thóc, người ta chỉ muốn trả một hạt cơm. Nếu không có những tiêu chuẩn cho sự công bằng, thì tranh chấp giữa người vay và chủ nợ trở thành mối thù truyền kiếp. Cho nên, ý niệm bồi hoàn trong luật nhân quả nghiệp báo và ý niệm công bằng của luật pháp có những quan hệ mật thiết.

3. Công lý và vấn đề thiện ác

Danh từ công lý hay chân lý trong luật học chỉ là một khái niệm tương đối. Nhà làm luật, khi soạn thảo một đạo luật, đương nhiên phải đặt nền móng trên công lý, nhưng không thể quả quyết đạo luật ấy sẽ có giá trị vĩnh cửu. Luật pháp thay đổi tùy theo nhịp thay đổi xã hội. Dù vậy, trọng ý chí của nhà làm luật, không thể không có nỗ lực đạt đến một công lý vĩnh cửu của luật pháp. Ước muốn này không phải không có cơ sở. Kể từ thời văn minh Babylon 4 nghìn năm về trước, cho đến thời hiện đại, một số nguyên tắc thiện ác vẫn không thay đổi trong quan hệ giữa người và người. Cho nên, dù khác biệt thời đại, địa phương nhưng trong phạm vi cõi người vẫn có một chân lý vĩnh cửu cho thiện ác. Hay nói cách khác, giữa tánh tội và giả tội có một đường ranh rõ rệt mà người ta có thể nhận thấy nếu không bị chi phối bởi thiên kiến, hạn chế bởi thời gian và địa lý. Đương nhiên, đây cũng chỉ là vĩnh cửu trong tương đối, trong phạm vi xã hội loài người, so với không gian vô biên và thời gian vô tận.

Trong thực tế áp dụng của luật pháp, công lý không phải là ý niệm độc lập. Chức năng của luật là thẩm định thì phi để giải quyết những tranh chấp. Thẩm định ấy không thể vượt ngoài phạm vi của công lý. Thế nhưng, trong khi giải quyết tranh chấp, luật bắt buộc phải đứng về phía người nghèo, yếu đuối, nếu có thể; như thế là để cho sự phân xử của luật được công bằng và do vậy trật tự xã hội mới ổn

định. Công lý mà không bao hàm ý niệm công bằng, thì đây là thứ công lý sắt thép lạnh lùng mà càng áp dụng thì càng tạo thêm nền móng bất ổn của xã hội. Vì vậy, ở đây cần phải nói rằng cái gì công bằng, cái đó là công lý; và cái gì là công lý, cái đó phải công bằng.

Trong luật học Phật giáo, xét về mặt học lý, ý niệm về công bằng và công lý đôi khi ngược lại điều vừa nói trên, do xu hướng kỷ luật nghiêm khắc của một số bộ phái bảo thủ. Trong xu hướng ấy chủ đích của hai hệ thống luật khác nhau. Luật pháp thế tục nhằm duy trì ổn định xã hội; chỉ can thiệp khi nào trật tự ấy bị đe dọa sẽ xáo trộn. Luật Phật giáo là các nguyên tắc hướng dẫn đời sống hướng thượng, không chỉ trong trình độ tâm tư loài người, mà vượt lên trên nữa. Do đó, nguyên lý thiện ác, tiêu chuẩn thị phi, là những khái niệm có tính cách bất dịch.

Đây là nói về mặt học lý, trong áp dụng thực tế của luật tỷ kheo, ý niệm công lý đối với một số điều khoản không có tính cách vĩnh cửu.

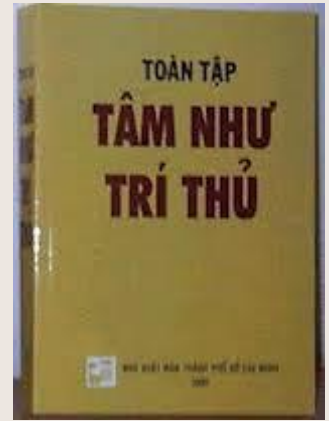
Tứ trung, công lý là nguồn gốc của luật; dù là luật thế gian hay luật đạo Phật. Nhưng trong luật tỷ kheo, có công lý được nhìn từ thánh đạo, có công lý theo quan điểm chung của loài người, và cũng có công lý tùy phong tục địa phương. Cả ba loại công lý ấy đều là nguồn gốc xuất phát các điều khoản của luật tỷ kheo. Nói cách khác, khi đức Phật nêu một điều khoản cấm chế, trước hết vì điều bị cấm ấy không phù hợp với bản chất của thánh đạo hoặc vì nó không phù hợp phẩm chất đạo đức theo quan niệm phổ thông, hoặc nó không phù hợp với tập quán địa phương và thời đại.

Trong ba nguồn gốc, công lý của thánh đạo là nền tảng cho tất cả, và không thể thay đổi dù thời đại và địa phương như thế nào. Hai nguồn gốc sau là tương đối, có thể thay đổi tùy thời đại và địa phương.

Để tổng kết vấn đề, ở đây có thể nhắc lại rằng, nghiệp là hành động, và không có hành động nào mà không có đối tượng và hậu quả mà nó gây ra cho đối tượng ấy. Vì vậy, bản chất và ý nghĩa của nghiệp chỉ có thể được nhận thức một cách chính xác trong mối quan hệ giữa các loài hữu tình, hay nói hạn chế: những quan hệ trong xã hội loài người. Bản chất của nghiệp là thiện hay bất thiện tùy theo hậu quả tốt hay xấu mà nó gây ra cho đối tượng. Cơ sở của đạo đức là ở đó.

Qua những điểm đã được giới thiệu một cách vắn tắt ở trên, người ta có thể thấy tính chất tích cực của học thuyết về nghiệp. Vì là cơ sở của đạo đức và luật pháp, nếu được vận dụng một cách linh động và hợp lý, giáo lý về nghiệp có thể trở thành kích thích tố hữu hiệu cho sự tiến bộ của xã hội loài người, và nó cũng là điểm phát xuất cho lý tưởng công bằng và nhân đạo. Chứng nào giá trị của con người vẫn được tôn trọng bằng phẩm chất đạo đức, và quan hệ giữa người và người được đặt trên ý niệm bình đẳng, thời chừng đó giáo lý về nghiệp vẫn còn là một đóng góp tích cực.

HT. Thích Trí Thủ



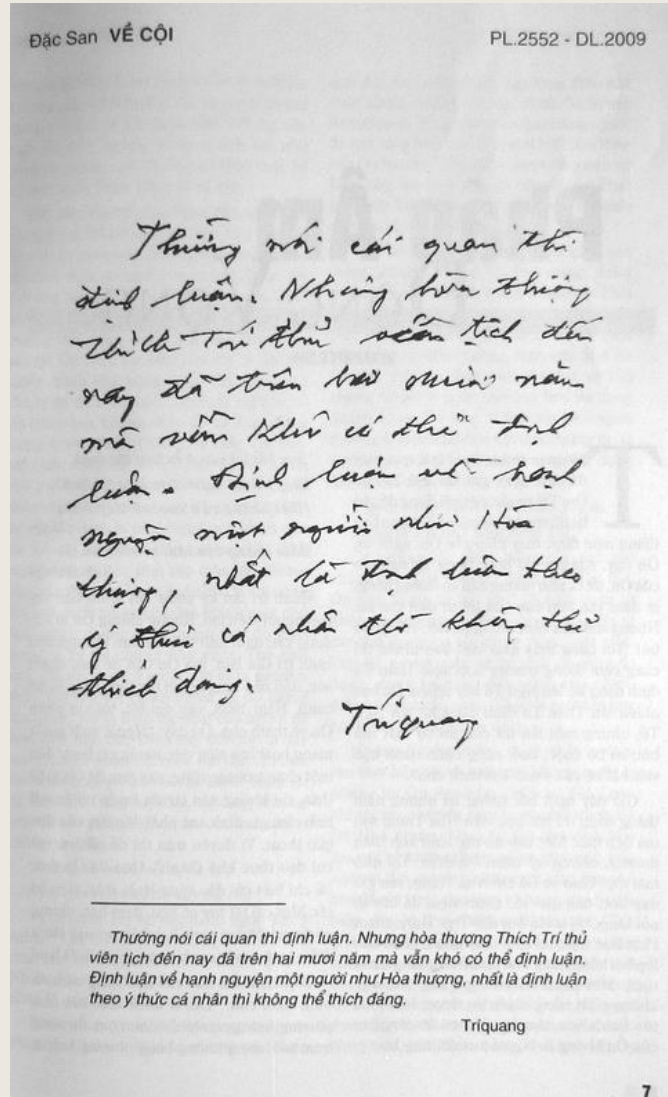
ÂN ĐỨC GIÁO DỤC CỦA ÔN GIÀ LAM

Tâm Huy - Huỳnh Kim Quang

Lời thưa: Thấm thoát đã 30 năm kể từ ngày Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ viên tịch (02.04.1984). Những đóng góp của Người đối với Phật giáo không thể nói hết; và đối với hàng hậu duệ thì đó là ân đức vô biên, cũng là chất liệu để sống, noi gương và hành đạo. Khi Người nằm xuống, đã có những bàn luận thị phi không dứt. Nhưng ai đủ tư cách để phán xét một con người kỳ vĩ như Người? Cũng không ai quên được hạnh nhân của Người, thật cảm động khi nói với các vị cộng sự “Tôi chịu nhục cho quý Thầy làm việc.” **Làm việc** ở đây là việc gì? – Là hoằng pháp, giáo dục. Giáo hội cũ, giáo hội mới, nhân sự cũ, nhân sự mới, cũng từ nơi việc này mà sinh xuất, mà tồn tại, phát triển. Bài viết của Tâm Huy Huỳnh Kim Quang đăng trong Đặc san Về Cội từ năm 2009 (25 năm tưởng niệm ngày Người viên tịch), có thể được xem là tiếng nói tiêu biểu của những cựu học tăng xuất thân từ Tu viện Quảng Hương Già Lam do HT. Thích Trí Thủ thành lập và chủ trương làm nơi đào tạo Tăng tài cho Phật giáo. Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. (Vĩnh Hảo)

Sau năm 75 các Phật Học Viện đều đóng cửa. Các tăng sinh tại các Phật Học Viện đều trở về chùa cũ của Thầy Tổ để sinh sống và tu học. Thật tế, tu thì có mà học thì hầu như không. Có chăng là Thầy dạy đệ tử trong chùa. Những chùa có ruộng đất thì thầy trò tự túc canh tác để sinh sống. Sinh hoạt giáo dục và đào tạo tăng ni trẻ đã không còn.

Vào những năm 75, 76, 77, 78, của thế kỷ trước, tôi phải đi tìm mượn từng cuốn kinh, cuốn sách để đọc. Mỗi khi tìm được một cuốn sách, nhất là sách Phật học, sách tư tưởng và triết lý đông tây, thì đọc ngấu ngiên. Chữ nghĩa sao mà khan hiếm và quý giá quá! Có lần tôi đánh bạo lên đành lễ Thượng Tọa Bát Nhã (lúc đó chưa tấn phong Ngài lên Hòa Thượng) để xin mượn sách mà đọc. Thượng Tọa lấy cho mượn bộ báo Viên Âm của Hội An Nam Phật Học Huế. Báo đóng thành tập, mỗi tập khoảng 10 cuốn. Giấy báo in từ thời thập niên 1930, 1940, cho nên đã ngả màu vàng ố, nhưng chữ thì vẫn còn rõ. Ngày cầm bộ báo Viên Âm đầu tiên trên tay, tôi cảm nhận được nỗi sung sướng không gì tả nổi và vội đem về phòng mà đọc. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ đến mùi giấy để lâu ngày trong tủ lúc mở ra vừa có mùi mốc, vừa có mùi thơm của giấy đặc biệt. Có dạo, mấy người bạn không biết tìm đâu ra bộ Thiền Luận của Suzuki mà Trúc Thiên và Tuệ Sỹ đã dịch cho tôi mượn. Lúc cho mượn mấy người bạn còn ra hạn kỳ phải trả lại để cho người khác đọc. Cầm bộ Thiền Luận lòng mừng còn hơn ai cho tiền cho bạc. Về phòng đọc say sưa quên ngày quên đêm. Hòa Thượng Từ Quang và Thượng Tọa Bát Nhã vì thương anh em tăng sĩ trẻ chúng tôi nên đã đích thân đem



kinh luật ra mà dạy cho mấy thầy trong chùa. Ân đức ấy sẽ không bao giờ phai nhạt trong tâm thức những người học trò như chúng tôi dù đời này hay bao đời khác.

Người tu giữa nhân gian giống như người đi trong đêm tối, có chân đi mà không có đèn soi sáng thì dễ lạc đường, thậm chí rớt hầm rớt hố lúc nào không hay. Đèn sáng là tri kiến Phật Pháp. Chân đi là thực nghiệm Chánh Pháp của Phật. Cho nên các bậc cổ đức thường nói: tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đẩy sách. Cầm đèn trên tay mà không đi thì chẳng bao giờ ra khỏi ba cõi. Đi mà không có đèn soi sáng thì lẩn quẩn trong sanh tử luân hồi. Việc học Phật và dạy Phật học, vì vậy, là nhu cầu không thể thiếu dù ở trong hoàn cảnh nào,

thời đại nào, quốc độ nào.

Thảm họa lớn nhất cho đạo Phật chính là bê tha trong công tác giáo dục tăng, ni. Nhưng giáo dục mà không làm tròn chức năng, không thực hiện nghiêm túc thì lại là thảm họa khác.

Phật Giáo Việt Nam thời cận đại, may thay, còn có những nhà giáo dục đúng nghĩa mà trong số đó Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ (từ đây trở xuống trong bài, xin được phép gọi là Ôn Già Lam) là một. Công nghiệp giáo dục tăng, ni của Ngài thật hiếm có vị nào sánh được. Ngài không những là bậc Thầy giảng dạy tại các Phật Học Viện cho nhiều thế hệ tăng, ni mà còn là người sáng lập và phát triển lớn mạnh hệ thống giáo dục Phật Học Viện, trung tiểu học Bồ Đề và Viện Đại Học Vạn Hạnh tại miền Nam. Riêng Phật Học Viện thì không thể không kể đến PHV Báo Quốc ở Huế, PHV Hải Đức ở Nha Trang, Tu Viện Quảng Hương Già Lam.

Giữa năm 1980, tôi nhận được thư của Thầy Thiện Tu từ Sài Gòn gửi ra. Trong thư Thầy Thiện Tu báo cho biết Ôn Già Lam đã mở lớp học, vừa học Phật Pháp vừa giúp hai Thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát làm bộ Bách Khoa Từ Điển Phật Giáo Việt Nam. Thầy khuyến tôi nên sắp xếp để vào xin học. Thầy đề nghị tôi diện lễ Thượng Tọa Bát Nhã nhờ Ngài thưa với Sư Ông Từ Quang viết cho thư giới thiệu với Ôn Già Lam, rồi mang vào Sài Gòn. Tôi làm theo đề nghị của Thầy Thiện Tu và đã được Thượng Tọa Bát Nhã cũng như Sư Ông Từ Quang thương mà hoan hỷ giúp ngay. Tôi về khẩn gọi lên đường.

Tôi đáp chuyến tàu chợ từ Phú Yên vào Sài Gòn mất gần một ngày một đêm. Trên tàu, đông chật người và đồ đạc, đến nỗi không còn chỗ đứng cho hai chân. Tôi phải thay nhau đứng một chân. Khi nào mỏi quá thì chen ra đứng ở khoảng nối liền hai toa xe lửa. Chỗ đó chỉ có người qua lại nên có thể đứng được 2 chân thông thả. Nói là thông thả nhưng rất nguy hiểm vì nếu không vịn chắc thì sẽ rớt xuống đường rầy ngay tức khắc. Đến ga Bình Triệu lúc 3 giờ sáng, tôi phải vào ngồi trong một quán nước để chờ trời sáng rồi mới vào thành phố. Trời sáng, tôi thuê xe vào thành phố, tìm đến Chùa Quan Âm của Thầy Thông Bửu tại Phú Nhuận để xin tá túc tạm thời. Chùa đông quá không có chỗ nằm, tôi phải ở phòng khách, ban ngày thì xõ rở đầu đó, ban đêm thì giăng mùng giữa mấy chân ghế mà ngủ. Lúc Thầy Thiện Tu đến Chùa Quan Âm, thấy tôi nghiệp, nên Thầy đã sang Chùa Từ Hiếu xin Thầy Nguyên Lý cho tôi ở tạm mà đi học. Thầy Nguyên Lý hoan hỷ. Tôi dọn qua ở Từ Hiếu tại Quận Tám, bên kia cầu Chữ Y.

Tôi nhờ Thầy Thiện Tu dẫn lên Chùa Già Lam để diện lễ Ôn Già Lam xin nhập học. Ngày đến Già Lam, tôi nhớ Ôn nằm trên võng sau phòng khách.



**ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ
(1909—1984)**

Thầy Thiện Tu bạch với Ôn, còn tôi thì y hậu lay đánh lễ. Ôn đọc thư Hòa Thượng Từ Quang rồi nói: Học thì được, nhưng ở đây không có chỗ, nên phải tự túc. Nghe Ôn hứa khả cho học lòng tôi mừng hết lớn. Cơ may này trong đời người được mấy lần, nhất là thời buổi khó khăn như bấy giờ!

Mỗi ngày tôi đạp chiếc xe đạp mini từ Chùa Từ Hiếu ở Quận Tám xuống Chùa Già Lam ở Gò Vấp hay Vạn Hạnh ở Phú Nhuận để học. Đoạn đường đó tôi phải mất từ 45 đến 50 phút đạp xe. Một nhất là những lúc trời mưa bất chợt, nước văng lên làm ướt cả vạt áo sau. Mấy ngày trời nắng chang chang, đạp xe đến nơi thì mồ hôi mồ kê đổ như tắm. Nhưng, tuổi trẻ hăng say không hề biết mệt hay khổ sở gì. Đến sau khi thi và đậu, rồi được nhận vào học chính thức thì tôi mới vào Già Lam ở nội trú. Lúc đó là mùa hè năm 1981.

Thời gian đầu, quý thầy học tăng vẫn còn sang Vạn Hạnh để học 2 môn của Ôn Minh Châu và Thầy Chơn Thiện. Ở Già Lam thì học với Ôn Già Lam, Thầy Minh Tuệ, Thầy Tuệ Sỹ, Thầy Lê Mạnh Thát, Thầy Nguyên Giác, Thầy Nguyên

Hồng. Sau này, Ôn Minh Châu đã sang Già Lam dạy luôn, nên quý Thầy học tăng không phải sang Vạn Hạnh nữa.

Ở gần với Ôn Già Lam mới cảm nhận được ân đức rất lớn của Ôn. Mỗi ngày vào buổi sáng, khoảng 4 giờ rưỡi, Ôn đều lên Chánh Điện lay Phật với quý Thầy, nhưng trước đó Ôn đã thức dậy rất sớm để hành trì trên tịnh thất riêng. Không một ngày nào Ôn không hành lễ, trừ lúc Ôn đi xa hay khi Ôn bệnh. Nghi 108 lay đó do chính Ôn soạn. Nghi đó có thể nói là dung chứa toàn bộ những áng văn thâm thúy của nền văn học Phật Giáo bằng chữ Hán và tất nhiên bao hàm tinh ba cốt lõi của tư tưởng Phật Học. Mỗi vị xuống một câu rồi đồng lay xuống. Đó là lối tu rất thâm diệu và đầy tính khoa học. Thâm diệu vì, khi một vị xuống lên, tất cả đều lắng nghe, nhập tâm, thể nghiệm đạo lý uyên áo trong kinh văn, rồi lay xuống, cái bàn ngã dù còn thì cũng như ngọn núi đổ xuống thành bình địa khi thâm nhập vào nhất tâm. Khoa học vì đó là phương pháp thể dục rất hiệu nghiệm. Đứng lên, lay xuống sát đất, liên tục 108 lần vào sáng sớm, với cõi lòng thanh thản tự tại, thì bệnh tật nào không giảm, phiền não nào không tiêu, nghiệp chướng nào không sạch! Có người nghe nói tu như vậy thì cho là đơn giản quá. Nhưng kỳ thật không pháp môn nào của Phật mà đơn giản cả. Sâu hay cạn là do ở chỗ dụng tâm. Cánh hoa của Thiên nữ đầu có nặng gì mà sao có vị không bị dính, còn có vị phũ hoai không thấy rút!

Tôi nhớ trong khóa an cư năm đó, Ôn Từ Đàm giảng Kinh Pháp Hoa. Lúc Ôn Từ Đàm vào lớp ngồi nơi bàn của giảng sư. Ôn Già Lam chống gậy ngồi ở tận hàng ghế phía sau. Quý Thầy thỉnh Ôn Già Lam



lên ngồi chung bàn với Ôn Từ Đàm, nhưng Ôn Già Lam đã từ chối. Ôn Từ Đàm mới nói đại ý rằng ngồi trên chưa chắc được an lạc bằng ngồi ở dưới. Hai vị đại trí đã thấu hiểu lẫn nhau. Quả thật vậy, Ôn Già Lam vì tương lai Phật Pháp, vì sự nghiệp giáo dục tăng, ni mà hy sinh đứng ra làm nhiều Phật sự trong thời buổi khó khăn. Ôn thật đã đem thân mình ra để che chở cho đàn hậu tấn có nơi ăn chốn ở, có trường lớp để học, có chỗ để tu tập.

Nói đến công nghiệp giáo dục và đào tạo tăng ni của Phật Giáo Việt Nam trong các thập niên hậu bán thế kỷ 20, thì Ôn Già Lam là người đã đóng góp công đức xứng đáng mà nhiều thế hệ tăng, ni đều cảm nhận. Điểm đặc biệt đáng nói là Ôn Già Lam, mặc dù thuộc thế hệ trưởng thượng, nhưng lại có thái độ cởi mở, khoan dung, và thực tiễn đối với chư tăng ni trẻ trong con đường học vấn. Chẳng hạn, cùng thế hệ như Ôn rất hiếm có vị tôn túc nào cởi mở trong việc cho tăng, ni trẻ đeo đuổi con đường thế học. Chính Ôn Già Lam đã lập Tu Viện Quảng Hương Già Lam để cho tăng, ni có nơi thường trú mà theo học các trường thế học tại Sài Gòn trong những năm đầu thập niên 1960.

Thể hiện cụ thể nhất cho tầm nhìn xa và tầm lượng cởi mở khoáng đạt của Ôn Già Lam là việc Ôn đã đề xuất đường hướng và quy chế đào tạo tăng, ni vào năm 1971, lúc Ôn đang là Giám Viện PHV Nha Trang, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp của GHPGVNTN. Có thể nói rằng đây là Quy Chế rất hiếm thấy được soạn ra cho công tác đào tạo tăng, ni tại Việt Nam từ trước tới nay. Đề án được Ôn Già Lam đặt tên là *"Thủ Vạch Một Quy Chế Cho Tăng Sĩ Và Một Chương Trình Đào Tạo Tăng Sinh Thích Ứng Với Nhu Cầu Của Giáo Hội Trong Hiện Tại Và Tương Lai Gần."* (Nguồn tài liệu từ trang mạng www.phatviet.com, trong Tâm Như – Trí Thủ Toàn Tập, Quyển III, Luận)

Trong Đề án nêu trên Ôn Già Lam đã nói đến vai trò của chư vị lãnh đạo Phật Giáo như sau:

"Trong phạm vi Phật giáo, nhiệm vụ bất di bất dịch của cấp lãnh đạo là thừa kế Tổ đạo, truyền trì giới luật, hướng dẫn tăng đồ và tín đồ về mặt tinh thần, trụ trì các tự viện thuộc hệ thống của Giáo hội. Công tác lãnh đạo còn bao gồm cả việc gây giống ương mầm un đức tăng tài, để thừa kế Tổ đạo trong ngày mai." (Nguồn như trên)

Để thực hiện sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp, cứu khổ quần sinh, Ôn Già Lam đã nêu ra hai phương thức mà cũng là mục đích cho một vị sử giả Như Lai. Ôn Già Lam viết trong Đề án nêu trên:

"Cấp thừa hành có nhiệm vụ bám sát cơ sở quần chúng, nhằm phát triển đạo pháp trên hai phương diện: 1. Củng cố tổ chức, dẫn đời vào đạo, 2. Tích cực nhập thế, đem đạo vào đời." (Nguồn như trên)

Qua đó, chúng ta thấy Ôn Già Lam đã có tầm nhìn quán triệt trước thời đại và nhu cầu phát triển Phật Giáo để làm sao vừa giữ được giềng mối Đạo trang nghiêm, vừa phát huy được diệu lực thù thắng của giáo pháp Phật Đà giữa xã hội. Vì vậy, Ôn Già Lam đã chủ trương, một mặt giữ Đạo, mặt khác đem đạo vào đời. Giữ Đạo để làm nghi biểu đạo đức thực chứng hầu củng cố đạo lực Tăng già và xây dựng tín tâm của thất chúng đệ tử Phật mà đem họ vào Đạo. Tích cực phổ biến tinh thần giải thoát giác ngộ của đạo Phật qua các công tác Phật sự thực tiễn văn hóa, giáo dục, từ thiện xã hội để cứu giúp dân sinh và góp phần vào việc xây dựng xã hội. Hai mục tiêu trên đáp ứng được đúng đắn hai nhu cầu khẩn thiết của Phật Giáo Việt Nam, đó là dẫn đời vào đạo và đem đạo vào đời. Nhưng cũng vừa giải quyết nan đề của Phật Giáo trước thời đại, đó là làm sao để duy trì mạng mạch chính thống của Phật Giáo mà cũng để đưa đạo Phật vào xã hội một cách thành tựu. Cả hai mục tiêu có thể cùng thực hiện đồng thời mà không gây chướng duyên cho nhau.

Để cụ thể hóa phương thức thực hiện hai mục tiêu đó, Ôn Già Lam đã đề xuất giải pháp khả thi qua hai công tác chính yếu: Kiện nội và Hóa ngoại. Kiện nội để đáp ứng mục tiêu "dẫn đời vào đạo" và Hóa ngoại để "đem đạo vào đời". Ôn Già Lam đã phân định minh bạch vai trò và chức năng của mỗi mục tiêu như sau:

"Ngành Kiện nội, lo xây dựng bên trong tự viện. Đóng vai trò thân cận của cấp lãnh đạo. Đảm trách mọi công tác củng cố sinh hoạt tinh thần và vật chất của cơ sở."

Ngành Hóa ngoại phụ trách tổ chức tín đồ thuộc mọi tầng lớp xã hội, diễn giảng, hành chánh, giao thiệp. Chính ngành này thực thi đường lối đối ngoại của Giáo hội, tương ứng với các cấp hành chánh ở ngoài đời."

Ngành Văn hóa Giáo dục chuyên trách việc giảng huấn trong đạo và ngoài đời, từ mẫu giáo đến đại học. Một công tác khác không kém phần quan trọng của ngành này là biên dịch và trước tác."

Ngành công tác xã hội trực tiếp tham gia mọi sinh hoạt xã hội mà không trái với tinh thần giới luật, qua các hoạt động nghề nghiệp hợp với thể chế, để nhiếp hóa chúng sanh bằng tinh thần tứ nhiếp pháp và lo sinh tài cho Giáo hội."

Điều đáng chú ý và gây thích thú nhất là việc Ôn Già Lam đã minh danh cho các phẩm trật tăng ni phục vụ trong những lãnh vực kiện nội và hóa ngoại bằng các phẩm vị rất thích đáng, Ôn đã đề xuất rằng:

"Chẳng hạn tăng sĩ thuộc cấp lãnh đạo thì gọi là Trụ trì tăng. Trong ngành Kiện nội gọi là Công đức tăng. Trong ngành Hóa ngoại gọi là Thiệp thế tăng. Trong ngành Văn hóa giáo dục gọi là Giảng huấn tăng. Trong ngành công tác xã hội gọi là Nhiếp hóa tăng."

Để được sung vào một trong năm ngành nói trên, tăng sĩ phải trải qua một thời gian tu học tại các Phật học viện theo đúng chương trình sẽ quy định ở một đoạn sau."

Việc quan tâm đến phẩm chất và nội hàm của tăng sĩ khi ra phục vụ đạo Pháp trong các tổ chức Phật giáo cũng như ngoài xã hội là điều vô cùng quan trọng trong thời đại ngày nay. Nếu không như



vậy, người hành đạo sẽ không thể mang được tinh ba của Phật Pháp để truyền đạt cho tha nhân và cũng chẳng có nội lực gì đủ để nhiếp hóa xã hội. Qua đó Ôn Già Lam đã đề nghị các tiêu chuẩn về trình độ kiến văn Phật Pháp và thể học mà một vị tăng sĩ phải có khi ra phục vụ Giáo Hội và xã hội. Ôn cũng đã đề xuất chương trình học Phật Pháp đầy đủ cho cấp Trung Đẳng và Cao Đẳng Phật Học, trình độ của những vị lãnh đạo Phật Giáo ở bậc trung cấp và cao cấp trong tương lai. (Xin xem nội dung chương trình từ nguồn trích như ở trên)

Một điều vừa lý thú vừa thiết thực hơn nữa là việc Ôn Già Lam đề xuất thành phần tăng sĩ tham gia các công tác xã hội chỉ nên thọ Sa Di Bồ Tát Giới và không có giáo phẩm. Đề xuất này nói lên tầm nhìn xa rộng và thực tiễn của Ôn. Bản thân người tăng sĩ đi vào xã hội để nhiếp hóa quần chúng nếu thọ trì Cụ Túc Giới của Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni sẽ có nhiều điều bất tiện, nhưng điều bất tiện thường xảy ra nhất là những ràng buộc của Giới Cụ Túc đối với công tác xã hội mang nặng sắc thái thế tục. Như vậy nếu tăng sĩ chỉ thọ Sa Di Bồ Tát Giới thì sẽ giúp cho bản thân vị tăng sĩ dễ uyển chuyển hơn với mọi hoàn cảnh, đồng thời tránh tạo ảnh hưởng không trang nghiêm đối với những vị Tăng Bảo thọ trì Cụ Túc Giới. Chính đây là điểm cụ thể để đưa Phật Giáo vào xã hội mà có thể đồng lúc giữ được bản thể thanh tịnh của hàng Tăng Bảo trang nghiêm.

Một nhà giáo dục hoàn bị là người thể hiện việc giáo dục một cách đầy đủ trên cả ba phương diện: ý giáo, khẩu giáo và thân giáo. Phải có đại nguyện rộng lớn và bền vững đối với sứ mệnh giáo dục mới có thể biến công tác giáo dục thành tâm ý để luôn luôn xem việc giáo dục là mục tiêu hàng đầu, để sẵn sàng hy sinh tất cả cho giáo dục, cho các thế hệ con em, để nỗ lực không ngừng kiến lập thuận duyên làm giáo dục dù sống trong bối cảnh xã hội đầy đầy nghịch duyên. Từ đại nguyện giáo dục ấy lưu lộ qua hai hình thái thể hiện việc giáo dục bằng thân và khẩu giáo. Đặc biệt đối với những vị tăng sĩ Phật Giáo, thân giáo đóng vai trò rất quan trọng vì đó là nghi biểu không phải chỉ trong lãnh vực giáo dục mà còn trong lãnh vực thực chứng giáo pháp của Phật Đà. Đúng như lời Phật dạy: Như Lai tức là nói và làm như nhau. Giáo thuyết và hành trì như nhau. Ôn Già Lam là vị tôn túc, là nhà giáo dục có đầy đủ nghi biểu đó. Giới đức tinh nghiêm, đạo hạnh thanh tịnh, kiến văn lâm bác, thế nguyện sâu rộng, dẫn thân

XUÂN

Sáng ra chợ mua báo
Để tìm hương cuộc đời
Dọc đường hương hoa cỏ
Cũng đủ ý xuân rồi!



TỰ TÌNH

Câu thơ
Vui với đời thường
Áo sờn vai
Bạc màu sương gió ngàn
Cỏ cây cựa mạch thời gian
Hỏi ra
Mới biết xuân đang tự tình.

THỜI GIAN

Ta nhỏ lên từng cột mốc thời gian
Ngồi đếm lại, thấy trên đầu đã bạc
Áy thế nhưng
Đời vẫn còn luân lạc
Cuối buổi hoàng hôn
Cuối buổi đông tàn.
Quanh quẩn tháng ngày
Quanh quẩn lòng ta
Rũ vai áo bên mái chòi tranh cũ
Nổi thao thức cùng trăng sao chưa ngủ
Khép bên vườn cánh bướm dưới hiên hoa.

Xuân đến bao giờ
Ta có hay đâu?
Bỗng thấy chiều nay bên triền suối nhỏ
Hoa bướm đưa hương quện cùng hoa cỏ
Cánh én đầu mùa
Chợt thức dưới trời sâu!

MẶC PHƯƠNG TỬ

thơ

trộn vện vào con đường giáo dục tăng, ni trải qua bao thập niên, bao hoàn cảnh xã hội, bao nghịch duyên từ trong ra ngoài, Ôn Già Lam là nhà giáo dục lớn của Phật Giáo Việt Nam thời cận đại.

An đức giáo dục của Ôn Già Lam sẽ còn mãi trong đáy sâu tâm thức của những người đã từng có phước duyên thọ nhận. Công hạnh giáo dục tăng, ni của Ôn Già Lam sẽ còn mãi trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam.

Con xin cúi đầu nhất tâm dâng lễ Giác Linh Cổ Đại Lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Thủ.

Hậu học,

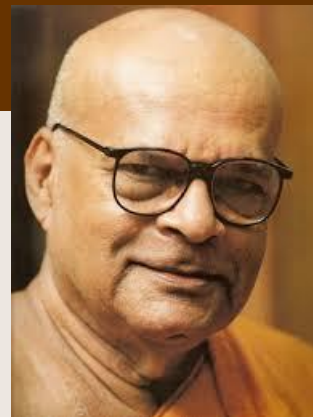
Tâm Huy - Huỳnh Kim Quang

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN

YOU ARE RESPONSIBLE

Tác Giả: VEN. DR. K. SRI. DHAMMANANDA

Người Dịch: H. T. THÍCH TRÍ CHƠN



TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ BẠN

Bạn có thể muốn nghĩ rằng những lo buồn và khổ đau của bạn là do tai họa của gia đình truyền kiếp từ đời nọ qua đời kia. Hay có thể những sự khổ ấy phát sinh ra vì tội lỗi do ông bà ngày xưa đã gây ra, giờ đây từ mộ phần chúng trở về để làm khổ bạn. Hoặc có thể nỗi khổ đau của bạn được tạo nên bởi Thần Linh hay Ma Quỷ.

Nhưng có khi nào trong giây lát bạn xét nghĩ rằng nguyên nhân có thể thực sự nằm ở bạn? Đúng vậy, chính bạn! Bạn đã tạo ra sự thất bại, khó khăn và điều bất hạnh của bạn. Nhưng phải chăng bạn có thể nói, vì "bản tính con người" không thích nhận lỗi về mình, nên họ đã dồn sự than trách vào kẻ khác hơn là tự mình chịu trách nhiệm về các điều (sai quấy) ấy?

Con người khi phải đương đầu với những khuyết điểm của mình, họ thường dối mình và tránh né nhận sự lầm lỗi đó. Họ sẽ tìm mọi cách để bào chữa, ngay cả dùng phương thức tệ hại nhất để biện minh cho việc làm của họ. Họ có thể thành công khi hành động như thế. Đôi khi họ đạt được rất nhiều kết quả bằng cách cố gắng lừa gạt kẻ khác, ngay cả họ tìm cách tự dối mình với ý tưởng rất xấu xa (ma quỷ) nảy sinh trong tâm trí.

Tuy nhiên, người ta có thể lừa đảo vài người trong đôi lúc, chứ không phải lúc nào họ cũng lường gạt được tất cả mọi người. Theo (giáo lý) đức Phật, "Kẻ thực sự xấu ác, khi họ gây tội lỗi mà không tự biết. Và người làm ác nhưng biết sám hối lỗi của mình là người có trí tuệ (đức hạnh) vậy."

Nếu bạn phạm lỗi lầm, bạn nên nhận lấy điều ấy. Dĩ nhiên bạn cần có can đảm để thấy rằng mình đã gây ra sự sai quấy đó, và nên nhận chịu lỗi lầm ấy dù kết quả có buồn phiền đến đâu. Bạn cũng cần có trí tuệ để thấy biết những lầm lỗi của bạn. Đức Phật đã dạy: "Rất dễ thấy lỗi của người, chứ thấy lỗi của mình thì quá khó". Bạn không nên trốn tránh trách nhiệm về những hành động của bạn gây ra bằng cách chỉ trích hoàn cảnh xung quanh. Trong những lúc gặp khó khăn và thử thách, bạn hãy vui vẻ làm việc, thay vì phơi bày nét mặt sầu khổ. Hãy can đảm cải đổi hoàn cảnh nếu sự đổi thay là cần thiết; hãy bình tĩnh chấp nhận những điều mà bạn không thể thay đổi được, và can sáng suốt để hiểu rõ sự khác biệt (của những khó khăn).

Đừng nghĩ rằng bạn là người không may mắn hay nạn nhân bất hạnh của vận số. Hãy đương đầu với những thất bại. Bạn cần ý thức rằng tâm của bạn tạo nên những nguyên nhân mà chúng đã gây ra mọi sự khổ đau và khó khăn cho bạn. Chỉ sau khi bạn thành thật biết rõ điều này và khắc phục được tánh tự dối mình, bạn mới có thể bắt đầu tạo ra những yếu tố cần thiết cho sự hạnh phúc của bạn.

YOU ARE RESPONSIBLE

You may wish to think that your sorrows and miseries are caused by a family curse handed down from one generation to another. Or perhaps they arise because of some sin performed by a distant ancestor who has now returned from the grave to torment you. Or maybe your sorrows are created by God, or the Devil.

Yet, have you considered for a moment that the cause may really lie with yourself! Yes, yourself! You have caused your own failure, hardship, and unhappiness. But is it not convenient "human nature" you might say to place the blame on others, rather than seeing yourself as being responsible for them?

Often when a man is forced to see his own weakness, he voids it and instead gives in to self-deceit. He will search his brain for an excuse, even the lamest one will do, to justify his actions. He may succeed in doing this. Sometimes he succeeds so well in trying to fool others, he even manages to fool himself with the very ghost created by his mind.

A person may fool some of the people some of the time, but not all the people all of the time. "The fool", according to the Buddha, "who does not admit he is a fool is a real fool. And the fool who admits he is a fool is wise to that extent."

If you have made a mistake, then admit it. You need courage, of course to admit that you have fallen victim to it and make that admission no matter how unpleasant that may be. You also need wisdom to see your own faults. The Buddha did say: "Easily seen are others' faults; hard indeed to see one's own faults." You should not evade self-responsibility for your own actions by blaming them on circumstances. During times of difficulties and trying moments, work on cheerfully instead of showing a sour face. Be courageous to change if change is necessary; be serene enough to accept what you cannot change, and be wise to know the difference.

Do not think that you have been unlucky, or an unfortunate victim of fate. Face your shortcomings. You must realize that your mind has created the conditions which gave rise to the miseries and difficulties you are experiencing. It is only after you have truly realized this fact and do not succumb to self-deceit, that you can begin to create conditions necessary for your happiness.



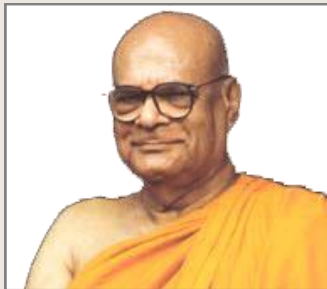
NGUYÊN NHÂN GÂY RA NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA BẠN

Đức Phật dạy: Bạn là kẻ đã tạo nên phận số của bạn. Bạn không nên chỉ trích bất cứ ai trước những khó khăn của bạn, khi mà chỉ mình bạn chịu trách nhiệm về cuộc đời của bạn đối với sự tốt đẹp hoặc xấu xa.

Bạn tạo ra mọi việc chính bạn đã gây ra tất cả những lo buồn và đau khổ cũng như hạnh phúc và thành công của bạn. Những người khác có thể gây ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn, nhưng duy nhất bạn mới là người thực sự đã tạo nên cái nghiệp lực (Karma) của mình (qua các hành động chủ tâm của bạn). Cho nên bạn phải chịu trách nhiệm về những kết quả ấy. Trong ý nghĩa này, không có một nhân vật hay thần linh (deva) nào có thể hướng dẫn hay kiểm soát sự thành tựu quả vị giải thoát cuối cùng - hoặc ngay cả sự đọa lạc của một cá nhân. Hành động với ý tưởng và tinh thần trong sạch, tất cả lời nói và việc làm của bạn trở nên thanh tịnh. Trái lại, hành động với tâm hồn và ý niệm nhiễm ô, bạn tiếp tục gây ra những việc làm xấu ác mà chúng sẽ tạo thành vận mạng và cá tính của bạn.

Bẩm tính bạn có thể là một người tốt và không làm hại ai, nhưng bạn vẫn bị nhiều người khác chỉ trích. Bạn nên chia xẻ những khó khăn và chướng ngại dù bạn đã giúp người ta với ý tưởng không vụ lợi cho mình. Rồi bạn có thể tự vấn: "Nếu điều tốt đem lại tốt, xấu đem lại xấu, thì tại sao bạn lại gặp những khổ đau khi bạn hoàn toàn lương thiện? Tại sao bạn phải chuốc lấy quá nhiều đau khổ và buồn phiền? Tại sao bạn làm điều lành mà bạn vẫn bị người ta chê trách?"

Câu trả lời đơn giản là: Hiện tại bạn đang gặt lấy cái nghiệp nhân (Karma) xấu ở quá khứ mà nay nó đã chín muồi. Cứ tiếp tục làm việc lành rồi bạn sẽ sớm thoát khỏi những khó khăn đó. Bạn đã gây nên mọi sự khổ đau cho bạn, và chỉ có bạn mới có thể khắc phục chúng bằng cách nhận chân được bản chất của nghiệp báo (Karma) mà đức Phật đã dạy.



CAUSE OF TROUBLES

According to the Buddha, man makes his own destiny. He should not blame anyone for his troubles since he alone is responsible for his own life for better or worse.

Man creates everything all his grief and misfortunes as well as his happiness and success are his making. Others may exert an influence over his life, yet it is he who actually creates his own karma (through his intentional reactions). He must therefore be responsible for the effects. Seen in this light, there is no human being or deva who can direct or control a person's attainment of ultimate salvation—or even downfall. Acting with pure heart and mind, all his words and actions become pure. However, acting with polluted heart and mind, he continues to create evil actions which shape his character and destiny.

You may be a person who is good and harmless by nature, yet you are blamed by others. You have your share of difficulties and disappointments even if you have assisted others without a thought for yourself. You might then ask, "If good begets good, bad begets bad, why should I have to suffer when I'm completely innocent? Why should I have to undergo so many difficulties and disappointments? Why should I be blamed despite of my good work?"

The answer is a simple one: you are now facing a past bad karma that is ripening. Continue with your good work, and soon you will be free from such troubles. You have created your own disappointments and you alone can overcome them by realizing the nature of karma as taught by the Buddha.

(to be continued...)

thơ

MINH LƯƠNG
TRƯỜNG MINH SUNG

ĐÔI CHÂN CHÚNG SINH

*Đôi chân đi mỏi quá rồi!
Cũng vì cuộc sống mờ hôi dầm dề...
Tha hương lòng vẫn nhớ quê!
Cuối đời đau khổ u mê cõi trần.*

ĐÔI CHÂN THIỀN HÀNH

*Đôi chân đi đứng thiền hành
Giữ tâm tĩnh lặng biển xanh sóng dòn.
Không tham cuộc sống bồn chồn...!
Ra đi thanh tịnh dứt luôn nghiệp trần.*



ĐÔI CHÂN HOÀNG PHÁP

*Đôi chân hoàng pháp độ đời
Từ bi hỉ xả tâm thời bao dung.
Chúng sinh cứu giúp đến cùng!
Quay về bờ giác mệnh chung thoát trần.*

NGƯU VÔ GIÁC VÀ NGỰA CÓ SỪNG

Điều Ngự Tử Tín Nghĩa sưu tầm

Kính thưa quý thức giả,
Với đề tài trên đây thấy cũng hơi ngồ ngổ. Ngồ ngổ là vì Trâu thì không có sừng (*Ngư Vô Giác*) mà ngựa thì lại có sừng (*Mã Hữu Giác*).

Xin mời độc giả từ từ theo dõi.

Với hai đề tài này, thì đề tài số hai, bút giả học thuộc lòng từ thời còn để chơm; còn đề tài số một thì được học khi đã thọ Sa di giới rồi, nhưng chưa có dịp trình làng, nay thì cũng đã đến lúc khởi lại cho bút giả và cũng để hầu chuyện cùng độc giả đón đọc cho vui. Và, cũng tự giới thiệu, chữ Nho (*Hán văn*) của bản thân chúng tôi viết không quá nửa ngọn lá mít, nhưng cũng cố trình làng. Xin quý bậc cao minh lượng thứ và đừng cho chúng tôi thuộc loại mục hạ vô nhơn.

Đầu bài này có hai mục rõ ràng. Chúng tôi xin trình bày phần đầu là Ngưu Vô Giác.

Ba chữ này được trích trong bài thơ chữ Hán như sau:

一心奉請

Nhất Tâm Phụng Thịnh

東城下筆至西城

Đông thành hạ bút chí Tây thành,

半月橫勾點三星

Bán nguyệt hoành câu điểm tam tinh.

三人同騎牛無角

Tam nhân đồng kỵ ngưu vô giác,

一點三橫口半青

Nhất điểm tam hoành khẩu bán thanh.

(信義搜尋 - Tín Nghĩa Sưu Tầm)

Phần một: Ngưu vô giác

Tựa đề của bài thơ là Nhất Tâm Phụng Thịnh. Đây là một bài thơ chữ Hán, chỉnh cú rất chuẩn mực.

Câu đầu, theo lối viết chữ Hán thì từ tay trái viết qua tay phải, viết trên trước, dưới sau để thành một chữ Hán đúng của nó. Những ai đã từng học chữ Hán (*tức chữ Nho*), thì cũng phải theo khuôn khổ như thế, kể cả người Tàu (*Trung quốc*). Quý độc giả có nhận thấy nói rõ là: *Đông Thành Hạ Bút Chí Tây Thành*, có nghĩa là khi viết chữ Nhất thì kéo đầu bút từ tay trái thẳng qua tay phải, nhưng để cho bài thơ văn hoa thì tác giả diễn tả chạy từ thành phía đông qua tận thành phía tây, là như vậy.

Câu thứ hai: *Bán Nguyệt Hoành Câu Điểm Tam Tinh*, tức là diễn tả một nửa vầng trăng mà có điểm ba chấm, tức là chữ Tâm. (*Xin xem chữ Tâm ở trên bài*).

Câu thứ ba là câu then chốt của tựa đề trên đây: *Tam Nhơn Đồng Kỵ Ngưu Vô Giác*, tức là ba người cùng cỡi một con trâu không có sừng. Quý vị từ từ để ý chiết tự như sau: Có ba gạch ngang, thì gọi là tam và được chữ Nhơn đề lên nó, và dưới phần rộng của chữ Nhơn có một Ngưu mà không có móc (*tức là chỉ cho cái sừng*) ở phía dưới, thì được gọi là Ngưu Vô Giác. Quý vị tuần tự ráp ba phần đã nói như đây thì nó thành chữ Phụng.

Câu thứ tư bao gồm: *Nhất Điểm Tam Hoành Khẩu Bán Thanh* tức là diễn tả phần bên trái, bao gồm ở trên có một chấm (*tức nhất điểm*), dưới chấm ấy có ba gạch ngang thì được gọi là Tam Hoành, và dưới tam hoành ấy có chữ Khẩu là mới được một nửa (*bán*). Từ một chấm đến ba ngang rồi chữ khẩu ở dưới là chữ Ngôn; còn một nửa bên phải là chữ Thanh. Kết quả gồm chữ Ngôn và chữ Thanh để trở thành chữ Thịnh. Tuy nói bán, nhưng là bán của chữ Thịnh. Thật sự là do chữ Ngôn và chữ Thanh hợp lại. Bốn câu thơ ấy là diễn tả bốn chữ Nhất Tâm Phụng Thịnh như bài thơ chữ Hán trên đây. Nhưng để ngồ ngổ cho vui, nên tác giả lấy tựa đề là Ngưu Vô Giác, vậy thôi.

Phần thứ Hai: Ngựa Có Sừng

Tựa đề này có liên qua đến nhân quả của nhà Phật. Số là xưa và xưa lắm, bút giả được nghe hướng dẫn khi theo học chữ Nho với vị lão thành tên Khóa Hoành Miêu, người cùng làng, chồng của bà cô thúc bá với bút giả (*mà người Trung trở vào Nam thì gọi là dượng*). Trước khi kể, ông thường bảo dù quý trở học Nho, hay học Phật thì cần phải lấy nhân quả làm trọng. Con người không biết đến nhân quả thì rất nguy hại cho cuộc sống của chính mình và có thể liên lụy đến những người khác (*tức cộng nghiệp*), và đến lúc lâm chung cũng có thể gặp những chuyện khó lường trong giờ cuối.

Ông kể rằng: Có một nhà phú hộ nọ, quê ở vùng miền nam Trung phần, hình như ở tỉnh Quảng Ngãi hay Bình Định gì đó, ông cũng quên. Ông chỉ nhấn mạnh về nghiệp báo của nhà Phật mà thôi. Ông phú hộ ấy không tin nhân quả, mà thường hay bắt nạt kẻ yếu thế, cô quả; đã vậy lại có cái tâm tính độc ác. Hễ giận lên một chút là đánh mắng, đập đánh người ăn, kẻ ở tàn khốc. Nhà ông ta có nuôi một số người giúp việc. Lúc nào ông la mắng đánh đập. Có một người giúp việc nọ không biết phạm lỗi gì đó, làm





ông tức giận và ông quát lớn coi chừng mày sẽ bị ta giết chết; ta giết mày, nếu linh thiêng thì đợi khi nào ngựa có sừng, mày mới phục thù ta được.

Nói rồi, đêm khuya trời tối, ông dẫn người giúp việc ấy vào rừng và giết người giúp việc ấy đi. Xác chết nằm trong rừng sâu. Trên đường trở về nhà, ông ngựa mất lên trời vừa cười vừa lặp lại câu thơ, khi nào ngựa có sừng mới mong tìm ra tông tích.

Mười năm sau, có một vị tri huyện tại một trong hai tỉnh ấy tên là Mã Hữu Giác (*ngựa có sừng*), suốt mấy ngày liền không ngủ được. Ra ngồi xử việc ở huyện đường cũng nghe văng vẳng bên tai, ngai cứu tội với. Ông lấy mực phê châu thì con ruồi cứ đậu trước mũi cây bút lông, làm cho ông Tri huyện không thể nào phê đơn kiện cáo gì được.

Ông để bút xuống suy nghĩ, thì con ruồi cứ bay quanh ông, nhất là bay qua bay lại trước mặt ông ta. Ông cứ xua đuổi con ruồi đôi ba lần, đừng phải con ruồi và con ruồi bay sà vào nghiêng mực tàu. Ông Tri huyện suy nghĩ miên man, con ruồi nó bò lết nguệch ngoạc ra sao đó trên bản án ông tri huyện đang phân xử, mà ông ta thấy được hình ảnh oan trái giữa ông phú hộ và người giúp việc. Quan huyện cho người tìm ông phú hộ và gia đình bị giết oan đã lâu, dẫn đến huyện đường.

Sau khi phân định hai gia đình đầu đó, ông Tri huyện cho người hạch hỏi, cũng như tìm lai lịch của kẻ bị giết oan. Cuối cùng, ông phú hộ kia, thời gian này cũng đã già nua đứng ra quỳ lạy và xin thú nhận tội lỗi đã làm từ lâu. Và, chính ông thừa rằng: Ông không tin nhân quả và có thể nguyên khi nào Ngựa Có Sừng thì mới biết được tông tích này. Vì khi ông dẫn người vào rừng sâu để thủ tiêu, thì chỉ một mình ông và người bị giết. Đúng như lời thề của ông phú hộ, đến đời quan Tri huyện Mã Hữu Giác (*ngựa có sừng*) mới tìm ra tông tích. Nhân quả báo ứng của nhà Phật không sai chạy chút nào cả. Ông xin nhận tội và đền bù xứng đáng cho người đã bị giết năm xưa.

Câu chuyện của dương Khóa kể còn dài, bút giả chỉ đón nhận phần chính về luật nhân quả của nhà Phật, để tóm thuật phần chính. Còn chuyện ông Tri huyện nghiên cứu với con ruồi, chuyện năm mộng ra sao, thấy không cần phải nói hết các tiểu tiết.

Điều Ngự Từ Tín Nghĩa

BẠCH HẠC

*Bạch hạc ẩn tàng làn sương mỏng
Dạo bước rừng sâu sư tử hồng
Tịch tịch hê! mây hay mộng
Gió rớt thơ tràn suốt thiên niên.*

*Người về xiêm áo cũng u huyền
Bát phong lát phát cơn mưa thiên
Đại thừa ai thuyết rền thiên cổ
Vạn pháp hê! xanh chân đế.*

*Bồng dựng cây lá bưng hương sắc
Con mắt xốn xang lòng huyền hoặc
Cớ chi thất lạc hôn với phách
Thánh phàm bất giác nhớ quàng xiêng.*

*Bạch hạc bay về cơn mưa nghiêng
Roi trắng thêm xưa sương hay khói
Bạch hạc chiều nay đôi cánh mới
Bồng thấy hoang vu cả đất trời.*

*Bạch hạc về đây hê! có xứ
Trăng ngàn mờ nhạt giữa rừng cây
Trần gian như thể từ vô thi
Bồng bênh rông rần một màu mây.*

SINH TRỤ HOẠI DIỆT và HỒI SINH

*Từ ta một giọt máu hồng
Hóa sinh lớn dậy giữa dòng đời trôi
Cỏ vàng lạnh hạt sương rơi
Khoảnh thân mộng đó bên trời lao xao
Chén cay đắng, chén ngọt ngào
Chén điều đứng cạn, cơn đau mệt nhừ.*

*Rồi như một nhánh sông khô
Dặng tay ta níu mấy bờ quanh hiu
Lạc loài dăm tiếng chim kêu
Ngó quanh chỉ thấy bóng chiều giăng giăng
Ô-hay! có một màu trắng
Long lanh như hạt sương tan bên trời.*

*Trong màu lụa trắng tinh khôi
Hồi sinh muôn hạt trên đời xuân xanh
Từ trong vô lượng đất lành
Dậy lên sắc tướng âm thanh chập chùng
Cuộc sinh tử đó khôn cùng
Mệnh mang nhân ảnh, bụi hồng mù bay.*

LÝ THỪA NGHIỆP

thơ



Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại
Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan
Văn Phòng Phó Hội Chủ Điều Hành
148 – 154 Edensor Road, St Johns Park – NSW 2176 Australia
Email: phapbao@bigpond.net.au, Tel: (02) 9610 5452

Số 2

Phật lịch 2558

THÔNG BẠCH

V/v **LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ**

Kính gửi: - Chư tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Hải Ngoại
- Quý đồng hương và thiện nam tín nữ Phật tử

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý vị,

Bản thể Tăng già hòa hợp là chất keo sơn gắn bó mà hàng chúng Trung Tôn của Đức Từ Phụ luôn thể hiện để duy trì mạng mạch Phật pháp qua mọi thời đại.

Theo gót tiền nhân – các bậc Thầy Tổ, qua nhiều thế hệ, hàng hậu bối đã và đang kế thừa sự nghiệp hoàng pháp vì gia vụ. Để tri ân báo đức các Ngài, chúng ta cần biểu tỏ tấm lòng thành bằng lễ bạc, và sự tập chúng hòa hợp trong dịp lễ tưởng niệm, là thể hiện đạo tình Linh Sơn cốt nhục.

Với sứ mệnh Trưởng Tử Như Lai hay môn đệ của bậc đại giác, mong quý Ngài và quý vị đáp ứng thư mời của Ban Tổ Chức lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn, **vào những ngày 27 & 28 tháng 9 năm 2014 tại Tự Viện Pháp Bảo – Sydney, Úc Đại Lợi.**

Kính chúc quý Chư tôn pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ; đồng kính chúc quý vị vạn sự cát tường.

Sydney ngày 24 tháng 3 năm 2014

Phó Hội Chủ Điều Hành

(ấn ký)

HT Thích Bảo Lạc



TANG LỄ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN DUNG TẠI PEAK FAMILY COLONIAL FUNERAL HOME, CALIFORNIA, 25/3/2014





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
Vietnamese American United Buddhist Congregation
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM Nam Calif.
Vietnamese Buddhist Community of Southern California
BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN PL 2558
Buddha's Birthday Festival Celebration - Buddhist Year 2558
3010 W. Harvard Street, Santa Ana, CA 92704
Tel.: (714) 437-9511 Fax (714) 352-4786

THÔNG BÁO số 1 **Của Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đàn Phật Lịch 2558**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử:

Hòa cùng với niềm hoan hỷ của hàng trăm triệu người con Phật trên thế giới đón mừng ngày Đản Sinh của đức Thích Ca Mâu Ni, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và các Chùa, các Tự Viện tại miền Nam California, sẽ long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đàn Phật Lịch 2558 vào **thứ Bảy, ngày 03 tháng 5 năm 2014 tại Trường Trung Học Bolsa Grande, 9401 Westminster Avenue, Garden Grove, CA 92844, Orange County, California, Hoa Kỳ.**

Đại Lễ Phật Đàn năm này với chủ đề **Cầu Nguyện Hòa Bình Thế Giới** có nội dung phong phú và nhiều lợi lạc. Trang nghiêm đạo tràng lúc 9 giờ sáng thứ bảy và sau đó là Đại Chúng cúng dường Trai Tăng lúc 10 giờ, chính thức cử hành nghi thức Đản Sinh với nghi lễ tôn giáo lúc 11 giờ 30 và nghi thức hành chánh tiếp theo lúc 1:00 chiều; đặc biệt với Lễ Hội Hoa Đăng và văn nghệ cúng dường Đức Phật Đản Sanh từ 3 giờ chiều đến 10 giờ đêm thứ bảy.

Thay mặt Ban Tổ Chức, thành tâm kính mời quý vị đại diện các tôn giáo bạn, các đoàn thể và hội đoàn, các cơ quan truyền thông báo chí nhin ít thời giờ đến tham dự. Chúng con cung thỉnh tôn đức Tăng, Ni, chư vị Viện Chủ các Tự Viện hoan hỷ tham dự, hỗ trợ và góp lời cầu nguyện cho Đại Lễ Phật Đàn thành tựu viên mãn

Chúng tôi xin kêu gọi quý đồng hương và Phật tử phát tâm hỗ trợ về tinh thần, tài chánh, công sức để góp phần công đức cùng đường Đại Lễ Phật Đàn.

Trân Trọng Thông Báo và Kính Mời.

Santa Ana, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Trường Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đàn Phật Lịch 2558

Hòa Thượng Thích Minh Tuyên

Điện thoại: **(714) 759-0752**

LỤC BÁT NGẮN

XUÂN

Tàn xuân,
Lá rụng,
Hoa rơi,
Cảnh khô cây đứng bồi hồi tiếc xuân
Bông dưng,
Thơ trở điệu vắn
Ba La Bát Nhã, phù vân vô thường

THƠ

Thơ là hoa của vườn tâm
Rải dăm vắn điệu hạt mầm, vui thôi!
Biết đâu trong cánh hoa rơi
Ủ hương tiên kiếp giữa Tôi với Người!

HOA

Hoa vàng hoa tím chen nhau
Sư-cô ơi! Chỉ lối đâu về nhà?
Rằng, nay hoa trụ ta-bà
Tiền thân là chuyển đồ qua sông Hằng

thơ



ĐIỆU

Ai đem chuông mõ vô chùa
Khổ thân chú Điệu mệt phờ tụng kinh!
Ngủ rồi thức,
Nhớ rồi quên
Giật mình thấy Phật lặng yên mỉm cười.

ĐI

Người đi để lại cảnh lan
Bên hiên dẫu thiếu nắng vàng vẫn thơm

VỀ

Về ngang qua giữa phố xưa
Thấy bông hoa đứng đợi mưa một mình!

SINH DIỆT

Đêm nay,
Dẫu biết là đời
Thời-công-phu vẫn cát lời ngân nga
Án, a na lệ ...
Ba la ...
Trong sinh có diệt,
Trong ta có người.

HUỆ TRÂN

(Tào-Kê tịnh thất, Rằm Tháng Giêng, Giáp Ngọ)

NGUỒN SINH LỰC ĐẠO PHẬT QUA TRUNG BỘ KINH

Thích Nữ Trí Hải



Qua Trung bộ kinh gồm 152 kinh do Hòa thượng Minh Châu phiên dịch, chú thích và giảng giải, chúng ta tìm thấy một nguồn sinh lực rất rào của kinh tạng Pàli mà các học giả đều công nhận là gần với thời Phật nhất, ghi lại những lời dạy của Ngài qua 49 năm du hóa. Ở đây, đức Phật được làm sống lại như một con người, và một con người tuyệt luân. Nghe Trung bộ kinh, chúng ta như được trở lại bầu không khí trong lành vườn Cấp Cô Độc ngày xưa ấy. Chúng ta cảm như được dự phần vào pháp hội đồng đạo thánh chúng của đức Phật gồm cả loài người và chư thiên. Chúng ta như được gần gũi chư vị Thánh đệ tử quen thuộc kính yêu mà khoảng cách thời gian dài 25 thế kỷ và không gian cả đại trùng dương không làm cho chúng ta ngại. Đây đây là tôn giả A Nan đẹp trai khả kính, đầy nhân ái, bao dung, đa cảm. Ngài là ân nhân của phụ nữ và 12 loại cô hồn. Chính nhờ Ngài mà phụ nữ được phép xuất gia. Lại theo truyền thống Đại thừa giáo, thì chính tôn giả là người phát minh ra trai đàn chẩn tế mệnh danh "cứu đảo huyền" (cái khổ bị treo ngược) vào ngày rằm tháng bảy. Trong nghi chẩn tế có nói tôn giả Nan Đà nhân nhập định thấy đức Bồ tát Quan Âm thị hiện thành vị thần mặt đen lưỡi dài để cứu khổ chốn địa ngục. Ngài bèn bạch Phật và nhân đây bày ra việc cúng cơm cháo cho cô hồn đói khổ:

*Nan Đà tôn giả nhân nhập định,
Cứu khổ Quan âm thị Diện nhiên.*

Này đây là tôn giả Ca Diếp nghiêm túc với hạnh đầu đà. Đây đây là tôn giả Mục Kiền Liên chan chứa đức bi mẫn, nêu cao gương hiếu hạnh. Đây đây là tôn giả Xá Lợi Phất với trí tuệ bạt tục siêu quần. Và ôi, cảm động xiết bao, khi ta hình dung lại bóng dáng đức Từ Tôn, đấng Đại Giác bằng xương bằng thịt qua những dòng kể của thanh niên ngoại đạo Uttara: "Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thế giới. Đi đến tu viện, tôn giả thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy... Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi vẫn đoái nhìn lại không muốn rời bỏ. Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi, chúng con thấy tôn giả Gotama đứng, chúng con thấy Tôn giả Gotama ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả Gotama ăn trong nhà. Chúng con thấy Tôn giả Gotama sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy Tôn giả Gotama sau khi ăn xong, nói lời tùy hỉ công đức. Chúng con thấy tôn giả đi đến tu viện, chúng con thấy tôn giả đi đến tu viện ngồi im lặng. Như vậy và như vậy là Tôn giả Gotama ấy, như vậy và còn nhiều hơn nữa." (Kinh Phạm Ma). Hình ảnh đức Từ Phụ như trở về trong vòm trời tâm thức chúng ta qua những lời kể thật thà chất phác ấy.

Khi đọc Sư tử hống đại kinh, ta cảm thấy rừng

minh, lông tóc dựng ngược như được nghe chính kim khẩu của đức Từ phụ kể lại những khổ hạnh Ngài đã trải qua trên đường tìm chân lý: "Trên thân ta, bụi bậm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng... Này Sàriputta, như thế này là sự cô độc của ta: Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại đây. Khi ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đồn củi hay người thợ rừng, ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Ta nghĩ rằng, mong chúng đừng thấy ta, và mong ta đừng thấy chúng... Khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, ta ăn phân những con bò con. Khi nước tiểu và phân của ta còn lại, ta tự nuôi sống với những loại ấy... Trong những đêm đông lạnh lẽo, mùa tuyết rơi, ta sống giữa trời vào ban đêm, và ban ngày thì sống trong khu rừng rậm rạp... Ta nằm ngủ trên bãi tha ma, dựa trên một bộ xương... Những đũa mộc đồng khắc nhô trên ta, rắc bụi trên ta, và lấy que đâm lỗ tai, và ta biết ta không khởi ác tâm đối với chúng..."

Vì ta ăn quá ít, tay chân ta trở thành như những cọc cỏ hay những đợt cay leo khô héo... Vì ta ăn quá ít, các đốt xương sống của ta phô bày như một chuỗi banh. Vì ta ăn quá ít, các xương sườn của ta gầy mòn như rui cột một sàn nhà hư nát. Vì ta ăn quá ít, con người của ta nằm sâu thẳm trong giếng nước lạnh lẽo..."

Có khi chúng ta như được trông thấy thanh niên Bà la môn rón rén đi đến tịnh thất của đức Phật, gõ nhẹ vào cửa. Đức Thế Tôn ra mở chốt. Quang cảnh thanh bình, an tĩnh, trong sáng, chan hòa mạch sống tâm linh ở thánh địa Cấp Cô Độc ngày xưa như hiện rõ trước mắt ta, và hình ảnh đức Từ Tôn trở nên vô cùng linh động. Chỉ ở đây, chúng ta mới bắt gặp hình ảnh đức Thế Tôn như một Con Người, nghĩa là rất gần gũi, và do đó, càng thêm đáng kính đáng yêu. Chúng ta như được thấy tôn giả Nāgasamāla đang đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài (Sư tử hống đại kinh). Trong khi bàn về hạnh phúc của sự độc cư, chúng ta được nghe Ngài hồn nhiên tâm sự với thị giả Nāgita rằng Ngài cảm thấy thoải mái ngay cả khi đại tiểu tiện mà không thấy có người nào ở trước mặt hay sau lưng.

Đọc kinh Xa đầu tụ lạc, chúng ta được mục kích quang cảnh rộn rịp ở rừng cây Kha lư lạc, khi hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dẫn về 500 đệ tử để yết kiến đức Thế Tôn. Vì mới xuất gia chưa thuần thục uy nghi của thiền, nên các vị đệ tử này gây nhiều tiếng động khi đặt y bát và xếp dọn chỗ nghỉ dưới những gốc cây. Từ thảo am, đức Thế Tôn nghe ồn ào bèn hỏi thị giả A Nan đứng một bên:

- Này A Nan, các tiếng ồn ào kia là tiếng gì, giống như tiếng hàng cá tranh giành cá với nhau?

A Nan trình bày sự việc. Đức Phật quả trách và

bảo A Nan ra đuổi 500 vị tân tỳ kheo đi chỗ khác:

- Hãy đi đi, này các tỳ kheo. Ta đuổi các người. Các người chớ có ở gần ta.

Chúng ta như thấy được vẻ tiu nghỉu buồn sầu của những vị ấy khi cuốn gói ra đi. Và chúng ta thích thú hình dung dáng điệu từ ái của đấng Cha lành khi Ngài gọi lại hai vị đại đệ tử thân yêu để hỏi xem hai vị đã nghĩ gì khi Ngài đuổi 500 đệ tử mà họ dẫn về. Tôn giả Sàriputta thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng từ nay Thế Tôn được ít bận rộn và chúng con cũng ít bận rộn.

Tôn giả Mục Kiền Liên thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng từ nay Thế Tôn sẽ ít bận rộn, nhưng chính con và tôn giả Xá Lợi Phất nên đảm đương việc lãnh đạo chúng tỳ kheo ấy.

Đức Phật quả Xá Lợi Phất và khen Mục Kiền Liên, vị tôn giả có tinh thần trách nhiệm, biết lo tiếp dẫn hậu lai. Một lần nữa, chúng ta lại được chiêm ngưỡng đức độ vị Thánh đệ tử khả ái, khả kính, được Đại thừa giáo tôn xưng là bậc đại Bồ tát về hiểu hạnh. Nhờ Ngài mà ngày nay Phật tử chúng ta biết đến lễ Vu Lan báo đền ân đức cha mẹ hiện tại và bầy đời qua. Nhưng đồng thời ta cũng khâm phục hạnh giải thoát của tôn giả Xá Lợi Phất, điển hình của Thanh Văn hạnh. Ngài không lưu tâm khi những tỳ kheo bị Phật đuổi ấy là chính do mình dẫn về. Nếu là một người còn ngã chấp, thì dĩ nhiên phải sanh tâm buồn bực.

Đọc Trung bộ kinh chúng ta có được một đường lối tu hành cụ thể như một bản đồ chỉ rõ chi tiết, đưa ta đến thành Niết bàn, cứu cánh của phạm hạnh. Mặc dù bản thân ngài đã trải qua những khổ hạnh cực kỳ khốc liệt trên đường tìm chân lý, đức Phật không bao giờ khuyên chúng ta nên ép xác khổ hạnh. Trung bộ kinh trình bày một lối giáo dục đầy tình người, thực tế, thuận nhân tính. Đối với đệ tử nào tánh nhiều tham dục, Ngài khuyên đừng ăn ngon mặc đẹp, có thì giả dung mạo khả ái, vì dễ động lòng tham. Trái lại, đối với đệ tử nào tánh nhiều sân, nóng tánh, đức Phật dạy nên cho vị ấy ăn ngon mặc đẹp, người hầu cận vị ấy phải có mặt mày vui vẻ dễ coi, để khỏi kích động tánh sân. Vị đệ tử nào nặng nề si chấp, Ngài khuyên nên cho vị ấy ở chỗ thoáng khí, nhìn ra một khung cảnh trời đất bao la để cõi lòng họ cũng dễ mở rộng.

Kinh Nhất thiết lậu hoặc (Trung Bộ Kinh 1) dạy cho chúng ta nhiều lối đối trị những lậu hoặc, hay phiền não đau khổ, phát sinh từ nhiều nguyên nhân trên con đường tu tập. Những lời dạy của đức Phật ở đây rất hợp lý, hợp tình, và là bài học quý giá cho những người có khuynh hướng quá khích. Khi đối chúng ta nên ăn, vì đối là một nỗi khổ cụ thể, từ đó lậu hoặc dễ phát sinh (nghèo đói dễ sinh ra nhiều thói tệ). Điều cốt yếu là nên ăn cách thế nào vừa đủ để diệt trừ cảm thọ đói khổ mà không phát sinh cảm thọ mới là tham ăn ưa vị ngon vật lạ. Về nghỉ ngơi, y phục, chỗ ở và những vật dụng cần thiết khác trong đời sống cũng vậy. Đó là những lậu hoặc cần đoạn trừ bằng cách thọ dụng liên hệ đến cách tu thân, gặp thuận cảnh không tham đắm. Đức Phật dạy, vị tỳ kheo thọ dụng đồ ăn, thức uống do thí chủ cúng dường không nên ham hố, làm mất tâm tín của



họ, nên sử xử như ong hút mật hoa, không làm tổn hại đến hương sắc. Lại có những nỗi khổ mà vị tỳ kheo cần phải đối trị bằng cách kham nhẫn, như khi đói mà không ai cho đồ ăn, rét mà không có đồ mặc, kham nhẫn lạnh nóng, đói khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, những loài bò sát, kham nhẫn lợm mọ lỵ, hủy báng, kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết chóc

người, (Kinh Nhất thiết lậu hoặc). Đó là những lậu hoặc do kham nhẫn mà đoạn trừ, liên hệ đến cách tu tâm của vị tỳ kheo: gặp gian khổ không giao động. Nhưng đây không phải là một lối khổ hạnh cố ý mà chỉ là bất đắc dĩ. Một lời khuyên thực tế của đức Phật cho các tỳ kheo là không nên cư trú những nơi khắc thực khó khăn, bốn sự cần dùng là y phục, thực phẩm, được phẩm và những tiền nghi cư trú (sàng tọa) khó kiếm. Đức Phật lại còn cẩn thận như một vị cha lành khuyên bảo đàn con thơ dại, Ngài dạy chúng ta không nên tới gần những nơi nguy hiểm, những vật nguy hiểm có thể nguy hại đến bản thân: "Này các vị tỳ kheo, ở đây vị tỳ kheo chân chánh giác sát để tránh né voi dữ, ngựa dữ, tránh né bò dữ, chó dữ, rắn dữ, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước dơ, hố rác, chỗ ngồi không xứng đáng... tránh những trú xứ không nên lai vãng (có thể chuốc lấy hiểm nguy của kẻ khác) tránh giao du những bạn bè ác độc." (Kinh Nhất thiết lậu hoặc). Đây là đoạn trừ lậu hoặc bằng cách tránh né.

Nhưng lại còn có những lậu hoặc vi tế sâu xa hơn, vị tỳ kheo cần phải quán sát một cách chân chánh, không tự dối mình, để diệt trừ ngay khi vừa móng tâm động niệm: đó là những tư tưởng nhiễm ô vì dục ái, tham sân, những tư tưởng hại mình, hại người, hại cả hai, những ác bất thiện pháp. Đây là những lậu hoặc phải được đoạn trừ bằng cách tận diệt. Tư tưởng là nguồn gốc của mọi sự, nên điều cần yếu là tỳ kheo phải biết phân biệt những pháp nào đáng tư niệm, những pháp nào không đáng tư niệm (suy tư nghiền ngẫm) để tránh khổ cho tâm, cũng như phân biệt món nào nên ăn, món nào không nên ăn để tránh khổ cho thân. Đức Phật dạy những pháp đáng tư niệm là những pháp nào mà khi tư niệm đến chúng thì dục lậu (tức là sự tham đắm đối với năm dục trường dưỡng nghĩa là những thứ có tác dụng tăng ham muốn vật chất: sắc, thanh, hương, vị, xúc) chưa sanh không sanh khởi, và những dục lậu đã sanh khởi được trừ diệt. Đối với hữu lậu (sự tham đắm cõi sắc và vô sắc nơi các người tu thiên) và vô minh lậu (không liễu tri Bốn Diệu đế, hay không có chánh kiến), cũng vậy. Còn những việc không đáng tư niệm là những việc nào mà khi tư niệm đến thì làm cho dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh nay sanh khởi, và những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu sanh rồi nay tăng trưởng. Đây là sự đoạn trừ lậu hoặc bằng chánh tri kiến. (Kinh Nhất thiết lậu hoặc).

Khi dạy về sự phòng hộ sáu căn tiếp xúc sáu trần làm sao để khỏi khởi lên dục ái, đức Phật đã bị một số Sa môn, Bà la môn lên án là kẻ phá hoại sự sống. Đó cũng là quan niệm thông thường của người thế tục ngày nay và muôn thuở. Đối với họ, đi tu là

một sự đầy dẫy thân xác, đại đột, tu là hết sống, và sống đối với họ chỉ có nghĩa là thụ hưởng thật đầy đủ nằm dục trường dưỡng đối với sắc thanh hương vị xúc. Dù phải vì những thứ ấy mà họ phải chịu muôn sầu nghìn khổ, con người cũng sẵn sàng lao mình vào đấy như con thiêu thân lao vào ngọn lửa. Phật lấy ví dụ một người tử tội vì ham năm giọt mật mà quên đi cái hiểm họa của hồ sâu, rắn độc, voi dữ. Xét sâu vào bản chất của ngũ dục, ta thấy tiềm ẩn một cội nguồn đau khổ rất vi tế mà đức Phật, như một nhà phân tích tâm lý tuyệt luân, đã thám hiểm đến tận ngọn nguồn lạch sông. Chạy trốn vào dục ái là một trong những phương pháp con người thường dùng để giải quyết nỗi sầu ngũ uẩn, để khóa lấp cái tê nhạt, vô vị của kiếp nhân sinh nặng nề: Ta có thể thấy rõ hiện tượng này qua các trào lưu hiện sinh, con đẻ của nền triết lý phi lý (philosophie de l'absurde). Đức Phật xem dục lạc như là một giải pháp tạm bợ đối với người bệnh hoạn, trong khi bản chất của nó chính thật là khổ. Như đối với một người bệnh cùi, cơ thể lở loét, trong khi cơn bệnh hoành hành, người ấy dùng móng tay cào rách miệng các vết thương rồi họ chúng lên hồ than hồng để cảm thấy đã ngứa, dễ chịu. Vết thương, hồ than hồng tự chúng không phải là khoái lạc mà trái lại, bản chất là thống khổ. Cho nên đối với người không bệnh hay đối với người cùi khi khỏi bệnh, chúng không ham muốn, ao ước được như người cùi kia để có cái khoái cảm của sự đã ngứa, cũng không ao ước có những vết thương hay hồ than hồng mà bản chất là thống khổ. Vì càng tìm quên, càng chạy trốn vào dục lạc thì nỗi sầu khổ của con người chỉ càng tăng thêm, không với bớt được, như một kẻ đã khát nước mà còn ăn thêm muối vào. Những người tìm quên trong men rượu thường phải đau khổ thấy rằng “đất trời nghiêng ngửa, mà thành sâu không sụp đổ” (Vũ Hoàng Chương). Đối với người đã giải thoát thì nằm dục như bệnh khổ, như cục bướu, như mũi tên, như vết thương, như hồ than hồng (Kinh Ma Kiên Đề, Trung Bộ Kinh II).

Đức Phật không phủ nhận có lạc thọ trong đời sống tại gia, cũng như có lạc thọ cho người xuất gia; có hạnh phúc do tiền tài sắc đẹp, danh vọng đem lại, nhưng cũng có hạnh phúc do đời sống giải thoát xuất trần. Nhưng trong mỗi thứ cảm thọ ấy, đức Phật khuyên chúng ta nên phân tích, hiểu rõ ba điều: vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly. Khi mắt tiếp xúc sắc đẹp, ta cảm thấy dễ chịu, đó là vị ngọt của sắc khiến ta phát sinh lòng ham muốn đối với nó. Nhưng khi ham muốn ấy suy yếu, nghĩa là khi hết ham, hoặc khi nó bị cản trở, thì đấy là sự nguy hiểm của sắc, vì nó làm chúng ta đau khổ. Nếu khi tiếp xúc với sắc pháp, chúng ta biết rõ nó là vô thường nên không phát sinh ưa muốn, thì đấy là sự xuất ly đối với sắc. Ví dụ một người thấy người khác mặt mũi xinh đẹp, càng nhìn càng ưa, đấy là thấy vị ngọt của sắc. Nếu chưa học Pháp, người ấy đi từ sự ưa thích đến ái luyến, mong chiếm hữu làm của riêng mình mà không được nên sinh ra sầu khổ cay đắng ê chề khi thấy sắc đẹp kia ngoài tầm mình với tới: đó là nguy hiểm của sắc. Phàm phu là vậy, chỉ có đi từ vị ngọt đến nguy hiểm vì không biết có một con đường thứ ba. Nếu có học Pháp, người ấy sẽ nghiền ngẫm chân lý Phật dạy: sắc là vô thường, luôn luôn



biến đổi để đi đến hủy diệt. Lại nữa sắc chỉ là thứ ngoài da, còn tính xấu nằm trong xương tủy; ham cái vẻ ngoài của một người khi chưa biết gì đến những thói xấu nết tốt của họ là một điều nguy hiểm. Thấy vậy bèn hết mê đắm; mặc dù vẫn còn thấy đẹp nhưng hết ham, không đến nỗi chết mệt vì sắc, chỉ nhìn mọi vẻ đẹp như như cái rỗng cầu vồng: đấy gọi là xuất ly.

Đối với người xuất gia, vị ngọt của cảm thọ là “vô hại tâm” ở cảnh giới sơ thiên, một trạng thái hỉ lạc do ly dục sanh, không còn tâm sân hận. “Này các tỷ kheo, trong khi vị tỷ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú sơ thiên, có tâm có tứ, trong khi ấy, vị này không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai... vị ấy cảm thọ một cảm thọ vô hại. Này các tỷ kheo, tối thượng vô hại ấy ta nói là vị ngọt của cảm thọ (Kinh Đại khổ uẩn 13, Trung Bộ Kinh I). Sự nguy hiểm của cảm thọ là tính vô thường, biến đổi của cái cảm thọ vô hại này. Mặc dù cảm thọ vô hại là một hạnh phúc tối thượng so với dục lạc thế gian, nhưng nó cũng ở trong khổ uẩn vì vẫn còn chịu sự chi phối của vô thường, biến dịch. Do đó, sự xuất ly cũng cần thiết: ấy là không tham đắm, chấp trước cảm thọ ấy. Chính vì tham đắm vị ngọt của thiên lạc mà người tu thiên không thể tiến thêm, bị lạc vào hóa thành, một niết bàn giả tưởng. Quá trình tu tập là một quá trình giảm trừ đến chỗ cứu cánh: lên đến tứ thiên, thì cả tâm, tứ, hỉ, lạc đều bỏ, chỉ còn lại xả niệm thanh tịnh.

Ở một kinh khác, Kinh Sơ hãi và khiếp đảm (Trung Bộ Kinh I) chúng ta được nghe đức Phật trình bày rõ ràng nguyên nhân nỗi sợ hãi âm thầm đè nặng trên tâm thức con người muôn thuở. Chúng ta sợ đủ thứ: sợ chết, sợ khổ, sợ đói rét, sợ uy quyền, sợ cô độc, sợ bị chê bai chỉ trích, và trên tất cả, hình như chúng ta rất sợ sự thật. Vì sợ hãi chúng ta lao mình vào công việc làm ăn, vào các thú tiêu khiển, lập gia đình, gia nhập các đoàn thể, nỗ lực tạo mãi tiền của, danh vọng, tri thức, tài khéo, cốt làm sao để chứng minh mình không phải là một con số không dưới mắt mọi người và nhất là dưới mắt mình. Nhưng cảm giác khó chịu về số không vẫn còn mãi đấy. Càng lao tâm lao lực, cuộc sống chúng ta càng bận rộn chùng nào, với càng nhiều bạn bè sở hữu, quyền thuộc chùng nào, chúng ta càng thấy rõ sự nghèo nàn cô độc vô vị trống rỗng của nó chùng này, khi mà chúng ta bắt buộc một mình đối diện với cuộc tử sinh của chính mình. Vì sợ hãi, chúng ta tạo ra những thần linh bất diệt để có thể đặt niềm tin tưởng của chúng ta vào đấy, để có chỗ bám víu ở giữa một thế giới đầy dẫy những lọc lừa tráo trở. Rồi chúng ta gán cho thần linh ấy đủ các tính xấu của chúng ta, nghĩa là cũng đầy ngã chấp nhỏ nhen, có thể rất tử bi với một tin đồn trung kiên, nhưng cũng có thể rất độc ác với kẻ nào phản bội. Tuy vậy, chúng ta thà có một tín ngưỡng bất toàn hơn không có gì cả. Voltaire nói: “Nếu Thượng đế không thật có, thì cũng cần phải tạo ra một Thượng đế”. Như những con cừu nằm xích lại gần nhau để tìm hơi ấm, chúng ta cũng ưa quần tụ, gia nhập hội này đoàn nọ, vì không thể chịu được mặc cảm cô đơn. Chúng ta nói tiếng nói của tập thể, ưa thích và lựa chọn giống như sự ưa thích và chọn lựa của mọi người, để khỏi bị xem là “không giống ai”. Quả thế, vì sợ hãi

cô độc, chúng ta thà làm một con cừu ngoan ngoãn trong bầy cừu ấm áp hơn là làm một vì sao cô độc trên nền trời giá băng.

Đức Phật không chấp nhận những giải pháp tạm bợ mà chúng ta thường dùng để đối trị nỗi sợ hãi âm thầm ngự trị trong ta. Ngài đi thẳng vào trọng tâm vấn đề, tìm những nguyên nhân sâu xa của nó để có thể nhiếp phục sợ hãi. Những nguyên nhân ấy theo lời đức Phật dạy, là những thói xấu cố hữu trong ta như tham, sân, si, hôn trầm, thụy miên, giao động, hoài nghi, khen mình chê người, lường biếng thất niệm, hanh danh lợi, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng sống không thanh tịnh: “Này các tỷ kheo, những vị Sa môn, Bà la môn nào có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không thanh tịnh, có mạng sống không thanh tịnh, những tôn giả Sa môn hay Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh... Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn khi sống trong rừng núi.”

“Này Bà la môn, những Sa môn hay Bà la môn nào có tâm sân hận, ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu...những tôn giả Sa môn hay Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm bất thiện khởi lên...Những Sa môn hay Bà la môn nào giao động, tâm không an tịnh, những Sa môn, Bà la môn nào còn ham muốn lợi danh, tiếng tăm...những Sa môn, Bà la môn nào thất niệm, không chú ý...những Sa môn, Bà la môn nào không có tâm định tĩnh, tâm bị tán loạn mà sống tại các trú xứ vắng trong rừng núi hoang vu...những tôn giả Sa môn, Bà la môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi khiếp đảm bất thiện khởi lên...” (Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm, Trung Bộ Kinh I)

Một trong những phản ứng thông thường của chúng ta trước sự sợ hãi là chạy trốn: “tẩu đao vi thượng sách”. Sự chạy trốn mang nhiều hình thức khác nhau. Chúng ta trốn vào trong những cuộc vui, trốn vào trong những công việc, hội hè đình đám, đoàn thể, bạn bè, để khỏi phải đối mặt với hư vô và với chính mình: ngồi thiền sợ đi rất khó khăn là vì thế, chúng ta phải đối diện với chính mình trong khi độc cư thiền tịnh. Chỉ có những bậc giác ngộ mới có thể sống hoàn toàn cô độc, đối diện với chính mình mà không phát sinh cảm giác khó chịu, trái lại cảm nhận một lạc thọ, hạnh phúc thuần túy. “Này chư hiền, ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong một ngày một đêm... luôn trong hai ngày hai đêm... Cho đến luôn trong bảy ngày bảy đêm...” (Kinh Tiểu khổ uẩn), Như người ca kỹ trong thơ Xuân Diệu ngày xưa, nỗi sợ hãi lớn nhất của ta là phải chạm mặt với chính mình: “Chớ để riêng em phải gặp hồn em”:

*“Em sợ lắm giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da.”*

Cái “không vô biên” ấy thật là dễ sợ, nó có thể làm chúng ta chết ngạt trong đó như một phi hành gia chết rû khi bay ra ngoài quỹ đạo của trái đất.

Đức Phật đối trị sợ hãi bằng cách nhìn thẳng



vào nó, không trốn chạy vào một việc làm khác, một tư thế khác, một thái độ khác như lối xử sự thông thường của chúng ta, “Này Bà la môn, trong bất cứ hành vi, cử chỉ nào của ta mà khiếp đảm sợ hãi xảy đến, thì ngay trong hành vi cử chỉ ấy, ta diệt trừ nỗi sợ hãi khiếp đảm...Trong khi đi kinh hành qua lại, mà sợ hãi khiếp đảm đến, thì ta không đứng, không ngồi, không nằm mà ta diệt trừ sợ hãi khiếp đảm ấy ngay trong khi ta đang kinh hành qua lại.” (Kinh Sợ hãi và khiếp đảm).

Do sợ hãi, chúng ta thường bóp méo sự thật cho nó hợp với sở thích của chúng ta, như người điên trong tập Cuồng nhân nhật ký của Gogol luôn luôn tưởng tượng mọi sự đều tốt đẹp, có ảo tưởng rằng mình là hoàng đế và nhà thương điên là cung điện. Đức Phật không thế. Đối với Ngài sự thật là sự thật, dù nó xấu xa hay đẹp đẽ, cần phải được thấy đúng như bản chất của nó: “Này Bà la môn, có một số Sa môn, Bà la môn nghĩ rằng ngày là đêm, đêm là ngày. Ta nói những Sa môn, Bà la môn ấy sống trong si ám...Ta nghĩ rằng đêm là đêm, ngày là ngày”. Chúng ta nhớ đến một câu trong kinh Pháp cú, đức Phật dạy:

*“Nó đánh tôi, mắng tôi,
Nó thẳng tôi, cướp tôi,
Ai ôm hiềm hận ấy,
Oán thù không thể nguôi.”*

Một điểm đáng lưu ý ở đây là đức Phật không dạy chúng ta nên tưởng tượng sự lắng mại thành ra sự ngợi khen hay tưởng tượng sự đánh đập thành ra sự ve vuốt. Ngài chỉ dạy đừng ôm giữ tâm niệm ấy nghĩa là hãy xả bỏ, cho qua để khỏi rước thêm khổ, tự hại mình: Một lời khuyên thực tiễn, khôn ngoan.

Trong kinh Ví dụ cái cửa, đức Phật dạy tỷ kheo theo dù có bị cửa xẻ thân thể ra từng mảnh từng đoạn, cũng đừng ôm lòng sân hận mới đúng là đệ tử của Ngài. Nếu ta chấp chặt từng lời từng chữ thì thấy lời dạy này thật khó mà thực hành. Kỳ thực lời dạy này rất thâm thúy hiểu theo nghĩa bóng: Dù không ai cửa xẻ, cái cửa Vô thường cũng đang cửa xẻ thân ngũ uẩn này từng giây từng phút cho đến khi nó hoàn toàn tan thành tro bụi. Vậy thì, còn sống hơi thở nào, hãy sống trong chính niệm, an lạc, đừng nổi sân vì những chuyện bất bình mà chuốc thêm đau khổ trong khi đang bị vô thường cửa dần tới nắm mồ hoặc lò hỏa thiêu.

Không một lời dạy nào của đức Phật là không liên hệ trực tiếp đến việc tìm hiểu con người chúng ta, thân tâm chúng ta, với những vấn đề của nó. Bản chất của dục, nguyên nhân của dục, con đường thoát ra khỏi dục được đề cập một cách chi ly. Sự sống sợ đi là khổ chính vì con người vốn đã đau khổ vì già, bệnh, chết, lại còn đi chuốc thêm vào mình những cái phải chịu sự chi phối của già, bệnh, chết: sắc đẹp, danh vọng, tài sản. Nếu chúng ta biết ngay trong đời sống khổ đau này, với thân xác khả hoại này, đi tìm, gần gũi, thân cận những cái không già, bệnh, chết, thì đó là ta đã đạt được niết bàn, bất tử ngay trong sinh tử. Cái đó là chánh pháp tối thượng. Cho nên, đức Phật dạy rằng tài sản của người xuất gia là chánh pháp tối thượng này.

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỖNH TẤN LÊ biên soạn



Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin tiếp tục đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni, các chùa thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người.

Câu hỏi 24. Tôi đến Hoa Kỳ theo chương trình R1 tại chùa A, tôi làm việc được một năm tại đây thì tự động di chuyển đến chùa B. Chùa B xin cho tôi R1 và có hiệu lực một năm sau ngày tôi đến đây. Chùa A đã báo cáo lên Sở Di Trú (SDT) đúng ngày mà tôi rời chùa họ. Người luật sư phụ trách hồ sơ không tiếp tục xin cho tôi I-360 vì họ nói tôi có một thời gian bất hợp pháp một năm làm việc tại chùa B trước khi có R1 tại chùa này. Họ khuyên tôi trở về VN và họ sẽ xin lại R1. Việc này có đúng không?

Trả lời. Vấn đề quan trọng là làm sao chúng mình được hai chùa này là cùng một Giáo Hội, một giáo phận (denomination) thì thời gian một năm này không còn bất hợp pháp và có thể tiếp tục làm I-360. Họ đề nghị về VN để xin lại R1 là hợp lý. Mỗi lần đến Hoa Kỳ theo chương trình R1 thì vị tu sĩ có thể gia hạn đến tối đa 5 năm. Về VN là để giải quyết cái hạn định 5 năm cho lần thứ nhất và lần thứ hai khi xin I-485 sau 5 năm thì không cần ghi ra thời gian bất hợp pháp một năm nói trên.

Câu hỏi 25. Tôi đến Hoa Kỳ theo chương trình F1 tức đi du học, hiện tôi đã ra trường và như vậy tôi có thể xin làm việc tại một chùa để đổi từ F1 sang R1 và tiếp tục xin thẻ xanh không?

Trả lời: Không. Vì thời gian làm việc hai năm liên tục trước khi xin R1 chúng mình không được. Đến đây bằng F1 Visa tức chỉ để đi học chứ không phải để làm việc, không chùa nào có thể chứng nhận là đang làm việc tại chùa họ hai năm qua trong khi mình có F1 Visa.

Câu hỏi 26. Tôi đến đây bằng R1 Visa do một người tự giới thiệu là luật sư đã làm I-129 cho tôi. Bây giờ tiếp tục làm I-360 ở văn phòng một luật sư khác. Văn phòng này yêu cầu tôi đưa mẫu I-129 cho họ xem. Tôi hỏi người đã làm I-129 thì họ không đưa. Tôi phải làm gì trong trường hợp này?

Trả lời: Luật pháp tại Hoa Kỳ bắt buộc khi mình ký giấy tờ gì thì người luật sư phải cho mình một bản copy, nếu không thì việc ký đó không có hiệu lực. Kể từ lúc mình nhận copy thì lúc đó mới có hiệu lực với chữ ký của mình. Người không đưa cho mình I-129 đã làm một việc bất hợp pháp.

Câu hỏi 27. Tôi bị bác đơn I-360, vì thấy thời gian R1 vẫn còn dài nên tôi quyết định về VN vì có việc khẩn cấp. Bây giờ xin trở lại thì Tòa Lãnh Sự không cho. Tôi phải làm gì trong trường hợp này?

Trả lời: Phải xin lại R1 như lần trước. Nếu đi khẩn cấp như vậy nhớ xin re-entry permit, điền đơn I-131 rồi lấy hẹn với SDT, họ cho ngay tại chỗ. Xin

khẩn cấp ai cũng qua thủ tục này. Xin như vậy thì mình trở lại Hoa Kỳ dễ dàng. Tuy nhiên xin R1 mới thì cũng giải quyết được vấn đề là khi làm I-360 lần sau mình biết và tránh được cái lỗi mà họ đã bác đơn I-360 trước đây.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 28. Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo số 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.

MÂY BAY QUA TRỜI

Từng trang lịch gỡ xuống

Một ngày đã qua nhanh

Đêm tối trời lại sáng

Tháng tháng kế liền nhau

Cuộc thế đời huyền mộng

Một thoáng như mây bay

Ôn đi vào cõi Tịnh

Vừa chẵn ba năm tròn

Những lần hầu chuyện Ôn

Không dạy bảo cao siêu

Không văn từ hoa mỹ

Nhưng thấm tận tâm can

Trong cuộc sống thế nhân

Buồn vui sanh phiền não

Nhớ lời Ôn dạy bảo

Phước huệ chuyên tu trì.

Góc trời nhỏ xứ người

Mây giăng mưa nặng hạt

Cây đèn cây nhỏ lệ

Bên di ảnh năm xưa

Con thành tâm tưởng niệm

Vị Bồ Tát hóa thân

Ra vào trong sanh tử

Như mây bay ngang trời.

(Thành kính tưởng niệm ba năm Ôn thượng Trí hạ Chơn viên tịch)

Hậu học:

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH





CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Anh chị em Lam viên thân mến

Gần đây có một vị Hòa thượng giảng sư ở Long Thành ra giảng pháp tại một ngôi Chùa thuộc huyện Cam Lâm, Chùa này hằng tháng cũng có buổi pháp thoại của quý thầy địa phương nhưng nay có vị giảng sư từ xa đến nên thính chúng rất đông.

Sau buổi giảng, đạo hữu trầm trồ ca ngợi: “thầy giảng hay thật, thầy nêu những vấn đề rất thực tế.”

Hôm ấy vì trở duyên nên tôi không tham dự được.

Qua hôm sau, tôi hỏi một bà đạo hữu có đi nghe giảng:

- Hôm qua Hòa thượng giảng hay lắm phải không? rất tiếc vì trở duyên tôi không đến nghe được. Vậy Hòa thượng giảng về vấn đề gì? chị nói lại giùm tôi đôi điều.

- Thầy giảng nhiều lắm làm sao tôi nhớ hết.

- Thì chị nhắc lại đôi điều cần bản thôi.

- Đại khái... thầy cũng khuyên siêng năng đi Chùa, tinh tấn tu tập, chỉ biết có vậy, tôi chẳng nhớ vấn đề gì ra vấn đề gì.

- Mình nghe giảng là cốt để hiểu, để nhớ mà vận dụng vào sự tu tập, chị không nhớ được gì thì quá uống.

Thưa anh chị em, thường thường các bà có tuổi, trí nhớ cũng khá lắm chứ, nhớ cả hồi trẻ, mới về làm dâu, mẹ chồng ra sao, “ông chú,” “mụ o” (tiếng Huế, chỉ em chồng) thế nào đều nhớ hết, kể vanh vách, không thiếu một chi tiết nào. Nhưng cái nhớ ấy là cái nhớ theo duyên, theo cảnh. Ngày xưa quý bà về nhà chồng, được đức lang quân chịu chuộng ra sao, mẹ chồng thương yêu ra sao, hoặc gặp bà mẹ chồng khắc nghiệt, gặp “ông chú” “mụ o” so đo, ganh tị, “nói hành,” “nói tội” như thế nào, đều nhớ hết. Cái nhớ ấy là nhớ của “tâm mê,” của “tâm phân biệt.” Ai làm mình bức tức, ai làm mình thất vọng thì mình nhớ hoài. Ngay cả những quá khứ tuyệt đẹp hồi tuổi đôi mươi, vẫn còn in rõ trong trí nhớ... Đó là sống trong “thức tưởng.”

Có nhiều khi chúng ta không sống ngay với hiện tại mà sống trong cái tưởng lại đầu đầu. Vì chính hiện tại không làm ta thỏa mãn mà ngược lại, tràn đầy bất mãn, phải không, thưa anh chị em? Sống trong “thức tưởng” là thế đó.

Cách đây đã lâu, tôi có tham dự buổi pháp thoại của thầy Thông Phương ở Trúc Lâm, thầy có nói: “Cái gì mình hằng nhớ thì bây giờ phải quên, cái gì mình hằng quên thì bây giờ phải nhớ.”

Giáo lý mình học thì nhiều lắm phải không các anh chị? Nếu lên đến bậc Lực thì nào là kinh Duy ma Cát, kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm v.v... Tất cả đều có một sự xuyên suốt, phải nhớ đến sự xuyên suốt này: “Chơn tâm.”

Có “Chánh niệm tỉnh giác” mới nhận ra “chơn tâm.”

Ngày trước Hòa thượng Phước Hậu có lưu lại bài thơ:

“Kinh điển lưu truyền tám vạn tư

Học hành không thiếu cũng không dư

Đến nay tính lại đã quên hết
Chỉ nhớ trong đầu một chữ NHƯ.”

“Như” đây chính là “Như thị,” thấy đích thực. Có Chánh niệm tỉnh giác mới có được cái “như thị.” Có “như thị” tức là đã tỏ rõ “chơn tâm.” Vậy điều phải nhớ là “chánh niệm tỉnh giác.” “Chánh niệm tỉnh giác” phải có mặt trong ta từng giây, từng phút.

Teino, một thiền sư nổi tiếng của Nhật bản, ngày trước cũng trải trải lắm.

Bao nhiêu năm đóng thất miên mãn hành trì. Đến lúc cảm nhận đã đủ công lực, có thể xin thầy xuống núi. Teino lên phòng sư phụ để tác bạch. Khi bước vào, sư phụ chỉ hỏi: “Khi vào phòng, con để cây dù bên phải hay bên trái đôi dép?”

Vậy mà hành giả Teino không trả lời được!

Có chánh niệm đầu mà nhớ! (tu trong những cái tầm thường thế thôi). Teino phải ở lại hành trì thêm một thời gian.

Hai năm sau đó, Teino lại quyết định lên bạch sư phụ xin xuống núi. Sư phụ cũng mở đầu bằng câu hỏi tầm thường như lần trước: “Vào phòng, con bỏ chiếc dép bên phải ra trước hay bên trái ra trước?”

Thế là một lần nữa Teino chưa xuống núi được!

Teino quyết tâm thiền tập miên mãn hơn trước nữa.

Sau hai năm trì chí, lần này thì Teino có nhiều hy vọng. Khi vào phòng, sư phụ không hỏi chuyện dù, dép nữa. Hôm ấy trời có gió, thầy bảo: “Con đóng cửa lại cho thầy.” Teino mừng thầm, chắc lần này thầy hứa khả. Có chút phấn khởi, Teino đóng cửa hơi mạnh tay, phát ra tiếng động khá lớn.

Thế là... cũng chưa xuống núi được!

Điều phải nhớ từng giây, từng phút là “chánh niệm tỉnh giác.” Đơn giản lắm mà lại rất khó khăn lắm!

Hằng ngày chúng ta thất niệm quá nhiều. Lúc lúc trong bữa cơm chiều của gia đình, mà mình cũng không nhìn chi đến mẹ, đến vợ (hay chồng), đến con mà chỉ lua vùi vã ba miếng để đi lo công việc.

Anh chị em ơi, có vội vã bao nhiêu đi nữa cũng phải nhìn được nụ cười trên môi của mẹ để biết rằng mẹ đang hạnh phúc được ngồi ăn cơm với con cháu trong bữa cơm gia đình. Phải nhìn cho được nét tươi tỉnh của chồng (hay vợ) để thấy được hôm nay chồng (hay vợ) mình đang có niềm vui. Cũng có khi phải nhận cho ra có chút cau mày của mẹ để biết rằng trong ngày vợ mình hay con mình đã có gì làm mẹ bất bình.

Thưa anh chị em, chúng ta hằng ngày chất chứa nhiều cái nhớ quá mà toàn là thức tưởng, cái nhớ của tâm mê nên không còn chỗ cho cái nhớ của tâm tỉnh. Bây giờ chúng ta gắng nghe theo lời thầy Thông Phương đi!

Cái gì mình hằng quên lâu nay thì bây giờ mình phải nhớ. “Chánh niệm tỉnh giác”

Thân ái chào tất cả.

BBT



VÔ MINH

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Chúng ta thường hay nói: những bài Phật Pháp có nhiều danh từ Hán Việt quá, các em đọc không hiểu, cho nên khi dạy cho các em, người Huỳnh trưởng chúng ta thường tự chuyển đổi sang tiếng Việt, nếu có thể. Tuy nhiên có nhiều từ không thể chuyển đổi được, xin lấy một ví dụ nhỏ, như từ “vô minh” (avijjā) [vô minh là một “khoen” trong 12 khoen của vòng tròn 12 nhân duyên.]

Theo “A Tỳ Đàm” (truyền thống Phật giáo nguyên thủy) hay “Vi Diệu Pháp,” **Vô Minh có nghĩa là “si mê”; đặc tính của Vô Minh là mờ ám, trái ngược với tri kiến, bản chất của Vô Minh là không thông suốt, chức năng của Vô minh là che giấu bản chất của sự vật; biểu hiện của Vô Minh là tà hạnh, nhiệm vụ của Vô Minh là rối ren; Vô minh là nguyên nhân của tất cả các pháp bất thiện.**

Vì vậy, chỉ cần nói “vô minh” là bao gồm tất cả những nghĩa trên đây

Tương tự, trong Phật Pháp có những từ như vậy, khi nói đến thì người ta hình dung ra được nội dung của nó bao hàm những ý gì; vì vậy, chỉ cần ngắn gọn trong 2 chữ là đầy đủ ý nghĩa, chúng ta không thể thay thế bằng một từ tiếng Việt khác được—mặc dù trong Anh Chị Em chúng ta có người đã dùng từ “ngu si” thay thế cho Vô minh nhưng quả thật là từ này không thể nói lên hết được nghĩa chữ “vô minh.”

Về phía các em, cho dù bằng tiếng Anh, tiếng Việt hay chữ Hán, thì Vô minh vẫn là một “từ mới” (new vocabulary) mà các em phải biết, học thuộc và ghi nhớ ý nghĩa của nó. Ở bậc Chánh Thiện, các em còn phải biết cả tiếng Phạn gọi Vô minh là avijjā nữa.

Xin trở lại với “Vô Minh.” Vô Minh là gì? – **Vô Minh là thấy cái không đáng được thấy**

không thấy cái đáng được thấy.

Nói rõ hơn: như chúng ta đã biết, con người là một tập hợp của **5 uẩn** (uẩn= nhóm): **Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức** hay là một tập hợp của **4 Đại Đất, Nước, Gió, Lửa** – tất cả mọi người đều giống nhau từ căn bản—nhưng vì chức năng của Vô Minh là che giấu bản chất của sự vật nên chúng ta KHÔNG THẤY được điều này mà chúng ta lại thấy cái ngã (cái Tôi) thật lớn; đó chính là thấy cái không đáng được thấy và không thấy cái đáng được thấy.

Vì chỉ thấy cái TÔI nên Vô minh đi đôi với chấp ngã; vì chấp ngã nên bị ham muốn, chán ghét (ưa-ghét) không chế; vì bị ưa-ghét không chế nên sinh ra tham sân si mà tham sân si chính là 3 thứ Độc của Tâm, sinh ra đủ loại pháp bất thiện.

Do đó, TU không phải là đi tìm kiếm vô minh hay tiêu diệt vô minh mà chính là tiêu diệt những biểu hiện của nó: tham, sân, si.

TU là đối diện với phiền não, không phải chạy trốn phiền não.

TU là tu cái hiện tiền (đương niệm): Ví dụ đang nổi giận mà tự kiềm chế lại được, thì có hòa bình và an lạc ngay; còn nếu không kiềm chế được cơn giận của mình thì có phải là xảy ra chiến tranh rồi không? Chiến tranh không chỉ là giữa 2 quốc gia mà chiến tranh còn xảy ra hằng ngày trong cuộc sống: giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng, giữa anh chị em, giữa bạn bè, giữa hàng xóm láng giềng v.v...

Dù là Tu Thiền, Tu Tịnh Độ hay Mật Tông cũng đều chú trọng “giây phút hiện tại” – Bây giờ và Ở đây.

Thân kính chúc Anh Chị Em luôn tinh tấn, cố gắng giữ gìn Chánh Niệm trong mọi lúc để được an lạc và làm cho mọi người chung quanh cũng được an lạc.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà [GDPTVN Trên Thế Giới](#)



CHĂN TRÂU

Thưa Anh Chị Em Lam viên
bốn phương,

Nói về tu học và tu tập, đức
Thế Tôn luôn ví người thực hành
Phật Pháp (hành giả) như người
chăn trâu với con trâu chính là
Tâm của mình—Hành giả phải
luôn chăn giữ “con trâu lòng” thật
cẩn thận, đừng để nó chạy rong,
dẫm đạp lên lúa mạ của người
khác; dụng cụ của người chăn
Trâu chính là Giới, Định và Tuệ.
Hành giả dù là người xuất gia hay
tại gia cũng phải hết sức giữ gìn
chánh niệm.

Xin hãy lắng lòng để nghe lời
đức Phật dạy:

*Người xuất gia giỏi cũng phải
biết và làm với Thân và Tâm của
mình giống như người mục đồng
đôi với con Trâu của họ vậy!*

Nếu người mục đồng nhận
diện được con Trâu của mình thì
người xuất gia cũng phải nhận ra
được những yếu tố cấu tạo nên
sắc thân của mình.

Nếu người mục đồng nhìn ra
được con Trâu của mình ở giữa
một bầy Trâu thì người xuất gia
cũng phải nhận ra được những
hành động nào của thân, miệng,
ý của mình là thiện (nên làm)
hay bất thiện (không nên làm).

Nếu người mục đồng biết
tắm rửa sạch sẽ cho Trâu thì
người xuất gia cũng phải biết
buông xả, gột rửa, thanh lọc Tâm
mình khỏi những ô nhiễm của 3
chất độc Tham, Sân, Si.

Nếu người mục đồng biết
chăm sóc các vết thương của
Trâu thì người xuất gia cũng phải
biết hộ trì 6 căn Mắt, Tai, Mũi,
Lưỡi, Thân, Ý của mình để cho 6
Trần không thể lung lạc được.

Nếu người mục đồng biết un
khói để Trâu khỏi bị muỗi đốt thì
người xuất gia cũng phải biết đem
Phật Pháp truyền bá cho người
chung quanh để họ được lợi lạc.

Nếu người mục đồng biết tìm
đường đi an toàn cho Trâu thì
người xuất gia cũng phải biết
tránh những con đường đưa đến
danh lợi, sắc dục, hý trường,
v.v...

Nếu người mục đồng biết
thương yêu Trâu thì người xuất

*gia cũng phải biết quý trọng
những niềm vui an lạc do thiền
tập đem đến.*

*Nếu người mục đồng biết
tìm bến tốt cho Trâu qua sông
thì người xuất gia cũng phải biết
nướng vào “Bốn sự Thật mẫu
nhiệm” để biết bến biết bờ.*

*Nếu người mục đồng biết
tìm nơi có cỏ non và nước uống
cho Trâu thì người xuất gia cũng
phải biết rằng “Tứ Niệm Xứ” là
mảnh đất tốt để trở hoa giác
ngộ.*

*Nếu người mục đồng biết
bảo trì những vùng thả Trâu thì
người xuất gia cũng phải biết
thận trọng khi tiếp xúc với quần
chúng và thu nhận của cúng
dường.*

*Nếu người mục đồng biết
dùng những con Trâu lớn làm
gương cho Trâu con thì người
xuất gia cũng phải biết nương
vào đức hạnh và kinh nghiệm
của các bậc Thầy đi trước.*

Thưa Anh Chị Em,
Người Huỳnh Trưởng GDPT
tuy không phải là người xuất gia
nhưng cũng có thể coi như “xuất

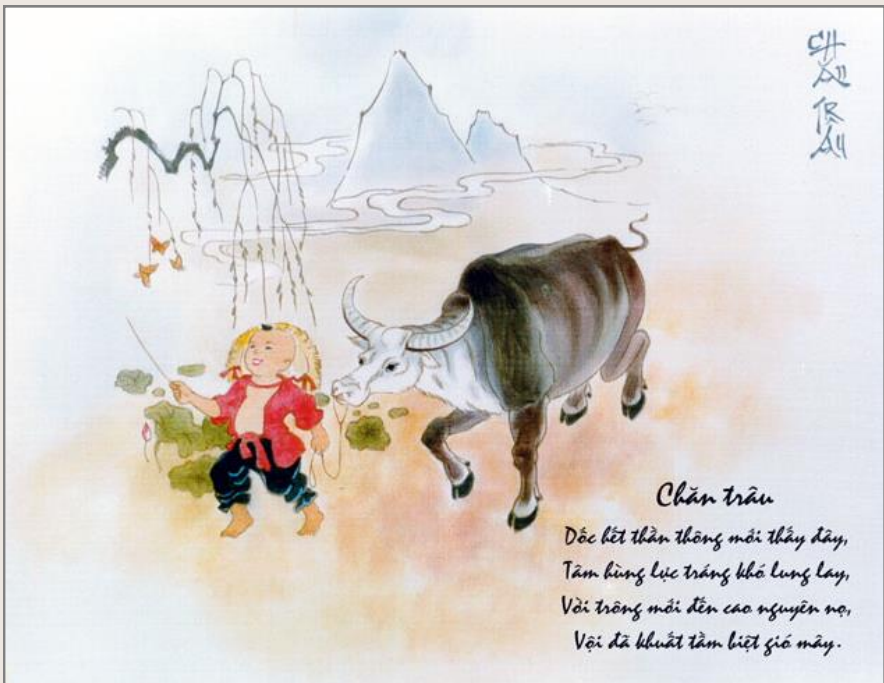
gia” ở một mặt nào đó, ở một lúc
nào đó, trong một tâm thái nào
đó... Tại sao? — Xin thưa: vì “xuất
gia” có 3 nghĩa; đó là: xuất thế
tục gia, xuất phiền não gia, xuất
tam giới gia. ACE Huỳnh trưởng
chúng ta, ngoài gia đình thế tục,
chúng ta còn một đại gia đình
rộng lớn, là GDPT, không khác gì
gia đình huyết thống, đó là gia
đình tâm linh của chúng ta, gia
đình này hôm nay đã lan rộng
khắp thế giới. Chúng ta có anh chị
em “ruột thịt” từ châu Á sang
châu Âu, từ châu Mỹ đến châu
Úc... như vậy coi như chúng ta đã
phần nào xuất thế tục gia. Còn
“phiền não gia” và “tam giới gia”
thì ai xuất được chỉ tự mình biết
lấy mà thôi. Thế cho nên những
lời đức Phật dạy cho chư Tỳ kheo,
Tỳ kheo Ni... anh chị em chúng ta
vẫn có thể linh động áp dụng cho
mình.

Ước mong chúng ta đều là
những người mục đồng giỏi!

Kính chào tinh tấn!

Trân trọng,

BBT



Chăn trâu

*Dốc hết thân thông mối thầy đây,
Tâm bình lực tráng kho lưng đây,
Vội trông mối đến cào nguyên nợ,
Vội đã khuất tâm biệt giá mây.*



BÍ ẨN ĐƯỜNG BAY

*Biên biệt đường bay
Mịt mờ dấu lặng
Tiếng ai gào thông thiết giữa đau thương
Ngước lên trời cao
Mắt hút dặm trường
Nhìn xuống biển
Bóng chim tăm cá*

*Cả thế giới
Kiếm tìm
Hỏi hà
Dù mong manh
Dấu tích im lìm
Mấy tí người
Vẫn từng phút chờ tin
Ôi, nghiệt ngã
Chuyến bay đầy bí ẩn*

*Bao giả thiết
Luận bàn
Loanh quanh, luẩn quẩn
Phương tiện tối tân
Quần thảo khắp đông tây
Ngày qua ngày
Chẳng thấy bóng đường bay
Những đôi mắt đã khóc khô dòng lệ*

*Xin hãy bên nhau nguyện cầu
Và làm những gì mình có thể
Để phép màu ban xuống cõi nhân gian
Cho mấy trăm mạng người thoát cảnh bẽ bàng
Về đoàn tụ cùng gia đình hạnh phúc!*

HÀN LONG ẨN

Chùa Thiên Trúc, California
Ngày 16/3/2014

A MYSTERIOUS DISAPPEARANCE

A discernment route
Unsettled and fading into silence
There are many cries and screams in the
midst of suffering
Looking up to the sky -
It disappeared and is nowhere to be found
Looking down at sea -
and it is traceless

The whole world
is still searching
hustle and urgent,
Though fragile silence,
hope remains
Several billion people
Still waiting, minute by minute
Oh, it is cruel
on this mysterious flight

Many unknowns, assumptions, theories
and discussions
Stay vicious
With modern equipments and facilities,
Searching for the missing airplane
From East to West, across oceans and conti-
nents
Day by day
Still the unknown route
The loving family's cries have dried up their
tears

We can simply pray together
And do everything we humanly can
and hope for a miracle bestowed upon the
human realm.
For hundreds of lives to be safe and sound
and to be reunited with their families!

(Translated by **Phe Bach**)



ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG

Thích Nguyên Hiệp



Thế giới loài người luôn phải đối mặt với những thảm họa do thiên nhiên gây ra: bão lụt, động đất, núi lửa, sóng thần... là những vấn đề con người phải thường xuyên nhận lãnh suốt theo chuỗi lịch sử phát triển của mình. Và ngày hôm nay, mức độ thảm khốc của những điều này đang tăng dần lên do vì có sự góp mặt của những tác nhân tiêu cực do chính con người tạo ra. Bên cạnh những thảm họa thiên nhiên như thường thấy, sự ô nhiễm không khí, cạn kiệt nguồn nước ngầm, đất đai xói mòn, sa mạc hoá, biến đổi khí hậu và đánh mất hệ sinh thái là những thảm họa kinh hoàng khác mà nhân loại đang đối mặt. Những thảm họa đó đang diễn ra khắp nơi, ai cũng biết cũng thấy, nhưng vì nhu cầu cuộc sống và vì phát triển kinh tế, thiên nhiên ngày càng bị con người đối xử tệ bạc, bất chấp những rủi ro khốc liệt hơn mà họ sẽ hứng chịu.

Từ những thập niên trở lại đây, khi vấn đề về môi trường được cảnh báo là càng lúc càng trở nên tồi tệ hơn, nhiều cá nhân và tổ chức khắp nơi đã lên tiếng kêu gọi, tìm kiếm và đưa ra những giải pháp nhằm ngăn chặn những việc làm gây tổn hại thêm cho môi trường.

Về phía Phật giáo, nhiều cá nhân và tổ chức cũng đã có những tiếng nói và đưa ra những giải pháp tích cực cho vấn đề này. Những bài viết và bài giảng của những nhân vật nổi tiếng Phật giáo như ngài Dalai Lama, H.T. Nhất Hạnh, Tỳ-kheo Bodhi, Ni sư Chứng Nghiêm... liên quan đến vấn đề môi trường đã xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; và những phong trào bảo vệ môi trường do các Tăng Ni, Phật tử khởi xướng cũng đã hoạt động tích cực trong những thập niên trở lại đây ở Sri Lanka, Thái Lan, Đài Loan, và Nhật Bản...

Là những cá nhân và tổ chức thuộc Phật giáo, những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường được đưa ra thường dựa trên triết học và đạo đức học Phật giáo từ những truyền thống Phật giáo khác nhau. Những giáo lý như Duyên khởi, Nhân quả, Duy thức, và ngay cả tư tưởng Thiền học đã được khai triển để ứng dụng cho vấn đề này.

Nhưng dù đứng ở nền tảng giáo lý nào và giải pháp đưa ra là gì, thì cái nhìn chung của Phật giáo về môi trường thiên nhiên là cái nhìn "bất nhị", xem con người với môi trường thiên nhiên - bao gồm rừng núi, sông biển, khí trời cho đến các loại động thực vật khác nhau - là không hề tách rời nhau; tất cả hỗ tương và đan xen trong một vòng quay nhân quả phổ quát. "Lưới trời Đế Thích" trong kinh Hoa Nghiêm, một thuật ngữ Phật giáo chỉ cho sự tương quan của hiện tượng giới trong vũ trụ, nay giá trị của nó vượt qua khỏi phạm vi triết học trừu tượng để ứng dụng thực tế hơn vào những vấn đề xã hội. Giáo lý tái sinh và nghiệp báo không chỉ dừng lại ở phạm vi giải thích sự có mặt của con người, sự không đồng nhất giữa các cá nhân, mà khía cạnh đạo đức của nó

được đẩy mạnh hơn bao giờ hết để con người ý thức hơn về trách nhiệm của mình đối với tha nhân và môi trường sống.

Phật giáo được xem là tôn giáo có nền triết học mà sự ứng dụng của nó vào những vấn đề môi trường là có ý nghĩa vượt trội khi so sánh với những tôn giáo khác. Tinh thần tôn trọng sự sống, yêu mến thiên nhiên, đề cao sự bình đẳng giữa các loài sống là những giá trị của Phật giáo được đón nhận cho vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay. Khi những tôn giáo Nhất thần xem các loài sống khác như là những phần thường được Thiên chúa ban tặng để phục vụ con người, dẫn đến một cái nhìn "nhị nguyên" mà nó tất yếu phân chia con người và những loài sống khác như là hai phần đối lập, thì cái nhìn của Phật giáo về con người và môi trường được xem là một tôn giáo có thái độ "thân thiện" đối với môi trường. Đó không phải là cái nhìn chủ quan của những người Phật tử, mà là cái nhìn chung của nhiều người, trong đó có cả những sử gia Tây phương theo Thiên chúa giáo (Damien Keown, 2005, tr. 39).

Tuy vậy, dù Phật giáo có cái nhìn "bất nhị" giữa con người với môi trường và các loài sống khác, và những giá trị đạo đức liên quan đến vấn đề này được tìm thấy trong rất nhiều kinh điển, thì một số nhà môi trường học lại không cho rằng lĩnh vực đạo đức học của Phật giáo có thể ứng dụng được vào việc giải quyết vấn đề môi trường hiện tại, vì Phật giáo luôn chú trọng một loại đạo đức "thoát khổ", chú trọng vào việc giải thoát khổ đau cá nhân. Và cái nhìn của Phật giáo về môi trường thường bị gắn ghép với thuyết hình nhân, xem việc bảo vệ thiên nhiên là chỉ để phục vụ cho con người, mà không phải chung cho các loài khác (Damien Keown, tr. 40).

Xem đạo đức học Phật giáo là một loại đạo đức "thoát khổ" thì không sai, nhưng cho rằng nền đạo đức học này không liên quan gì đến việc bảo vệ môi trường thì lại không hợp lý. Nói chung, Phật giáo luôn chú trọng đến việc đào luyện tâm thức cá nhân, xem đó như là mấu chốt quan trọng trong việc đạt đến giải thoát, giác ngộ. Nhưng xem việc đào luyện tâm thức không có sự tác động nào vào đời sống xã hội là điều hoàn toàn sai lầm. Xã hội và môi trường sống, từ cách nhìn của Phật giáo, không có gì khác hơn ngoài sự mở rộng tâm thức con người và cộng đồng người; một sự kết hợp của biệt nghiệp và cộng nghiệp. Theo Duy thức học thì đó không có gì khác ngoài sự phản chiếu của tâm thức.

Trong Phật giáo, không thể nhìn đạo đức học như là một lĩnh vực tách biệt ra khỏi những lĩnh vực khác như triết học và tâm lý học. Đạo đức theo Phật giáo không chỉ được nhìn từ góc độ tốt và xấu dựa trên hành vi, mà nó còn phải được phân tích qua trạng thái tâm ý. Việc liên hệ đạo đức học Phật giáo cho vấn đề môi trường như vậy không chỉ là những giải pháp cho việc ngăn chặn những hành vi bên

ngoài, mà là sự chuyển đổi suy nghĩ và tâm thức con người, để từ đó con người có một thái độ thân thiện hơn đối với môi trường thiên nhiên.

Khi nói đến vấn đề đạo đức môi trường thường có ba vấn đề quan tâm được đặt ra: trước hết đạo đức phải là một vấn đề phổ quát, một vấn đề chung của toàn thể loại người, nó không giới hạn nơi khu vực và vùng địa lý; thứ hai, đạo đức không chỉ giới hạn nơi đời sống hiện tại mà còn tính đến những thế hệ tương lai; và thứ ba, đạo đức vượt qua ranh giới loài người, tức đạo đức phải tính đến những loài không thuộc con người như muông thú, cây cối và hệ sinh thái (Padmasiri de Silva, 1998, tr. 15).

Đề cập đến đạo đức phổ quát, thoát ra khỏi vùng địa lý là để mọi người có một trách nhiệm chung trong vấn đề môi trường. Để những nước có nền công nghiệp phát triển phải chịu trách nhiệm về sự ấm nóng toàn cầu và những biến đổi khí hậu mà họ là chủ nhân đã gây ra trong quá khứ (và cả hiện tại). Và các nước nghèo - vì muốn phấn đấu cho bằng các nước phát triển, cũng ra sức khai thác các nguồn tài nguyên, và ra sức thải khí các-bon-nic (carbonic) vào tầng trời bởi so bì rằng họ phải có những quyền như những nước giàu đã làm trước đây - cần phải tuân thủ những nguyên tắc về bảo vệ môi trường trong những hoạt động kinh tế vì lợi ích chung của toàn địa cầu. Đạo đức tính đến thế hệ tương lai, tức để tránh tình trạng khai thác tài nguyên một cách vô tội vạ, dẫn đến sự cạn kiệt và thế hệ tương lai không còn gì để "khai thác", và cũng để giảm thiểu những tác hại mà hậu thế phải gánh chịu do thế hệ hiện tại tạo ra. Và đạo đức phải tính đến muông thú, cây cối, tức để cân bằng hệ sinh thái và tôn trọng quyền sống của mọi loài.

Khi đề cập đến đạo đức Phật giáo đối với vấn đề môi trường là đề cập đến cách nhìn của Phật giáo đối với những gì không thuộc thể giới con người như rừng, muông thú, hệ sinh thái, thiên nhiên; và quan điểm của Phật giáo đối với việc phát triển kinh tế là như thế nào. Và có hai nguyên tắc trong đạo đức học Phật giáo được đặt ra ở đây liên quan đến vấn đề này là lòng từ bi và tránh gây hại (ahimsa). Nhưng trước khi đi vào bàn luận đạo đức Phật giáo đối với môi trường, chúng ta cần biết rằng vấn đề môi trường là một vấn đề của ngày hôm nay, chứ không phải là một vấn đề được đặt ra từ thời đức Phật. Không có những lời Phật dạy liên hệ một cách trực tiếp đến vấn đề này. Do đó ở đây chúng ta chỉ có thể xem xét những hàm ý của giáo pháp đức Phật đối với môi trường thiên nhiên, và thái độ hành xử của người Phật tử đối với những gì không thuộc thể giới con người là như thế nào.

Trước hết là thái độ của Phật giáo đối với rừng. Từ thời điểm Phật giáo vừa được hình thành, rừng đã là một nơi rất thân thiết đối với đời sống tu tập của các Tỷ-kheo. Dù có những tự viện được thành lập và đời sống cộng đồng của các tăng lữ trong những tự

viện đó đã phổ biến, thì cũng có những vị tăng chọn lối sống độc cư thiền định trong rừng; và rừng được xem như là một nơi "khả ái" cần được tôn trọng và bảo vệ. Đối với các Tỷ-kheo, có một số điều luật được đặt ra, khuyên họ không nên làm hại đến cây cỏ, và làm dơ bẩn nguồn nước. Trong một vài bản kinh, nhưng cây cổ thụ được xem là nơi cư ngụ của các thần linh (cụ thể là trong các Jakata). Và các Tỷ-kheo sống theo hạnh không gây hại được khuyên nên tránh những hoạt động gây tổn hại cho những sinh linh khác, dù hữu hình hay vô hình.

Việc an cư mùa mưa của chư tăng ngoài việc dành một thời gian nhất định để phát triển đời sống tâm linh, còn gồm cả mục đích không gây hại cho những loài sinh vật khác trong thời kỳ này mầm, sinh sôi phát triển. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa thì khuyên dạy rằng người Phật tử không được phóng lửa đốt phá núi rừng. Và trong quá khứ, chính vị vua Phật tử Asoka đã đưa điều này vào trong chính sách cai trị của mình, ngăn cấm việc đốt phá rừng một cách bừa bãi. Vì việc đốt phá rừng bị xem là hành vi gây hại cho nhiều loài sống, dẫn đến làm tổn phước cho bản thân và cộng đồng. Thái độ yêu mến thiên của Phật giáo còn thể hiện qua việc lựa chọn nơi chốn xây dựng chùa viện. Vào thời đức Phật, các tinh xá (chẳng hạn như Kỳ Viên và Trúc Lâm) đều tọa lạc tại những khu rừng, hoặc vườn rừng. Và truyền thống này tập được thừa kế mỗi khi Phật giáo được truyền bá đến những xứ sở khác nhau...

Ngày nay, những tăng sĩ Phật giáo ở Sri Lanka và Thái Lan, những người sống trong rừng, ngoài việc đang thực hiện một nếp sống và phương thức tu tập được truyền thừa từ truyền thống Phật giáo xưa, họ còn là những người bảo vệ rừng một cách hiệu quả. Những đóng góp của họ trong việc ngăn chặn nạn đốt phá rừng được công nhận và được đánh giá rất cao ở những quốc gia này.

Tôn trọng sự sống là một điều rất được đề cao trong Phật giáo. Cấm sát sanh và làm hại thú vật là một trong những giới luật căn bản dành cho mọi Phật tử. Việc tôn trọng sự sống không chỉ vì từ bi, vì niềm tin vào luân hồi và nghiệp báo, mà còn vì ý thức rằng mọi sinh loài đều có quyền sống bình đẳng và môi trường sống là dành cho tất cả mọi loài trên trái đất này chứ không phải dành riêng cho con người (David J. Kalupahana, 2008, tr.137-42). Thái độ của Phật giáo đối với các loài sống như vậy đã hình thành nên một quan điểm đạo đức hành xử đối với các loài không thuộc con người: con người cần từ bỏ quan điểm xem mình là sinh loài định đoạt tất cả những loài khác; cần phải xem mình và các sinh loài khác như là những "láng giềng" của nhau (Peter Harvey, tr. 185).

Chúng ta hãy đọc một đoạn này trong kinh Từ Bi để hiểu thêm quan điểm đạo đức của Phật giáo đối với mọi loài sống, "*Nguyện cho tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những*



loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh. Nguyên nhân cho những loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn. Như một bà mẹ đang đem thân mạng mình che chở cho đứa con duy nhất, chúng ta hãy đem lòng từ bi mà đối xử với tất cả mọi loài.” (kinh Từ Bi, bản dịch của H.T Nhất Hạnh).

Trong Phật giáo, thái độ tâm lý và đạo đức luôn liên hệ mật thiết với nhau. Nói cách khác là hành vi đạo đức cần y cứ nơi một tâm thức đầy từ bi và tinh lãng. Không gây hại cho các loài sống là một hành vi đạo đức, nhưng điều đó phải được phát xuất từ tâm từ bi thực sự. Và khi tâm từ bi đối với mọi loài được phát triển đến một tầm mức cao, đạo đức được thể hiện sẽ có hiệu quả một cách tự nhiên. Nó có thể cảm hoá và thu phục các loài muông thú. Điều này được chứng minh qua việc đức Phật thu phục con voi say Nalagiri, cũng như trường hợp voi và khi dăng cúng thực phẩm lên Ngài. Trong kinh có kể một câu chuyện rằng, có một vị Tỳ-kheo bị rắn độc cắn chết; và khi biết được sự việc này đức Phật đã dạy rằng, nếu vị Tỳ-kheo ấy có thái độ từ tâm đối với các loài rắn độc, thì vị ấy đã không bị rắn cắn chết. Những điều này không phải là huyền thoại khi ngày nay những vị tăng sống trong rừng ở Thái Lan, Miến Điện và Sri Lanka cũng có khả năng cảm hoá muông thú, ngay cả với những loài thú hung dữ như cọp báo (Peter Harvey, 2000, tr. 171).

Vấn đề phát triển kinh tế bằng mọi giá là một trong những nguyên nhân làm suy thoái môi trường sống hiện nay. Bởi vì số lượng tài sản và mức độ tiêu thụ trở thành thước đo cho giá trị một đời sống, nên từ cá nhân đến cộng đồng mọi người ra sức phát triển kinh tế và ra sức tiêu thụ, biến quả đất thành một nhà máy và thị trường khổng lồ. Thái độ sống của những người theo chủ nghĩa đoạn diệt từ thời đức Phật, nay được con người hiện đại áp dụng sâu rộng vào trong đời sống. Nhưng chủ trương đời sống hưởng thụ của những người theo thuyết đoạn diệt ngày xưa không vi phạm vấn đề đạo đức bởi lối sống đó không gây hại cho người khác, thì nếp sống lạm dụng hưởng thụ ngày nay là một vấn đề của đạo đức học, bởi vì vấn đề tiêu thụ quá mức có liên hệ mật thiết đến việc làm tổn hại môi trường, làm tổn hại đời sống tha nhân và các loài khác.

Phật giáo luôn chủ trương một nếp sống giản đơn, tiết kiệm. Phát triển kinh tế phải đồng thời với việc phát triển đạo đức, phát triển tâm thức và phát triển sự nhận thức về con người và thế giới. Phật giáo không phủ nhận việc phát triển kinh tế, bởi sự thiếu thốn tài vật dễ đưa con người đến vi phạm những vấn đề đạo đức và làm băng hoại xã hội. Nhưng sự giàu có được xây dựng trên một đời sống phi đạo đức lại đưa xã hội đến băng hoại theo một cách khác. Kinh tế học Phật giáo do đó hướng đến sự cân bằng, cân bằng, giản đơn và không gây hại (E. F. Schumacher, 1973, tr. 52).

Vấn đề tôn trọng và bảo vệ rừng, đấu tranh cho quyền muông thú, và giảm bớt vị trí con người trung tâm để cho mọi loài có thể chia sẻ những ích lợi giống nhau mà thiên nhiên ban tặng nơi quả địa cầu này được đặt ra đối khi bị xem là điều hài hước khi người ta hình như ngày càng gia tăng thêm nữa thú vui hưởng thụ thịt chim muông, và lòng tham làm giàu từ việc khai thác và tiêu diệt không thương tiếc nguồn thiên nhiên vốn hữu hạn đang được thực hiện

một cách vô trách nhiệm.

Theo Phật giáo, con người chỉ là một loài trong sự cộng hữu đa dạng của các loài hữu tình nơi một thế giới có điều kiện, dù vẫn có những niềm vui và hạnh phúc nào đó, thì thế giới ấy vẫn chất chứa nhiều đau khổ, không chỉ cho con người mà cho tất cả mọi loài. Con người là loài động vật tiến bộ nhất nhưng chính con người là loài đã gây ra nhiều khổ đau và thảm họa nhất cho những loài khác. Việc tôn trọng và đối xử với mọi loài, với thiên nhiên như đối xử với con người là điều rất khó khăn để thực hiện khi tập khí “con người bá quyền” vẫn còn sâu đậm trong mỗi cá nhân. Xem mọi loài đồng đẳng như nhau đôi khi trở thành xa vời và phi thực tế; đạo đức đối với muông thú và cỏ cây hẳn bị xem là huyền hoặc khi mà con người vẫn còn thích gây khổ cho nhau. Nhưng nếu vậy mà không nỗ lực thực hành và không có những thái độ hợp lý thì một lúc nào đó vì thái độ coi thường và huỷ diệt các loài sống khác cũng là đang huỷ diệt chính bản thân mình.

Tiếng nói đạo đức của một tôn giáo có thể sẽ không được những những người lãnh đạo có trách nhiệm lắng nghe, nhưng tiếng nói ấy có thể lay chuyển phần nào tâm thức của những tín đồ theo tôn giáo đó. Một giải pháp của tôn giáo cho một vấn đề xã hội có thể sẽ không được chú ý đến, nhưng giáo dục tín đồ sống có đạo đức là trách nhiệm của những người lãnh đạo tôn giáo. Bắt đầu được khởi đi từ việc thay đổi nhận thức của mỗi cá nhân, bắt đầu từ việc giảm thiểu đi tham, sân, si, xã hội sẽ dần thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn khi tâm thức của mỗi cá nhân thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Theo cách nhìn của Phật giáo, sẽ không bao giờ có một xã hội tốt đẹp khi ở đó cộng tồn những cá thể chất chứa quá nhiều tham, sân, si - gốc rễ của những hành vi bất thiện có những chiều kích xã hội lớn lao (Padmasiri de Silva, 2005, tr. 4).

Như đã nói, khi mà việc cư xử giữa con người với nhau vẫn còn chưa tốt được, khi mà việc bắn giết chim muông, vật hoa bẻ cành diễn ra công khai và trở thành thói quen của nhiều người, thì việc yêu cầu phải sống có đạo đức với rừng, với loài thú là điều không phải dễ thực hiện. Tuy vậy, việc tìm kiếm thêm một giải pháp cho một vấn đề đang được báo động là điều cần thiết, và dù phạm vi chỉ dừng lại trên phương diện ngữ ngôn thì cũng cần thiết phải đặt ra./.

Thích Nguyên Hiệp

Sách tham khảo:

- Padmasiri de Silva, Environmental Philosophy and Ethics in Buddhism, ST. Martin's Press, New York, 1998.
- Damien Keown, Buddhist Ethics: An Very Short Introduction, Oxford University Press, New York, 2005.
- E. F. Schumacher, Small is Beautiful. Economics as if People Mattered, Harper and Row Publishers, New York, 1973.
- Padmasiri de Silva, An Introduction To Buddhist Psychology, Palgrave Macmillan, New York, 2005.
- Peter Harvey, An Introduction to Buddhist Ethics, Cambridge, New York, 2000.
- David J. Kalupahana, Ethics in Early Buddhism, Motilal Banarsidass Publishers, New Delhi, 2008.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẾN VỚI PHẬT?

Đào Văn Bình

Kinh Phật không nói về chân lý, đúng-sai, yêu thương - hận thù hai mặt. Cho nên Phật không làm quan tòa để phán xử ai. Muốn biết đúng-sai, có tội hay không có tội xin tới tòa án, luật sư, đừng tới Chùa, đừng hỏi Phật.

Ngoài ra Đức Phật cũng **không độc quyền về Chân Lý**. Bởi vì Chân Lý từ sự vật đi lên. Khi mà "thị chư pháp không tướng" (1) tức thực tướng của muôn vật (vạn pháp) là Không thì Chân Lý cũng chỉ là hư ảo. Do đó, nếu bạn cứ nằng nặc cho rằng điều mà bạn đang tin là Chân Lý thì xin bạn đừng tìm đến Phật kéo uống công.

Phật không phải là một ông thần tạo ra trái đất rồi hủy diệt nó vì phần nộ. Trái đất và vũ trụ này tự vận hành bởi quy luật Thành-Trụ-Hoại-Diệt mà không một quyền năng nào có thể ngăn cản nổi. Một tỷ năm nữa Ngày Tận Thế sẽ đến và đến một cách từ từ. Tất cả đều chết hết, chẳng ai cứu được ai. Chẳng ai có thể chết thể cho ai. Đó là sự thật rất "chân thật". **Cho nên đến với Phật là đến với lòng thành thật.** Khi mình chưa thấy sự thành thật là cần thiết: Thành thật với mình và với người thì...cũng chưa nên vội đến với Phật.

Phật cũng không phải là một ông thần, bà thần giáng thế hoặc cha mẹ của thần để ban phúc giáng họa khi nhân loại thờ phượng ngài không đúng cách hoặc làm phật ý ngài vì thế mà nhân gian đã nói và sử sách đã ghi "**Hiền như Bụt**" cho nên không có gì phải sợ hãi Phật. Vì Phật "**hiền như Bụt**" cho nên **hãy đến với Phật như tấm lòng của con đến với cha mẹ.**

Vì Phật là ứng dụng tự tại do đó trong thế giới chứng đắc của thiền sư không có gì bí mật mà chỉ là những gì đơn sơ như hoa nở, suối reo, chim bay, cá lội, trẻ thơ nhớ mẹ, đói ăn khát uống... thật nhẹ nhàng và an lành.

Những cảm nghiệm đó không nảy nở từ những lâu đài tráng lệ, từ những bữa tiệc linh đình, từ nơi quyền thế, từ những trung tâm tài chánh của thế giới, từ những trung tâm quyền lực, từ kế hoạch, âm



mưu bàn tính, từ kinh đô ánh sáng, từ những lễ nghi huyền bí hay những ngôn từ huyền hoặc, hoa mỹ, sấm truyền vu vơ.

Nó là những cảm nghiệm tinh khôi nhất thoát đi từ vũng lầy khổ đau của kiếp người. Đạo Phật vốn đi lên từ Khổ Đế (2) rồi thăng hoa lên từ Khổ đế vượt thoát khỏi thân phận cay đắng, nghiệt ngã của kiếp người... từ đó nhìn thấy cuộc đời này có một chút ý nghĩa.

Do đó trong cuộc sống, người nào chưa từng nếm một chút mùi vị của khổ đau; chưa từng thấy ngoài thế giới vật chất; cuộc sống này còn bao hàm một niềm hoài vọng thiết tha về một cái gì đó vượt lên trên những tương tranh, đổ kỵ, tỵ hiềm, những thành công hay thất bại, phú quý tựa như phù vân; những người như thế không thể hiểu Đạo Phật.

Ngoài ra, những ai tự trói buộc mình vào một tín điều, niềm tin, những cấm kỵ nào đó mà không thể thoát ra được - thì cũng không thể hiểu được Phật bởi vì Đạo Phật vượt lên trên mọi ràng buộc câu

thức - nhất là câu thức về trí tuệ.

Khi bạn nghèo mà bạn không thấy tủi nhục, ray rứt vì nghèo - mà cần mẫn vươn lên trong đạo đức, tuân thủ luật pháp quốc gia và ...lúc nào cũng hy vọng. Hiểu được như thế là bạn đã thấy Phật. Xưa kia Đức Phật còn nghèo hơn bạn rất nhiều. Tối bữa trưa ôm bình bát vào thành xin ăn, bữa đói bữa no. Thí chủ cho gì ăn nấy. Áo chỉ ba bộ và là loại áo tầm thường nhất của xã hội lúc bấy giờ, chân đi đất... mà Phật lại trở thành con người vĩ đại nhất hành tinh này. Do đó nghèo không phải là bước đường cùng của con người. Vậy thì **đến với Phật là đến với niềm hy vọng.**

Khi bạn là người trí thức mà bạn không coi thường người thất học hay người ít học mà tìm cách để giúp họ cũng được học hành như chính mình...như thế là bạn đã đến với Phật. Bởi vì chư Phật lúc nào cũng muốn chúng sinh khai mở trí tuệ rộng lớn như biển cả. Do đó, **những ai trong đời do kém may mắn mà không được học hành đến nơi đến chốn, nên đến với Phật, nên đi lễ Phật.** Với sự giúp đỡ

của chùa, thiện tri thức, chư tăng ni, chắc chắn bạn sẽ tự tin, phá bỏ mặc cảm... rồi từ từ tiến lên, giới giang như người ta. Xin nhớ rằng đến với Phật là để mở mang trí tuệ chứ không phải để cầu xin. Nếu có cầu xin thì xin "Thấu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển". Và cũng xin nhớ cho **không có thứ phước đức nào lớn cho bằng sự thông thái của trí tuệ**. Một đất nước toàn là những nhà thông thái sẽ thống ngự hành tinh này. Một đất nước toàn là những người ngu dốt sẽ tự giết nhau mà hủy diệt - hủy diệt cuộc sống, hủy diệt môi trường, hủy diệt tài sản quốc gia và hủy diệt tình người. **Tham lam quá độ bằng cách vơ vét của cải và hưởng thụ là sự u mê lớn nhất của trí tuệ**.

Chúng ta chưa có can đảm lớn như Phật từ bỏ ngôi vị đông cung thái tử, như Phật Hoàng Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng. Nhưng khi bạn giàu mà giảm bớt lòng tham, chia sẻ một phần nhỏ của cải để giúp người nghèo khó - tức là bạn đã nhìn thấy Phật. **Đến với Phật là đến với lòng Từ Bi và Chia Xé**.

Bạn ơi,

Hãy gội rửa tâm hồn mình để trở về tâm hồn của một bé thơ - chưa bị nhiễm ô bởi bất cứ một ý niệm, thành kiến, ranh giới, tín niệm hay một hệ thống giá trị giới hạn nào.

Hãy để cho đời lương gặt mình để giúp cho đời có một chút ảo tưởng chiến thắng.

Hãy chấp nhận mình là một kẻ thua thiệt để giữ cho đời sống đạo vị khỏi bị hoen ố.

Hãy giúp đỡ người nghèo khó, trợ cấp cho người cô quả cô độc, trẻ mồ côi, người lâm vòng tù tội và hãy yêu mến cuộc sống của muôn loài...

Hãy xây đắp lòng Từ Bi, Hỉ Xả và Đức Hiếu Sinh trước khi bàn chuyện Phật.

Hãy thả duốc trí tuệ để lên đường tìm Phật.

Đừng chạy lòng vòng hết chỗ này chỗ kia để tìm kiếm Phật. Hãy ngồi xuống, lặng yên "trực chỉ nhân tâm, kiến tánh" (3) sẽ thấy một ông Phật nằm ngay trong con người mình. Khi "hoa khai" tức **hoa trí tuệ đã nở** và "kiến Phật" rồi thì "ông Phật" đó đời kiếp kiếp ở trong thần thức và không bao giờ còn quy phục tà ma ngoại đạo nữa, giống như "quặng vàng đã trở thành vàng ròng thì không bao giờ trở lại thành quặng." (4)

Bạn ơi,

Muốn đến với Phật thì xin bạn:

Hãy im lặng và suy nghĩ.

Hãy suy nghĩ cho đến khi không còn gì để suy nghĩ nữa.

Hãy im lặng để lắng nghe nhịp đập của trái tim mình.

Hãy ngắm nhìn một bông hoa nở.

Hãy nở một nụ cười và trút bỏ muộn phiền.

Hãy thong thả bước vào thế giới của xả bỏ.

Hãy để đầu óc trống rỗng, thân thể thư thái, nhẹ nhàng để bước vào Thiền.

Đây là những điều kiện để đến với Phật.

Sau hết xin nhớ cho đến với Phật là đến với sự an lành, thanh tịnh, sáng suốt và thi vị.

Đào Văn Bình
(California 15/3/2014)

(1) *Bát Nhã Tâm Kinh (The Wisdom Sutra)*

(2) *Tứ Diệu Đế : Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế mà Tây Phương dịch là "Four Noble Truths"*

(3) *Tổ Đạt Ma, "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật"*

(4) *Kinh Viên Giác*

HÓA THÂN DUY-MA-CẬT

"Người qua tôi cũng đi qua
Người dừng tôi cũng qua loa tạm dừng."
(Bùi Giáng)

Thiên tài trở lại trần gian*

Từ bi hoá độ muôn vàn chân nhân

Trí Bát Nhã đã bao lần

Liễu Không, thuần Giác hiện thân đầu đà

Nụ cười xoa dịu sơn hà

Thiền môn khép kín bao la nhiệm mầu

Bụi Tiên sinh mãi về sau

Của không

Tĩnh

Tịch

Tĩnh

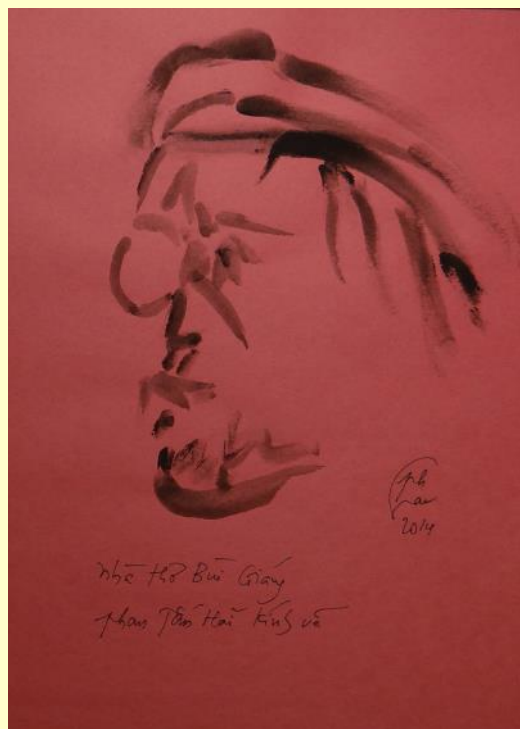
Đau

Lạ thường.

BẠCH XUÂN PHÊ

thơ

*"Em về trúc thạch một mai
Sẽ nhìn thấy mãi thiên tài chết điên."
(Thơ Bùi Giáng)



Thông điệp từ biển lớn

VĨNH HẢO

Đôi lời của tác giả: Bài viết đã lâu, nhưng mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày... khi nhớ về quê mẹ nghìn trùng, vẫn muốn gửi đến mọi người, trong nước, ngoài nước.



Từ bãi đầu xe bước lên thềm dành cho người đi bộ, người ta vẫn chưa thấy được biển. Phải leo một con dốc thoai thoải với những bụi hoa vàng vươn cao khỏi đầu, dẫn đến một vụng hải dài lộ thiên; từ nơi đây, nhãn quan mới bất chợt mở bừng trước một đại dương xanh thẳm, mênh mông, trắng lệt.

Từng đàn hải âu tung cánh bay lượn trong vũ khúc miên trường của sóng nước và gió lồng thênh thang. Triền núi lởm chởm đá, đổ dài xuống tận bãi cát lao xao bọt nước trắng. Rải rác đầu đó vẫn còn dấu vết của những dòng dung nham đen tuyền đóng thành nhiều tầng lớp, tưởng chừng như những trang giấy dày của cuốn huyền sử đất trời bị thiêu hủy bởi tạo hóa từ hàng triệu triệu năm trước.

Đây là biển. Đây là nước. Biển phương tây nổi biển phương đông. Bên này bên kia nhìn nhau không thấy bến bờ, nhưng nước thẳm mênh mông chỉ là một.

Xa hút bên kia, xuyên qua trùng trùng sóng xanh và mây trắng, là quê mẹ. Nơi đó, sau hơn ba mươi năm, đã nhiều đổi thay. Người ta nói vậy. Tất nhiên là phải vậy. Vạn vật và lòng người thay đổi trong từng giây phút, từng sát-na, không lẽ hơn ba mươi năm mà chẳng gì đổi thay? Không gì đổi thay mới là chuyên lạ, và chuyện lạ như thế là điều không thể chấp nhận được. Nhưng mà đổi thay theo chiều hướng nào? Xu hướng văn minh tiến bộ của nhân loại dù nhanh hay chậm thế nào, dù vạn dụng chủ thuyết, chủ trương, ý thức hệ nào, tất cũng phải nhằm đến mục đích tối hậu là mang lại hạnh phúc thực sự cho con người, cho xứ sở, cho toàn hành tinh. Hạnh phúc ấy, qua kinh nghiệm dài lâu của lịch sử loài người, đã cho thấy rằng không nhất thiết phải là sự sung túc, tiện nghi của vật chất hay kỹ thuật. Trái lại là đàng khác. Có nghĩa rằng đời sống con người, càng đơn giản chừng nào, càng dễ có hạnh phúc chừng nấy. Nhận thức này xem ra có vẻ đi ngược với "xu thế thời đại," khi mà hầu hết con người đều hăm hở chạy đua với thời gian, tiền bạc và kỹ thuật tân tiến. Nhưng kỹ thuật tân tiến chẳng qua cũng chỉ là cách để có nhiều thời gian hơn bằng cách rút ngắn nó lại: trong một khoảng thời gian nhỏ, có thể làm được nhiều việc hơn; nhiều việc hơn

có nghĩa là tăng thêm cơ hội cho sự hưởng thụ tiện nghi, cũng có nghĩa là tạo thêm nhiều tiền bạc và tài sản. Bằng phương cách ấy, con người lẫn quần trong nỗ lực vừa tạo tác vật chất vừa nô lệ vật chất, vừa tạo tác thời gian vừa nô lệ thời gian. Xét cho cùng, con người chỉ tự trói mình trong trùng vây của ràng buộc, phiền não, để làm những kẻ nô dịch suốt kiếp cho vật chất và thời gian.

Hạnh phúc không phải là làm được thật nhiều việc trong một thời gian rất ngắn. Hạnh

phúc chính là không cần phải làm gì cả, vô tư vô lự, trong một thời gian rất dài.

Hạnh phúc không phải là có thể sở hữu được rất nhiều thứ, thu gom vơ vét tài sản, vật dụng và tiền bạc đầy dẫy chung quanh mình. Hạnh phúc chính là buông xả tất cả, không còn vướng bận vào bất cứ thứ gì.

Hạnh phúc ấy, nhìn ở mặt chính trị, xã hội, thì đó là tự do; nhìn ở phương diện tâm linh, tôn giáo, thì đó là giải thoát.

Trời cao, biển rộng, sở dĩ đẹp là do ở chỗ bao la bát ngát, không bờ không bến. Không ai trong cuộc đời mà không bị mê hoặc bởi vẻ vô cùng vô tận của trời và biển. Nhưng trời thì xa quá, không chạm đến được, còn biển thì nơi đây, gần gũi, sinh động, chân có thể dẫm lên, tay có thể sờ đến, và thân có thể hụp lặn trong đó. Người ta có nhiều kinh nghiệm, kỷ niệm từ biển, và học từ biển rộng nhiều hơn là trời cao. Hình ảnh của biển được dùng rất nhiều để làm ẩn dụ trong văn chương, trong kinh điển: *Đại dương thống khổ. Biển lớn sinh-tử...*

Và có một số người được sinh ra từ biển không thể không nói tới. Những người này, già trẻ lớn bé, có kẻ già trên tám mươi, có kẻ chỉ là hài nhi còn trong bụng mẹ. Đã một lúc nào đó, họ lần lượt xuống thuyền, ra biển, bỏ lại tất cả sau lưng. Gia đình, bạn bè thân thuộc, tài sản, đất đai, làng xóm, chùa chiền, nhà thờ, đình miếu, ngôi trường cũ, kỷ niệm, kỷ vật, và trên tất cả những thứ ấy: quê hương. Lênh đênh trên biển lớn nhiều ngày để tìm một bến bờ tự do. Tay không tắc sắt, đã không thể tìm được tự do và hạnh phúc nơi chính quê hương của mình dưới một chính thể hà khắc, họ phải gom tài sản tiền bạc để mua một chuyến đi. Lại gom cả sinh mệnh của mình để đánh đổi tự do. Trong đại dương thống khổ ấy, trong biển lớn sinh-tử ấy, nhiều người, rất nhiều người trong số họ, đã bị cướp bóc, hãm hiếp, giết hại, bởi chính nhân viên công lực của

đất nước mình cũng như của hải tặc các nước láng giềng, hoặc bị ép bức làm nô lệ tình dục suốt kiếp ở một nơi chốn xa lạ nào đó; nhiều người chết đói chết khát; nhiều người bị bão lớn, sóng to nhận chìm. Lượng máu và nước mắt của họ không sánh được như nước đại dương, nhưng mặn và đau xót hơn rất nhiều.

Những kẻ may mắn sống còn, trôi giạt đến bờ biển của những nước láng giềng, lam lũ, tiểu tụy, vật vờ như những hồn ma bóng quế lạc về từ địa ngục. Đặt chân trên vùng đất mới, họ lập tức được người nước ngoài tiếp cứu bằng lòng nhân đạo, mở vòng tay để chào đón như là thành viên mới của xứ sở tự do, mà đồng lúc cũng bị chính quyền trong nước kết án như những kẻ phản bội tổ quốc và quê hương. Bắt đầu từ đây, với hai bàn tay trắng, họ làm lại cuộc đời. Cuộc đời cũ, cuộc đời mới, được chấm dứt và khởi đầu từ biển lớn. Thế nên, lòng không thể không lớn, tình không thể không bao la. Hơn ba mươi năm vật lộn với cuộc sống, từ việc học hành cho đến nghề nghiệp, họ đã trải qua cú sốc văn hóa, tâm lý chao đảo, vượt bao gian khó, khổ nhọc, đắng cay, để từ hai bàn tay không, dựng nên sự nghiệp hiển hách của cá nhân, gia đình, và một cộng đồng lớn mạnh.

Người ta nói họ phản quốc, phản dân tộc nhưng kỳ thực chính họ lại là những người yêu nước, yêu dân nồng nàn nhất. Ngày đêm canh cánh nhớ nước thương nòi. Tháng năm học hành và làm việc để ổn định đời sống mà lòng nào nguôi trước khổ nạn của quê hương. Từ kẻ thành danh giàu có cho đến người già nua yếu kém nhận trợ cấp hàng tháng của chính phủ, lúc nào cũng sẵn dành một phần tiền, một phần quả gửi về quê hương. Từ thiên tai cho đến tai họa gây nên bởi những kẻ bạo ngược vô tình, những người sinh ra từ biển lúc nào cũng tiên phong, mau mắn nhất để dang tay cứu giúp cho nạn nhân quê nhà.

Người ta nói họ là những người đầy căm thù, cực đoan, nhưng kỳ thực họ là những người rất mực từ bi hỷ xả. Họ không vì một thiếu sót căm quyền mà bỏ quên hàng triệu người dân thống khổ. Họ không vì một tập đoàn tham nhũng, hối lộ, thối nát, mà bỏ mặc đồng bào trước những nỗi nguy nan. Ở nơi chốn tự do sung túc hà tất phải bận lòng thù ghét những ai! Chẳng qua là vì thương dân thương nước mà bất bình với những sai trái của tập đoàn tham ô. Biển có khi im lặng như tờ, nhưng cũng có lúc thịnh nộ dương oai. Không phải im là nhu nhược hèn yếu; không phải thịnh nộ là căm thù, bạo động. Chỉ là im lặng để lắng nghe, thấu suốt, và lên tiếng là để nói cái khát vọng tự do hạnh phúc của sinh dân.

Sinh từ biển lớn, họ có tấm lòng bao dung như biển: đã từng tha thứ những kẻ đầy ải, giam cầm, hành hạ, bóc lột mình, luôn nghĩ đến nỗi đói khổ của đồng bào và luôn sẵn sàng đem tài sức mình để xây dựng quê hương. Họ đã tìm thấy tự do, nhưng ước vọng tự do cho kẻ khác vẫn chưa nguôi. Họ tiếp tục nhẫn nại, chờ đợi sự hồi đầu hướng thiện của những kẻ xấu-ác. Đó là lòng nhân, là trí tuệ, mà cũng là sức mạnh của họ.

Họ, những bé sơ sinh năm ấy bây giờ đã trở thành những bậc cha mẹ của những bé sơ sinh thế hệ mới; những thanh niên nhiệt huyết can trường năm ấy, bây giờ đã đứng trước thềm lão niên. Nhiều người trong số họ đã ra người thiên cổ. Nhưng biển lớn hãy còn đó. Mệnh mông, không cùng, không tận.

Từ biển lớn, gửi thông điệp nhân tử, trí tuệ và nhẫn nại về đất mẹ quê cha.

Laguna Beach, California, ngày 01 tháng 4, 2007.



NĂM NGHE LÁ THỎ

*năm nghiêng nghe lá thỏ dài
cỏ xưa còn ngậm gót hài em qua
chiều về núi ngả nghiêng. ta
bâng khuâng nhìn đá nở hoa trên đồi
sương nhòe cuốn lững bóng cô
đá không biết khóc...
... ừ thôi cũng đành.*

KHÔNG ĐỀ

thơ

40

*công thành danh bại chưa biết kịp
quay lại nhìn chừ đã bốn mươi
chậu cúc vàng chờ mong ai trước ngõ
nắng trưa về vuột mất nụ hôn quen!*

50

*năm mươi tuổi chẳng màng chi công tước
hồn thên thang mơ bướm mộng trưa hè
tách trà xanh trong tay đà mãn nguyệt
chiều qua rồi đêm đến
cúi đầu trắng chóng phai!*

60

*sáu mươi tuổi trả nợ xong
phủi tay mây vào đá mộng
lên núi ở một mình
chiều cời trâu xuống chợ thăm bạn.*

NGUYỄN TU PHƯƠNG

NIẾT BÀN

Tác giả: **ALEXANDER BERZIN**

Chuyển ngữ: **Tuệ Uyển**

Ý Nghĩa Của Chữ "Niết Bàn"

Niết bàn, nirvana (S), nibbana (P), trong Sanskrit và Pali có nghĩa bóng là, một "thể trạng dập tắt." Hình ảnh của một ngọn lửa đã bị dập tắt qua việc không còn nhiên liệu nữa. Trong cách thường dùng nhất, lửa tượng trưng cho những khổ đau tái diễn không thể kiểm soát của luân hồi; trong khi nhiên liệu tượng trưng cho những cảm xúc phiền não, và nghiệp tượng trưng cho nhiên liệu. Thuật ngữ Tây Tạng cho "niết bàn" có một ý nghĩa khác. Nó có nghĩa bóng là một "thể trạng vượt khỏi khổ đau," liên hệ đến một tình trạng thoát khỏi khổ đau.

Những Loại Niết Bàn

Theo sự giải thích của tông Hoàng Mạo - Trung Quán Cú Duyên Phái thì có hai loại niết bàn:

* Niết bàn tự nhiên - Tự tánh thanh tịnh niết bàn.

* Niết bàn thành tựu.

Niết bàn tự nhiên là một dạng khác của tánh không, cung cách thật sự mà trong ấy mọi sự tồn tại.

Có ba loại niết bàn thành tựu được đạt đến:

* Niết bàn hữu dư y.

* Niết bàn vô dư y.

* Niết bàn vô trụ xứ.

Những hệ thống Tiểu Thừa, và trong Đại Thừa, Duy Thức và Trung Quán Tự Quán Tông không thừa nhận niết bàn tự nhiên. Nó chỉ xuất hiện trong Trung Quán Cú Duyên tông, như được giải thích bởi tông Hoàng Mạo. Hơn thế nữa, Tiểu Thừa và nhiều truyền thống Đại Thừa giải thích ba loại niết bàn thành tựu một cách khác biệt. Chúng ta hãy thẩm tra vài truyền thống này.

Sự Trình Bày của Tiểu Thừa

Theo những hệ thống Tiểu Thừa, như được trình bày trong Đại Thừa, một chúng sanh đặc biệt nhận niết bàn tự nhiên. Nó chỉ xuất hiện trong Trung Quán Cú Duyên tông, như được giải thích bởi tông Hoàng Mạo. Hơn thế nữa, Tiểu Thừa và nhiều truyền thống Đại Thừa giải thích ba loại niết bàn thành tựu một cách khác biệt. Chúng ta hãy thẩm tra vài truyền thống này.

Với sự chết, một vị A La Hối hay Đức Phật đạt đến niết bàn không còn thừa - vô dư y niết bàn, khi dòng suối của sự tương tục của những uẩn nhiễm ô của vị ấy bị cắt đứt, như sự dập tắt của một ngọn đèn. Rồi thì chỉ có một sự chấm dứt thật sự tính tại (diệt đế). Hai loại niết bàn này, hữu dư y và vô dư y, cùng với nhau, được gọi là giải thoát (S: moksha, P: mokkha).



Niết bàn vô trụ xứ là thể trạng bất biến tính tại của Giác Ngộ tròn vẹn được đạt đến bởi một Đức Phật trong khi ngài đang tại thế. Bởi vì trong thể trạng này, một Đức Phật không duy trì trong cực đoan của khổ đau tiếp tục luân hồi cũng không ở trong cực đoan thụ động niết bàn vô dư y của một vị A La Hối Tiểu Thừa, cho nên được gọi là "vô trụ xứ."

Sự Trình Bày Phổ Thông của Đại Thừa

Mặc dù không có sự thống nhất hoàn toàn, theo quan điểm của Đại Thừa, chỉ những vị Thanh Văn và Độc Giác Phật đạt đến niết bàn hữu dư khi các vị đạt đến quả A La Hối trong kiếp sống của các vị ấy. Các vị ấy vẫn còn một sự sót lại của các uẩn nhiễm ô. Với sự viên tịch của các vị ấy từ kiếp sống mà các vị đã đạt đến quả A La Hối, các vị Thanh Văn và Độc Giác Phật đạt đến niết bàn vô dư y. Các vị ấy không còn những uẩn nhiễm ô; tuy nhiên, sự tương tục tinh thần của các vị ấy không dập tắt (chưa thật diệt) như sự thừa nhận của những hệ thống Tiểu Thừa. Sự tương tục của các vị ấy tiếp diễn với những uẩn vô nhiễm - nói cách khác, với thân thể thanh tịnh, an trú hầu hết trong Phật độ. Cuối cùng, họ sẽ tiếp tục đi trên con đường Bồ tát. Hai loại niết bàn được đề cập với A La Hối Tiểu Thừa vẫn được gọi là "giải thoát."

Những thuật ngữ niết bàn hữu dư y và niết bàn vô dư y không áp dụng cho những Đức Phật. Ngay lập tức với sự Giác Ngộ của các ngài, chư Phật có các uẩn vô nhiễm. Một Đức Phật chỉ đạt vô trụ xứ niết bàn, vẫn được định nghĩa như không duy trì trong cực đoan khổ đau tiếp tục luân hồi cũng không ở trong cực đoan niết bàn vô dư y của A La Hối Tiểu Thừa.

[See: Fine Points Concerning the Physical Bodies of Buddhas and Arhats.]

Sự Trình Bày của Trung Quán Cú Duyên Tông Theo Truyền Thống Hoàng Mạo

Theo truyền thống Hoàng Mạo Tây Tạng, hệ thống Cú Duyên Tông có một cung cách đặc thù của việc định nghĩa những loại niết bàn khác được thành tựu. Những gì một vị Thanh Văn hay Độc Giác Phật đạt đến vẫn gọi là "giải thoát" và những gì Đức Phật đạt đến là "vô trụ xứ niết bàn." Tuy nhiên, cả hai thứ này được phân thành niết bàn hữu dư y và niết bàn vô dư y.

Với sự quan tâm đến một A La Hối Thanh Văn hay Độc giác Phật, niết bàn vô dư y liên hệ đến những thể trạng của họ trong lúc hoàn toàn thể nhập với tánh không (thắng định, đẳng dần, tam ma hỷ da, samahita), khi không có hiện tượng có thể tìm thấy một sự tồn tại chân thật. Niết bàn hữu dư y liên hệ đến thể trạng của họ trong những thời điểm

sau đấy, khi hành thiền trên những đề mục khác hơn là tánh không, hay khi hoàn toàn không hành thiền gì cả. Bởi vì những vị A La Hôn như vậy chưa vượt thắng những chướng ngại nhận thức, [sở tri chướng], ngăn trở việc toàn giác, được gọi là những thói quen kiển cố chấp thủ vào sự tồn tại cố hữu [pháp chấp], hiện tượng làm ra một kiểu thức không thể tồn tại [cố tự tánh] trở lại trong những thời điểm như vậy. Vì vậy, Trung Quán Cú Duyên Tông đặc biệt thừa nhận, trong ý nghĩa này, là niết bàn vô dư y được đặt đến trước niết bàn hữu dư y.

Tuy nhiên, khi liên hệ đến một Đức Phật, một sự phân biệt như vậy giữa niết bàn hữu dư hay vô dư y thì không nói đến trong dạng thức hoặc là có hay không có hiện tượng làm nên một sự tồn tại chân thật có thể tìm thấy. Một Đức Phật đã chiến thắng ngay cả những thói quen bắt giác vốn đã đưa đến một hiện tượng [cố tự tánh] như vậy và luôn luôn hoàn toàn thể nhập trong tánh không ngay cả trong khi hành động. Thế nên, trong liên hệ đến những Đức Phật, niết bàn hữu dư hay vô dư y là những khía cạnh khác của thể trạng vô trụ xứ niết bàn. Niết bàn hữu dư y liên hệ đến những Thân Hình Sắc Giác Ngộ (Sắc thân * *Rupakaya*) và vô dư y niết bàn liên hệ đến Thân Tinh Thức Thâm Tâm Bao Hàm Tất Cả (Tuệ Giác Thân * *Jnana-Dharmakaya*) của một Đức Phật.

Nirvana - Nguồn:

http://www.berzinarchives.com/web/en/archives/sutra/level4_deepening_understanding_path/path/nirvana.html



CUỘC CHƠI

*Một hôm ghé đến cội này chơi
Đắm đuối rồi ra chẳng chịu rời
Trần gian sương-khổ trong trường mộng
Ngán-dài một kiếp giữa làn hơi.*

MÂY TRẮNG

*Có những chiều nhìn trời mây trắng quá
Lòng bồi hồi nhớ đến nẻo quê xa
Ở phương ấy mẹ già đang mong ngóng
Mà nơi đây ta còn mãi phiêu bồng.*

SANH TỬ

*Sanh tử sự đại
Khổ lụy bi ai
Hà nhân khả đoạn
Kế toán ai tai!*

ĐI VỀ

*Thật chẳng đi khi lòng ta vẫn ở
Thật chẳng ở khi lòng hơn hờ đi
Đi hay ở mùa lên sương khói thở
Cõi nhân gian quanh quẩn lối đi về.*

BÊN ẤY - BÊN NÀY

*Ta về bên ấy rong chơi
Nhớ thương bỏ lại trắng trời mây bay
Hôm nay trở lại bên này
Ô hay mây vẫn còn bay trắng trời.*

thơ

ĐỒNG THIÊN
Atlanta march 2014

Riêng Một Cõi Thơm

HẠNH CHI

Vừa rẽ vào đường hẻm nhỏ, chỉ một đoạn ngắn, chiếc xe Honda ngừng lại, tắt máy.

- Đây rồi.

Lữ khách ngồi sau xe bước xuống, lập lại lời người lái xe:

- Đây rồi!

Có phải đây là nơi chốn đã đến, đã biết đâu, mà sao xác nhận như đã từng!

Đây nhẹ cánh cổng sắt khép hờ, là vuông sân gạch. Những giọt mưa đêm còn đọng, như chờ khách. Cơn gió lay động dăm cánh hoa vàng nở từ hôm nào, cũng như đang nấn ná vin cành, chờ khách.

Rồi thầy thị giả bước ra. Nụ cười ấm áp của thầy khiến lòng lữ khách bớt nôn nao. Thầy khẽ nói:

- Sư phụ đã biết. Và đang ở trên lầu.

Lữ khách chấp tay xá, rồi theo thầy thị giả, bước qua gian phòng nhỏ.

Bên ngoài là hương lan, bên trong là hương sách. Thật vậy. Gian phòng nhỏ tràn đầy hương sách. Những cuốn sách nằm im trên kệ đang tỏa hương ngào ngạt. Với những cuốn sách mới, nhân gian thường nói: "Còn thơm mùi mực" để tỏ ý là sách mới lắm, mực còn chưa khô! Nhưng những cuốn sách đang nằm trên kệ kia, có lẽ không mới đến thế, và mùi thơm mà lữ khách chợt cảm nhận được cũng không phải là mùi mực. Sách mà không thơm giấy mực thì hẳn phải là hương thơm từ chữ nghĩa!

Chỉ vừa bước chậm, vừa nhìn thoáng thôi, đã tưởng như lạc vào đại hội văn học với những tác giả Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Thích Phước An, Ni sư Thích nữ Trí Hải, Phạm Công Thiện, Hạnh Viên Và trước khi rẽ vào nấc thang đầu tiên để lên lầu, mắt lữ khách đã kịp chạm vào nét nghệ thuật in ấn qua cuốn "Triết học về Tánh Không" tác giả Tuệ Sỹ. Chỉ bìa sách Tánh Không mà đã thấy "Có" thật nhiều, nơi sự trình bày trang nhã mà nghệ thuật, bay bướm mà

trang nghiêm. Bước chân trên từng bậc thang như rúc rích cười thầm vì chợt nhớ giai thoại chia sẻ của TT Thích Phước An với tác giả Triết Học Tánh Không, mà một vị Thượng Tọa khác đã tình cờ tiết lộ:

- Em đọc mãi, chẳng hiểu anh viết gì!

- Tôi viết, tôi còn chẳng hiểu, làm sao ông hiểu!

Tất nhiên, chỉ là đối thoại vui giữa hai vị thầy trong thâm tình huynh đệ.

Tuy cửa mở, lữ khách vẫn cúi đầu, dừng lại, chờ thầy thị giả vào trước.

- Đã tới ư? Vào đây!

- Bạch Sư Phụ, con vừa tới.

Bước vào giữa phòng, lữ khách quỳ xuống, cung kính đánh lễ Sư Phụ. Thầy ngồi yên, nhận tấm lòng trò. Rồi Thầy chỉ ghế đối diện. Trò vén nhẹ tà áo nâu, khẽ thưa:

- Bạch Sư Phụ, cho phép.

Cũng như lần gặp bốn năm trước, thầy nhìn trò, mỉm cười bao dung. Ôi, vẫn nụ cười và ánh mắt đầy che chở, thương yêu mà trò luôn cảm nhận được mỗi khi nghĩ nhớ đến Sư Phụ, nhất là những khi gặp trạng huống phiền não, trò gọi thầm "Sư Phụ ơi, cứu con" là như thấy Thầy hiện diện ngay!

Lại những ân sủng, tưởng như bình thường, mà thật ra rất khó được. Đó là, Thầy tự tay pha trà đãi trò. Rồi những câu chuyện, cũng tưởng như chỉ là gió thoảng mây bay, nhưng thật ra gió ấy, mây ấy, là tâm đã đạt tới Bất Sinh, mà đã không sinh thì làm chi có diệt! Chẳng hạn như:

- Sư Phụ thường về đây?

Thầy nhận ra ngay ẩn ý của đứa học trò tinh quái, muốn biết gì, bèn cười khẽ, trả lời thẳng:

- Chùa không có chỗ trú thân thì tôi ngủ gốc cây. Để thôi



mà! Về đây dăm ngày trong tuần chỉ vì không nỡ bỏ nhóm người ham học quá! Những ngày cuối tuần thì làm mây bay. Nào ai biết trước mây bay hướng nào!

Khi xưa, Lương Võ Đế từng xây dựng biết bao nhiêu chùa, tháp, nhưng không biết thời đó có ai hỏi nhà vua, vì sao Bồ Đề Đạt Ma không ở chùa, mà lại cữu niên diện bích?

Thầy đã nói quá đủ, trò nào dám hỏi hơn.

Thầy như thế. Nói ít, phải hiểu nhiều, nhưng viết nhiều lại phải đọc kỹ, đọc chậm mới nắm bắt được chủ ý.

"Không chịu tiếm tiến từng bước vững chắc, mà như những đợt nhảy của con chim hồng: nhảy bên bờ nước, nhảy đến tảng đá, nhảy trên đất cạn, nhảy trên cành cây, nhảy lên gò cao và cuối cùng, bay trong thương khung để lồng cánh làm đẹp cho bầu trời."

Có thể không mấy người biết con chim hồng như thế nào. Tôi cũng chưa biết, nhưng đọc đoạn ngắn trên đây, trích từ "Tánh Không Luận là gì?" của Thầy, tôi cảm nhận như có sự nhiệm màu nào đang nhẹ nhàng vén tấm màn vô minh cho ta thọ nhận những nét đẹp văn thường hằng quanh ta mà do vụng về, ta đã để phiền não che lấp.

Nói về những tốt cùng sâu thẳm tâm linh, về sự sống còn, thành hoại, ngay cả về những bước ngoặt bi thảm của lịch sử, mà qua lời chia sẻ của Thầy, đôi khi lại là những hình ảnh thi ca diễm lệ như:

"Sự tự thành của một cơn mưa như thác lũ khi con bướm mùa hè đã chịu khép lại đôi cánh mỏng để lắng nghe trong thâm

HẠT NƯỚC TỪ TRỜI

Tôi ngồi
Bên chén trà thiền
Nghe tâm trí vắng
uyên nguyên hiển bày
Ai là ta?
Ta là ai???
Ơ, sao bóng đó
Trái dài mênh mông

Trà Thiền
Vời chén trống không
Vời ta hiện hữu
Mây bông bênh trôi
Phải ta nhấp
Giọt lệ rơi?
Ồ không
Hạt nước từ trời
TẮNG
RIÊNG.



thơ

KIỀU MỘNG HÀ

lặng, hơi thở của cỏ nội. Chờ đợi
kiên trì và dừng lại trong sự bế
tắc của một thời chỉ còn ánh sáng
vĩnh cửu của mặt trời. Kiên trì và
dừng lại để chờ đợi trong sự bế
tắc là liều lĩnh ký thác mình cho
một cuộc chơi ngoạn mục của
thiên nhiên, là liều lĩnh đứng lại
giữa dòng thác đổ của vạn hữu.”

Đó là tư tưởng triết lý
Tánh Không được nói bằng ngôn
ngữ của Thầy Tuệ Sỹ.

Thầy tìm về cửa Đạo từ
thuở ấu thơ, đã khổ công tu tập,
học hỏi, để ngay ở tuổi niên thiếu,
Thầy đã là ngôi sao sáng trên bục
giảng các Đại Học Phật Đường,
đặc biệt là Đại Học Vạn Hạnh, vì
nơi đây, Thầy là giảng sư nòng
cốt, không chỉ phụ trách những
chương trình gay go về giáo pháp
như: Triết học Tánh Không, Trung
Quán Luân, A Tỳ Đạt Ma, Đại
Cương Thiền Quán ...v...v... mà
Thầy còn khai mở trí tuệ tăng
sinh, dẫn dắt họ tìm về triết học
Tây Phương qua các tư tưởng
Henry Miller, Jean Paul Sartre,
Platon ...v...v... Rồi từ chân trời
phương Tây, Thầy lại đem hết
kiến thức Kinh, Luật, Luận, Tam
Tạng giáo điển để dẫn tăng sinh
về phương Đông với những triết
học Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử,
Kinh Dịch, Kinh Thi; rồi văn học
Trung Hoa qua Đào Tiềm, Hàn

Dũ, Tô Đông Pha Không chán
trời nào Thầy không soi dọi, dẫn
dắt cho những ai cầu học.

Thầy như thế. Tất cả tài
năng, trí tuệ, đều mang tâm từ
mà cung hiến trọn vẹn cho Đạo,
cho Đời trên con đường Bồ Tát
xuất thế gian mà không rời thế
gian pháp.

Thầy như thế, bình dị và
đơn giản ngay giữa thế kỷ
21, thời đại văn minh tuyệt đỉnh
của nhân loại.

Thầy như thế. Luôn luôn và
mãi mãi như thế, ngay giữa
những bon chen quyền lực, lợi
danh, chẳng phải chỉ xảy ra ở đời
thường!

Thầy như thế. Luôn luôn và
mãi mãi như thế, ngay cả trong
những trạng huống bất xứng:

Trách lung do tự tạo
Tán bộ nhược nhân du
Tiểu độc thoại ảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật từ
Năm xưa, được một vị

Thượng Tọa cho xem tập thơ
Thầy viết trong tù, bằng chữ
Hán, tôi đã thức nhiều đêm để
khóc! Chính tập thơ này là động
lực khiến tôi đi tìm “ông đồ”, cầu
học dăm ba chữ, hy vọng có
ngày hiểu được phần nào ý Thầy.
Như bài thơ trên, tựa là “Trách
lung”, nghĩa là “Lồng hẹp”, tuy
ngắn mà quá cô đọng, tôi loay

hoay mãi, không thể nào dùng thể
thơ năm chữ mà diễn tả nội, đành
phải dùng thể tám chữ, vẫn chưa
dịch hết ý:

Nhà tù chật, khó giam lòng
tự tại

Khách nhàn du ta thả bộ
thong dong

Ta cười nói, mình ta nghe
thanh thản

Ngày tù dài, trôi nhẹ tựa
như không!

Thầy như thế. Luôn luôn và
mãi mãi như thế, không tình,
không cảnh nào vướng bận được
Thầy. Lý và Sự luôn thể hiện nhẹ
nhàng trên chính bản thân Thầy,
nên từ nhiều thập niên qua, hàng
Phật tử khắp năm châu đã hướng
về Thầy như một vị Bồ Tát hóa
thân, khen chẳng mừng, chê
chẳng giận, chỉ thanh thản sống vì
lợi ích chúng sanh thôi.

Có lẽ chẳng phải chờ tới lời
tán thán của Ngài Văn Thủ Sư Lợi
thì sự im lặng của Trưởng Giả Duy
Ma Cật mới trở thành Bất Nhị tối
thượng.

Không gian tĩnh lặng, hương
trà, hương sách, hương từ nét
thảo những thư pháp quanh
phòng đã thâm lặng tạo thành
Riêng Một Cõi Thơm với vị tu sỹ
quanh năm bốn mùa, Bất chỉ nhận
mỗi ngày một bữa, Y chỉ bộ nhật
bình đơn sơ, dù trên bục giảng Đại
Học hay quây gánh độc hành trên
đường thiền lý.

Một, trong những cuốn sách
cho tôi, Thầy viết bằng chữ Hán:
“Tam thế bất an do như hỏa
trạch”. Một cuốn khác, cũng bằng
chữ Hán: “Viễn ly điên đảo mộng
tướng. Cứu Cánh Niết Bàn” Rồi
một cuốn khác: “Chư nhất thiết
chúng, chư minh diệt. Báo chúng
sanh, xuất sanh từ nĩ”.

Đa tạ Sư Phụ đã nhắc nhở
con thật nhiều, chỉ qua những
giòng ký tặng sách mà cô đọng cả
bao bấy sập, bao chông gai, bao
hầm hố điên đảo thế gian, rồi nếu
may mắn tinh thức thì đâu
là cứu cánh.

Những bước chân ra khỏi
đường hẻm nhỏ, trò tự hứa phải
luôn cố gắng, sao cho hôm nay
biết sống xứng đáng hơn hôm
qua, để khỏi phụ lòng Thầy.

Khi chiếc xe Honda lao vào
dòng đời xuôi ngược, lũ khách mới
càng thấy rõ hơn, cõi riêng ấy,
thơm ngát nhường bao!

Hạnh Chi

(Quê hương, Đông chí – Quý
Tỵ niên)

CƠN SÂN HẬN

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Trong cuộc sống hằng ngày đôi khi tâm con người trở nên giận dữ, không kiềm chế được nên đã biến thành thù hận, từ đó thường xảy ra những sự xung đột, ẩu đả và có thể đi đến chỗ gây thương tích hay giết người không chút xót thương. Báo chí thường đăng quá nhiều tin tức về hậu quả xảy ra bắt nguồn từ những cơn giận dữ đủ loại.

Mới đây nhất, tháng 1 đầu năm 2014 này, tại Miami, Florida, Ông Curtis Reeves, 71 tuổi, cựu đại úy cảnh sát, đang xem phim trong rạp thì xảy ra vụ cãi vã với hai vợ chồng ông Chad Oulson, 43 tuổi, là những người ngồi ở băng ghế trước. Nguyên do: Ông Oulson bấy giờ đang dùng điện thoại di động để gửi text hoặc gọi cho trung tâm giữ trẻ để biết tin tức về đứa con gái ba tuổi ở đó. Hai bên lời qua tiếng lại. Theo biên bản lập khi bắt giữ, ông Reeves rút súng bắn ông Oulson ngay khi ông này đứng dậy, và đánh vào mặt ông này bằng một vật gì không rõ. Viên đạn trúng vào ngực ông Olson cũng trúng vào tay bà vợ ông này. Ông Reeves hiện phải trực diện với án tử chung thân nếu bị kết án về tội sát nhân.

Còn biết bao chuyện khác ở Mỹ. Tại Tacoma, Wash. vào tháng 11 năm 2013 ông già Zesbaugh 72 tuổi bị tuyên phạt tới 6 tháng trong nhà tù sau khi nhận tội là đã bạo hành và ác ý quấy rối hai phụ nữ. Nguyên do cũng là chuyện nổi giận khi lái xe trên đường, ông William nghĩ rằng người đàn bà kia đã lái xe cúp ngang đầu xe của ông khi quẹo xe vào một bên phố. Ông lái xe theo họ, nhấn còi ầm ỹ rồi chạy tới sau xe họ khi họ ngừng ở một bảng stop. Khi người đàn bà xuống xe, ông cầm cái gậy dùng để khóa tay lái xe và đánh bà ta. Một nhân viên bên phố nhay ra can thiệp chấm dứt sự dả thương này.

Tại Kennesaw, Ga. vào tháng 10 năm 2013 nàng Lashayla 22 tuổi, bị truy tố về tội tấn công và giết chết sinh viên Kim Kilgore, 21 tuổi trong một buổi sáng. Nàng dùng súng ngắn bắn nạn nhân ở bãi đậu xe. Nạn nhân được chở vào bệnh viện và sau đó đã chết. Báo chí cho biết nguyên do cũng là nổi cơn giận giữ khi lái xe mà thôi (the crime began as a road rage incident).

Tại Boise, Idaho, vào tháng 11 năm 2013, chàng Fisher 35 tuổi bị truy tố về tội sát nhân khi rút súng bắn vào đầu một chàng trẻ tuổi khác, mới 25 tuổi, lúc nạn nhân trên đường lái xe về nhà sau khi tan sở. Nguyên do chỉ vì có sự đụng nhau giữa hai xe.

Tại Texas vào năm 1998 Feldman, 55 tuổi, lái xe mô tô trên xa lộ bị xe vận tải hạng nặng 18 bánh của Everett, 36 tuổi, cúp ngang. Hắn bèn bắn vài phát súng vào sau xe vận tải. Sau đó hắn nạp thêm đạn và chạy lên ngang xe tải, bắn vào Everett giết chết người này. Hắn lại còn kiểm soát thấy đúng là tài xế xe tải đã chết hẳn mới lái xe mô tô bỏ đi về nhà. Trên đường về nhà, 45 phút sau, hắn trông thấy một chiếc xe vận tải 18 bánh khác của Velasquez, 62 tuổi, đang ngừng đỗ sẵn. Không quen biết nhưng ngứa mắt, hắn lại ghé vào trạm xăng và bắn 2 phát súng vào lưng giết người tài xế này. Một tuần sau



Feldman lại bắn Vega khi người này đang đứng bên ngoài một quán ăn. May mà Vega sống sót.

Trước tòa án Feldman khai rõ rằng hắn bắn Everett vì *nổi cơn giận* khi bị Everett cúp ngang đầu xe (a result of his *anger* at Everett for cutting him off). Sau đó hắn bắn Velasquez chỉ vì ông này đứng cạnh cái xe 18 bánh hình ảnh này khiến hắn lại nổi sân (explode again in *anger*.) Feldman bị tuyên án tử hình. An đã được thi hành (Texas executes man who killed truckers in road rage.)

Rồi đến chuyện bên Trung Quốc. Tại Beijing vào tháng 7 năm 2013 một bà mẹ để đứa con gái nhỏ 2 tuổi ngồi trên xe đẩy hàng và đứng chờ xe buýt ven đường. Li Ming lái chiếc xe hơi chở Han Lei, 39 tuổi, tới nơi và muốn đậu xe vào chỗ đó. Không được nhường chỗ nên xảy ra cãi lộn. Han Lei nhảy xuống xe, đánh người mẹ ngã xuống đất, túm lấy đứa bé trong chiếc xe, nâng lên khỏi đầu và ném đứa bé xuống đất. Em bé bị thương nặng và được chở vào bệnh viện nhưng qua đời vài ngày sau đó. Han Lei chạy trốn nhưng rồi bị bắt. Tòa xử Han Lei về tội sát nhân và tuyên án tử hình. Tòa Án Tối Cao sẽ duyệt xét lại bản án này theo luật. Li Ming lái xe cho Han chạy trốn khỏi nơi đó nên bị 5 năm tù về tội che giấu người phạm tội.

Còn tại Việt Nam thời cũng quá nhiều chuyện sân hận. Tháng 9 năm 2013 tại quận Thanh Xuân, Hà Nội, ông Phúc, sinh năm 1950 và vợ là bà Loan có mâu thuẫn cãi nhau về việc chồng vút lọ mắt tôm của vợ vào thùng rác bốc mùi khó chịu. Vợ đã nặng lời mắng chửi chồng về việc làm này. Sau khi cãi nhau với chồng, vợ vào nhà vệ sinh đánh răng, rửa mặt chuẩn bị đi ngủ. Lúc này ông Phúc quá tức giận, đã cầm một chiếc búa đinh thường xuyên để dưới gầm tủ quần áo, đập liên tiếp 4 nhát vào đầu vợ, khiến bà Loan tử vong tại chỗ.

Tại Hưng Yên, tháng 5 năm 2012 sau cuộc cãi vã, vợ và con của Thắng (sinh năm 1964) giận dỗi bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Thắng ầm ục đạp xe sang đó tìm nhưng không thấy. Chỉ có một mình ông Ứng là bố vợ. Thắng hỏi bố vợ nhưng bố vợ không trả lời. Sau vài câu nói, Thắng và bố vợ đã lời qua tiếng lại và xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Trong lúc nóng giận Thắng đã chạy xuống nhà bếp lấy con dao gọt hoa quả đâm liên tiếp vào đầu, tay, cổ và lưng ông Ứng. Do bị đâm trọng thương, mất máu nhiều nên nạn nhân đã tử vong ngay sau đó.

Ở tỉnh Lâm Đồng Đà Lạt vào tháng 10 năm 2006 nhà của Công bốc cháy thiêu rụi tất cả bên trong. Cháu Nhựt, 1 tuổi, lồm cồm bò, khóc ngất dưới nền gạch với những vết bỏng nặng nơi mặt và thân thể. Cháu được bồng ra đưa đi cấp cứu nhưng chết vì vết thương quá nặng, Nguyên nhân vụ cháy là do Thùỵ,

vợ của Công. Gần đây giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gổ cãi vã. Hôm ấy vợ chồng cãi nhau Thùy bỏ mặc con nằm khóc, sang nhà mẹ chồng chửi chồng một trận rồi về viết đơn ly dị. Công không ký bỏ đi, Thùy ở nhà với con và trong cơn sân dữ dội người mẹ đành lòng đốt nhà giết con, một cái chết thương tâm.

Năm 2012 trong một phút nông nổi, Trần Minh Công đốt nhà khiến mẹ bị chết. Chỉ vì tức giận nhất thời mà đứa con được cho là xưa nay hiếu thảo đã gây họa cho gia đình. Sau khi cân nhắc, tòa án Thành phố Đà Nẵng đã tuyên phạt Công chín năm tù về tội giết người.

Trãi, 48 tuổi, và chị A. sống chung từ năm 2004. Đến năm 2010, hai bên mâu thuẫn nên chị A. đuổi Trãi. Bực tức vì vừa mất việc và không còn chỗ ở (nhà bán, trả nợ bài bạc cho chị A.), ngày 26.5.2010 Trãi mua xăng đem đến tận vào người chị A. khi chị này đang đứng gần bếp nền xăng bắt lửa gây bỏng nặng và tử vong sau đó. Trãi cũng bị bỏng nặng hai tay. Tòa án tại Sài Gòn tuyên giảm án cho Trãi tử tử hình còn chung thân vì nguyên nhân một phần lỗi xuất phát từ những cư xử không đúng của chị A.

Sau thời gian quen biết Tây, 23 tuổi, cùng chị T. dọn về sống chung như vợ chồng tại một phòng trọ. Cuộc sống đôi khi cũng có những xích mích, nảy sinh cãi vã. Một hôm tức giận, Tây dùng tay đập mạnh làm cửa kính bị vỡ, sau đó bỏ đi ra ngoài với bạn bè cho hả cơn nóng giận. Khuya đó, Tây về phòng, những tưởng T. sẽ im lặng nhưng T. cứ lèo nhèo mãi khiến Tây lớn tiếng quát bắt im đi. Được đà, chị T. tiếp tục tuôn lời thách thức. Tức giận, Tây tát vào mặt chị T. một cái trời giáng. Bị vợ phản đòn, Tây quát ngã vợ xuống sàn nhà rồi bóp cổ đến khi vợ gục hẳn. Tòa tuyên án chung thân về tội "Giết người". Tây chống án. Tòa phúc thẩm, bác kháng cáo, và tuyên y án.

Chỉ điểm qua một số những bản tin trên chúng ta thấy khi cơn sân hận nổi lên con người dễ phạm tội. Dù là trẻ hay già, dù là nam hay nữ, dù là thân hay sơ, dù là Âu hay Á, dù Đông phương hay Tây phương... Báo chí khắp nơi đăng tải dài dài mãi thôi!

"Sân" là cơn giận, lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi đối diện với một người hay một điều kiện không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn, bất bình vì bị xúc phạm... nhân đó làm những chuyện sai trái. Sau cơn giận thời giữ lại lòng oán ghét tìm dịp mà trả thù. Hầu như ai cũng từng nổi giận, trong một thời điểm nào đó, với một mức độ nào đó.

Sân hận là biểu hiện cho năng lượng của tâm khi tham ái không được thỏa mãn. Sở dĩ sân hận sinh khởi là do lòng yêu thích "cái ta" hay thích "cái của ta". Nếu người ta mắng nhiếc, chê bai kẻ nào khác thời ta không thấy giận, nhưng nếu ai chửi bới hoặc khiển trách ta hay người thân của ta, hoặc làm tổn hại tài sản của ta lập tức ta cảm thấy khó chịu ngay. Khi khó chịu tăng dần thời sẽ trở thành nóng giận. *Sân hận là cánh cửa mở vào địa ngục vì nó dẫn đến sự hủy diệt bản ngã.*



Nhưng nên nhớ rằng trên đời này, không ai tránh khỏi bị khiển trách, bị chê bai, khó tránh khỏi miệng thể gian như Đức Phật đã từng đưa nhận xét trong Kinh Pháp Cú:

(Pháp Cú 227)
*Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời
này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:
"Làm thịnh thời sẽ có người
chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,
Dù cho nói ít cũng người chê
thôi".*

*Làm người không bị chê cười
Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần.*

Trong quá khứ, trong tương lai và trong hiện tại chưa hề có người nào bị tất cả mọi người chê bai hay được tất cả mọi người khen ngợi, đúng như lời Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 228)
*Ở đời toàn bị chê bai
Hay toàn nghe tiếng người ngoài khen ta
Từ xưa chẳng thấy xảy ra,
Tìm trong hiện tại thật là khó sao,
Tương lai cũng chẳng có nào.*

Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thời tai hại vô cùng vì lúc nóng giận thì con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và ngôn ngữ của mình. Khi sân hận phát khởi, nó có khả năng hủy hoại công đức và tâm an lạc. Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra." Và: "Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức." Đức Phật khuyên: "Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các người."

Phải tu tâm để đạt tới "vô sân". Vô sân là không nóng nảy, hết giận hờn. Chúng sinh bị qua nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thắng nổi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Điều khó nhất là diệt trừ phần nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phần nộ sẽ không bộc phát.

Trong khi đồn cây để cắt tịnh thất cho mình, thầy Tỳ kheo nọ vô tình làm tổn hại đến cái chồi non của một vị thần cây. Vị này nổi giận, muốn giết thầy nhưng kịp nghĩ suy nên kiềm chế được cơn sân hận của mình đang phát sinh. Đức Phật tán dương và dạy:

(Pháp Cú 222)
*Khi cơn giận dữ bùng ra
Ai mà ngăn được mới là người hay
Giỏi như hãm lại được ngay
Chiếc xe đang chạy chở đầy, phóng nhanh,
Nếu không thì bản thân mình
Cầm cương hờ hững tài tình gì đâu.*

Đại đức Mục Kiền Liên hỏi thăm nhiều vị Trời nhờ công đức gì mà được tái sinh vào cảnh trời. Các vị này kể ra những hành động xem ra có vẻ không quan trọng lắm như chân thật, nhẫn nại và bố thí

v.v... Khi ngài Mục Kiền Liên bạch hỏi Đức Phật vậy những hành động tuy nhỏ nhưng tốt lành có thể nào dẫn đến các cõi trời không, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 224)

*Nói lời chân thật luôn luôn,
Đẹp cơn nóng giận đối hờn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.*

Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy rằng có đại làm hại ruộng vườn thì lòng sân hận cũng làm hại loài người. Vì vậy người nào diệt hết lòng sân hận thì người đó đáng được ngưỡng vọng và khâm phục:

(Pháp Cú 357)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Lòng sân gây hại nhiều hơn cho người,
Ai lìa sân hận được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Voi là một con vật quan trọng hàng đầu trong số những thú vật được con người huấn luyện để sử dụng. Giống như voi với sức mạnh có thể bứt gốc một thân cây, quần voi quanh thân cây ấy để mang đi dễ dàng, Đức Phật dạy rằng con người cũng có thể tạo cho mình tiềm lực vật chất, nghị lực tinh thần, lòng kiên nhẫn và sức mạnh, chẳng khác một con voi thuần thực. Luyện được lòng nhẫn nhục mới là khó:

(Pháp Cú 321)

*Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cưới cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phi báng bản thân
Mới là điều luyện, muôn phần tài hơn.*

Đức Phật dạy rằng tự chế ngự được mình mới là điều rất quý và người chịu cố gắng, đủ nhẫn nại để tự huấn luyện mình thời cũng sẽ được hưởng kết quả tốt lành như người đã khéo huấn luyện các con thú vật như la, ngựa và voi. Con người thuần thực, giới đức trang nghiêm là hơn tất cả:

(Pháp Cú 322)

*Con la được huấn luyện qua
Trở nên thuần tánh, tỏ ra tốt lành,
Ngựa nòi sinh chốn sông xanh
Sau khi huấn luyện, trở thành ngựa hay,
Voi ngà to lớn quý thay
Sau khi huấn luyện voi này tuyệt luân,
Con người nếu chính bản thân
Tự mình thuần hóa được luôn chính mình
Mới là người thật tài tình!*

Đức Phật khuyên chúng sinh hãy từ bỏ cả tham lẫn sân. Ngài ví một chiếc thuyền như thể xác, như tấm thân con người do năm uẩn tạm hợp. Thân này sẽ tan rã vì vô thường, nên xét kỹ thời thấy nó quá thật trống không. Nước trong thuyền là những tư tưởng xấu cần diệt trừ. Tắt cho khô nước tức là dập tắt ngay lửa tham sân. Khi thuyền khô cạn nước thì thuyền trở nên nhẹ nhàng để mau chóng qua bờ. Thân tâm dẹp sạch tham dục và sân hận thời trở nên thanh tịnh, đó là điều kiện tốt để sớm chứng



được cảnh Niết Bàn:

(Pháp Cú 369)

*Tỳ Kheo tát nước thuyền này
Thuyền không nhẹ nhõm xuôi ngay theo dòng,
Tham và sân trừ diệt xong
Thân này cũng nhẹ thoát vòng nhiễm ô
Niết Bàn mau chóng qua bờ.*

Sân hận là tình trạng bất ổn của tâm. Đối với Phật giáo, hoàn toàn không có cái gọi là sân hận chánh đáng. Sự sân hận, dù ở mức độ nhẹ nhất cũng là bất ổn. Nó được xem như thuốc độc gây hại cho "tâm". Đức Phật kêu gọi chúng ta lấy tình thương báo đáp thay vì thù hận. Lấy oán báo oán thời oán ấy chất chồng. Lấy ân báo oán thời oán ấy mới tiêu tan. Khi sân hận có mặt thì hạnh phúc không thể hiện diện trong tâm. Nếu chúng ta muốn thế giới này bớt bạo động và trở nên nhân ái hơn thời trước hết chúng ta phải đến với người bằng lòng nhân ái, phải an hoà và trầm tĩnh. Đức Phật từng dạy:

(Pháp Cú 5)

*Khắp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xua tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.*

Khuynh hướng của con người là mong cầu hạnh phúc và loại bỏ đau khổ nên chúng ta nên tu tập để diệt trừ tâm sân hận. Đó không phải là vấn đề cá nhân mà còn là vấn đề xã hội, bởi vì nếu chúng ta muốn thay đổi xã hội, trước hết hãy thay đổi chính mình. Phật thuyết: "Vì vậy, các người phải rèn luyện chính bản thân mình". Ngài nói tiếp: "Nếu tâm bình thì ác khẩu không khởi, tâm chỉ còn niềm cảm thông trọn vẹn và cởi mở, một tấm lòng đầy từ ái, không còn chỉ phối bởi bất cứ ác nghiệp nào. Với tâm từ bi rộng lớn, sâu thẳm vô biên, ta sẽ cảm hoá những kẻ ác nghiệp thoát khỏi sân hận và oán thù".

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người nào không nổi sân, thì tâm không khổ não, tâm không tranh giành, tâm nhu hòa ngay thẳng, tâm từ bi như Phật, thường làm lợi ích yên ổn cho các chúng sinh, thân tướng trang nghiêm được chúng sinh tôn kính và vì có đức nhẫn nhục nên sẽ được mau sinh lên cõi Phạm Thiên.

Khi nói về hậu quả của sự giận dữ, tác phẩm "Hành Hạnh Bồ Tát" có ghi mấy câu:

*"Bao nhiêu công đức tốt đẹp
Tích lũy trong một ngàn kiếp
Như bố thí, cúng dường chư Phật
Tất cả đều tiêu tan trong một cơn giận dữ."*



Đức Lạt Lai Lạt Ma từng nói: “Không ai cảm thấy hạnh phúc khi tâm mình nổi cơn giận dữ. Bao lâu trong lòng chúng ta còn chứa đầy sự thù hận, thì sẽ không bao giờ có hạnh phúc lâu dài. Để đạt được sự an lạc, thanh bình và chân thực, chúng ta cần phải chế ngự tính giận dữ và phát triển tình thương với cõi lòng rộng mở.” (How To Practice The Way To A Meaningful Life.)

Ngài cũng dạy rằng: “Giận dữ và lòng sân hận chính là kẻ thù của chúng ta. Chúng là những ác tính cần phải khắc phục và loại bỏ, không chỉ nhất thời, mà phải thường xuyên liên tục trong suốt cả cuộc đời của chúng ta.”

Có truyện kể rằng: Một hôm, một vị samurai đến thu nợ của người đánh cá. Người này nói: “Tôi xin lỗi, nhưng năm vừa qua thật tệ, tôi không có đồng nào để trả Ngài.” Vị samurai nổi nóng, rút kiếm ra định giết người đánh cá. Nhanh trí, người này nói: “Tôi cũng đã học võ và sư phụ tôi khuyên không nên đánh nhau khi đang tức giận.” Vị samurai nhìn người đánh cá một lúc, sau đó từ từ hạ kiếm xuống. “Sư phụ của người rất khôn ngoan. Sư phụ của ta cũng dạy như vậy. Đôi khi ta không kiểm soát được nổi giận dữ của mình. Ta sẽ cho người thêm một năm để trả nợ và lúc đó chỉ thiếu một xu thôi chắc chắn ta sẽ giết người.”

Vị samurai trở về nhà khá muộn. Ông nhẹ nhàng đi vào nhà vì không muốn đánh thức vợ, nhưng rất bất ngờ khi thấy vợ mình và một kẻ lạ mặt mặc quần áo samurai đang ngủ trên giường. Nổi điên lên vì ghen và giận dữ, ông nâng kiếm định giết cả hai, nhưng đột nhiên lời của người đánh cá vang vọng bên tai: “Đừng hành động khi đang giận dữ.” Vị samurai ngừng lại, thở sâu, sau đó cố tình gây ra tiếng động lớn. Vợ ông thức dậy ngay lập tức, kẻ lạ mặt cũng vậy, hoá ra đó chính là mẹ ông. Ông gào lên: “Sao lạ vậy. Suýt nữa con đã giết cả hai người rồi!” Vợ ông giải thích: “Vì sợ kẻ trộm lên vào nhà nên thiếp đã cho mẹ mặc quần áo của chàng để dọa chúng.”

Một năm sau, người đánh cá gặp lại vị samurai và phấn khởi nói: “Năm vừa qua thật tuyệt vời, tôi đến để trả nợ cho Ngài đây, có cả tiền lãi nữa”. Vị samurai trả lời: “Hãy cầm lấy tiền của người đi. Người đã trả nợ cho ta rồi!”

Nguyên cho tất cả chúng sinh nhỏ bé hết mọi tội lỗi sân hận và oán thù để trở thành hiện thân của tình thương bao la, trí tuệ và bi mẫn trong một cuộc sống đầy an lạc!

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(Tháng 1- 2014)

TÔI LÀ AI?

*Tôi sinh ra miền Trung đất ẩm,
Có biển xanh nước mặn cát vàng,
Nước ngọt dừa xiêm thanh âm giọng,
Đôi cát rạch đôi một con đường.*

*Lớn lên tôi cắp sách đến trường,
Mơ ước áo dài, tôi mến thương,
Tà áo gió đưa bay nhẹ nhẹ,
Học vắn tiếng Mẹ biết văn chương.*

*Vận nước nổi trôi vừa chín tuổi,
Bao nhiêu dân Việt lặng lẽ rời,
Tự do cố tìm nơi đất khách,
Riêng tôi ở lại ba năm trời.*

*Thương Ông Bà nội tuổi già nua,
Không nỡ để Người ở lại nhà,
Chấp nhận đắng cay chế độ mới,
Mất của phải đi kinh tế xa.*

*Bà tôi thương đàn cháu nội đại,
Bảo Ba tôi cần phải vượt biên,
Vì tương lai, sự nghiệp con cháu,
Đứng nhìn, gạt lệ trước hàng hiên...*

*Đưa vợ con xuống thuyền nho nhỏ,
Rời xa đất Mẹ quá thân thương,
Con thuyền lênh đênh trên sóng nước,
Mười ngày đói khát, lắm đoạn trường...*

*Cuộc sống khó khăn trại tỵ nạn,
Một thời gian, rồi được tự do,
Tiếng Anh được học nơi xứ Mỹ,
Nên bị Mỹ con nó cười cho...*

*Dần dần năm tháng đã trôi qua,
Đông tàn xuân đến kết đầy hoa,
Hạ về nóng bức, người mệt mỏi,
Thu về gió mát thổi đậm đà.*

*Thời gian cũng theo làn số tuổi,
Có tâm học hỏi cho tương lai,
Cũng là Bà nội hằng mong ước,
Kéo lê học đường năm tháng dài...*

*Giờ thì bấm lại đốt ngón tay,
Tóc đã điểm sương đầu có hay,
Tiếng Việt không rành nên khó viết,
Anh vẫn không giỏi tính sao đây???*

*Thấy mình lạc lõng ở nơi này,
Đời là vậy đó, nói sao đây?
Lần bước theo đường tu và niệm,
Để đời bớt khổ với tháng ngày.*

thơ

**QUẢNG KHÁNH
TRẦN MỸ XUÂN**

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BẮP CẢI CUỐN NHÂN CHAY SỐT CÀ

Vật liệu để làm nhân:

1 miếng đậu hũ cứng hay 4 miếng đậu ép 2 hrs cho ráo nước (khoảng 1 pound)
1 chén ham nhão chay hay (1 khúc ham chay xay nhuyễn)
1/2 cuốn bún tàu khô ngâm nước 5 phút, (cắt khúc)
4 tai nấm đông cô ngâm nước thái mỏng
4 tai nấm mèo ngâm nước thái mỏng
2 teaspoon bột khoai tây (potato starch) hay bột mì căn
1 teaspoon bột nêm chay
1/2 teaspoon tiêu
1 chút muối
1 chút đường (option)
3 củ hành hương băm nhuyễn (option)

Cách làm:

Quết tàu hũ nhuyễn, trộn chung hỗn hợp nhau cho đều, bỏ một chút vô microwave 30 second, nếm thử cho vừa ăn là được.

Vật liệu làm bắp cải cuốn nhân sốt cà:

1 cái bắp cải
1 teaspoon bột nêm
1/2 cup nước soup chay
1 củ hành nhỏ
1 lon tomato crush
1 chút đường

Nhân đậu hũ giống như công thức trên.

Cái bắp cải rửa sạch bên ngoài cho vào microwave 2 phút cho lá cải mềm, đem ra gỡ từng lá cải, gọt bỏ trên sóng lá, tới khi thấy lá cải dòn thì cho lại microwave lần nữa, gỡ vài lá đủ cho cuốn nhân. Xếp lá cải trên thớt cho nhân vào gói lại hình vuông như bánh xù xê, sắp vào đĩa bàn, hấp microwave 5 phút. Bắc chảo cho củ hành thái cubic, xào thơm cho tomato crush, bột nêm chay, nước soup chay, đường, rồi xếp bắp cải đã hấp trong microwave vào, vặn lửa nhỏ, chờ khi nào nước sốt hơi đặc là được.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Những Bông Hoa Mùa Hạ

LAM KHÊ

Bình thức giấc, ngạc nhiên thấy mình nằm ngủ trong nhà thẳng Phi. Chưa kịp nghĩ gì thì mùi thức ăn xộc thẳng vào mũi làm nó nghe dạ dày nhói lên quặn thắt. Hẳn đã nhiều ngày rồi, Bình chưa có chút gì vào bụng.

Chiều hôm đó vừa nhìn thấy Bình tới nhà với vẻ mặt hốt hải, thẳng Phi hỏi ngay:

- Bị bố đánh hả?

- Ủ! Bố Bình đang giận ghê lắm. Bạn cho mình ở nhờ vài hôm, đợi đầu tuần bố đi làm... chứ bây giờ về nhà là nhừ đòn.

- Lại tụ tập đánh lộn nữa chứ gì?

Bình im lặng. Thằng Phi thôi không hỏi nữa mà cầm tay nó kéo xuống nhà dưới:

- Bình đi tắm, rồi lấy đồ Phi mà thay ? Chốc nữa chúng mình cùng ăn cơm.

Giong Bình lí nhí:

- Cảm ơn Phi...

Phi và Bình chơi thân từ thuở còn đi học nhà trẻ. Lớn lên vì khác trường, tính cách cũng khác biệt nên không còn qua lại thân thiết, chỉ thỉnh thoảng có việc gì Bình mới tới tìm Phi. Dù chẳng mấy thích song cả nhà Phi ai cũng niềm nở tử tế khiến Bình luôn cảm thấy thoải mái mỗi lần đến nhà bạn.

Sáng hôm sau, thằng Phi đi mua hai tô phở về rồi nói:

- Hôm nay chủ nhật, Phi đi học giáo lý ở chùa. Buổi chiều còn tham dự trại hè. Sở bạn ở nhà một mình buồn nên Phi...

- Bạn cứ đi. Bình sẽ đi chơi với tụi trên xóm chợ.

- Đi chơi... không khéo lại sanh chuyện. Hay là chúng mình cùng đi chùa. Phi sẽ giới thiệu Bình với anh Phước, là huynh trưởng gia đình Phật tử. Anh Phước còn là người tổ chức trại hè cho thanh thiếu niên trong xã mình. Anh tử tế và dễ thương lắm. Bình mà gặp anh một lần...

Bình xua tay, nói nhanh:

- Thôi đi. Bình không thích đi chùa và cả cái trại hè trại hiệp gì đó nữa.

Phi nhỏ nhẹ phân tích:

- Thì đi cho biết. Đầu có mất mát gì. Ở đó có những bạn đồng trang lứa như bọn mình. Chúng ta

học được nhiều điều hay, tham gia các trò chơi vui lại bổ ích.

Bình nhăn mặt:

- Không. Bình không cảm thấy hứng thú với những nơi đó. Học giáo lý, tham gia trại hè làm quái gì chứ. Đi chơi, chẳng là vui hơn sao?

Phi mím môi, nghiêm giọng:

- Phải rồi! Đi chơi quậy phá là niềm vui, là sở thích của bạn mà. Nhưng cứ ngهنgh ngang nào động ngoài đường mãi thì được gì nào. Chơi với người hay bạn tốt không muốn, lại đi với những đứa suốt ngày chỉ làm những việc can quấy phá làng phá xóm...

Chưa nghe hết câu, Bình đã giận dữ đứng lên:

- Này! Bạn đừng có mà lên cái giọng dạy đời mình như thế. Không thích thì Bình đi đây.

Suốt cả buổi sáng, Bình tha thần ngoài bìa rừng chỉ để hái hoa bắt bướm. Cây cỏ xanh mướt chỉ sau vài cơn mưa đầu hạ và lũ bướm vàng không biết từ đâu cứ chập chờn bay lượn qua lại. Bình chơi trò đuổi bắt bướm như hồi nhỏ nó và thằng Phi vẫn làm thế. Chạy đuổi một lúc, Bình không còn thấy hứng thú nữa. Người ta đâu thể chơi mãi một mình. Không biết làm gì nó lại lang thang dọc con suối ngắm cảnh rồi hái hoa. Nâng lên cao, Bình cũng thẩm mệ. Nó nằm dài xuống đám cỏ, cầm bó hoa lên ngắm nghía rồi lẩm bẩm:- Hái về chẳng biết để làm gì. Hoa thì không thể ăn được trong lúc bụng mình thì đói meo. Sáng nay chưa kịp ăn tô phở. Hay là... mình sẽ mang bó hoa này về tặng cho thằng Phi coi như xí xóa chuyện lúc sáng. Ủ! Được lắm chứ. Bình thấy vui với ý tưởng được tặng hoa cho ai đó. Nó mím cười, đặt bó hoa bên cạnh rồi nhắm mắt thiêu thiêu ngủ.

Tiếng la hét cười đùa của đám trẻ con kéo tới tấp suối làm Bình tỉnh hẳn cơn buồn ngủ. Bình ngồi bật dậy định lớn tiếng bảo chúng coi chừng dòng nước xoáy, song nó chặc lưỡi:

- Chúng biết rõ con nước còn hơn mình mà. Đói bụng quá



rồi. Phải về nhà thôi. Bình cầm lấy bó hoa. Chợt nó nghe tiếng la thất thanh. Hình như có đứa hựt chân thì phải...

Bằng cách nào đó, Bình đã cứu hai đứa bé thoát ra dòng nước chảy xiết. Khi đưa được chúng lên bờ, Bình cũng đuối sức nằm vật xuống đất. Dường như nó nghe loảng thoảng tiếng ai đó gọi tên mình. Có nhiều bước chân người chạy tới. Chốc lát, nó lại thấy mình bỗng bồng bênh bay theo đám mây xanh trắng trên bầu trời.

... - A! Bình tỉnh dậy rồi! - Thằng Phi từ nhà trong bước ra với ly sữa và tô cháo nóng hổi - Bạn đói lắm phải không. Mẹ Phi vừa nấu cháo thịt cho bạn đây. Ngon lắm?

Bình chống hai tay ngồi dậy, nói nhỏ:

- Đói và khát nước nữa. Hình như mấy ngày rồi Bình chưa có gì vào bụng. Ua! Mà sao Bình lại nằm đây vậy. Chẳng phải là...

- Bình uống sữa, ăn cháo rồi Phi sẽ kể lại mọi chuyện. Chiều qua, thấy Bình nằm bất động, Phi cứ tưởng... là bạn không còn thở nữa đây.

Bình húp từng ngụm sữa, nó cũng cảm thấy mình vừa từ cõi chết trở về:

- Phi có đi qua con suối đó sao?

- Ủ! Phi đi dự trại hè bên kia suối. Lúc theo mấy anh chị trở về ngang qua nghe đám nhỏ la có đứa hựt chân sắp chết đuối. Mình chạy tới thì thấy bạn vừa đưa hai đứa nhỏ lên bờ. Rồi Bình bị ngất. Mấy anh chị vội đưa bạn đến ngay trạm xá. Chú y sĩ chích cho mấy mũi thuốc khỏe và bảo bạn ngất vì kiệt sức chứ không hề gì. Bố mẹ bạn đi lên tỉnh hỏi trư qua. Nhà không còn ai, nên Phi đưa về đây.

Thấy Bình làm thỉnh không nói gì, Phi lo lắng hỏi:

- Bình thấy trong người thế nào. Chuyện này... một phần cũng do lỗi của Phi. Nếu sáng qua Phi biết cách xử sự... Nếu như Bình có mệnh hệ gì... thì chắc Phi...

Bình bật cười ngắt lời bạn:-
Không sao đâu. Bình khỏe rồi.
Phải nói là... nếu Bình biết nghe
lời bạn đâu đến nỗi. Nhưng thôi.
Cuối cùng thì Bình đã cứu được
hai đứa bé. Phi biết Bình là tay
bơi cừ khôi mà, chỉ tại lúc ấy Bình
đói và mệt quá. Khi lên được bờ
thì cứ như người sắp chết, không
còn biết gì nữa. A! Còn hai đứa
nhỏ thế nào rồi...

- Chúng ổn rồi. Nhưng bạn
trở thành người nổi tiếng rồi đấy,
tay bơi cừ khôi ạ.

Bình ngạc nhiên:

Nổi tiếng? Là sao?

Phi vừa định nói thì chợt
nhìn ra cửa reo lên:

- A! Anh Phước tới thăm
Bình kia.

Anh Phước bước vào với
một bị đầy cam quýt cùng nụ cười
thân tình cởi mở:

- Chào cậu bé. Em khỏe rồi
chứ.

Bình ấp úng đáp nhỏ:

- Dạ... em khỏe. Cảm ơn
anh.

- Đây là ít trái cây của mấy
cô bác ở xóm dưới gửi cho Bình.
Mọi người hỏi thăm em mãi.

Bình khẽ kêu lên:

- Ôi! Em không dám nhận
đâu.

Phi nói:

- Chỉ là ít trái cây thôi. Bạn
ngại gì chứ. Tôi qua, rất nhiều
người tụ tập tại nhà mình trong
đó có ba mẹ của hai đứa bé. Họ
cảm ơn và hết lời khen ngợi bạn.
Bác Tổ trưởng còn nói Cái thằng
quậy trời sọ này mà cũng có lúc
được việc. Nó quả cảm như một
chàng thanh niên mạnh khỏe...

Bình phì cười:

- Quả cảm nỗi gì. Chẳng
qua mình biết bơi, thấy người sắp
chết đuối thì phải nhảy xuống cứu
thôi.

- Em cứu người ngay trong
giòng nước chảy xiết, bọn anh
còn cảm phục nữa đây.

Bình lắc đầu:

- Tại anh không biết chứ
em là đứa nổi tiếng quậy phá, cả
xóm ai cũng biết. Một đứa ngang
tàng bướng bỉnh như vậy thì có
nhảy vào lửa dữ hay nước lớn
cũng không biết sợ là gì..

Anh Phước cười lớn:

- Ô! Một lập luận đầy khi
phách. Bình biết nghĩ vậy cũng
tốt. Và em cũng nên hiểu rằng,
mình cứu người thì người phải
cảm nghĩa tri ơn. Chẳng ai để
bụng về những trò nghịch phá
của em trước kia đâu. Thiếu niên
mà. Dù có quậy động đôi chút,
nhưng biết sống vì người khác là
tốt rồi.

Bình cúi mặt nói sang

CÂY

*Cây đứng lặng bên bờ sông hiu quạnh
Lá trên cành rơi rụng bởi sâu Đông
Ở phương xa ai có thấu cho lòng!
Cây sầu nào, cây chờ trông hoa nở!*

*Rồi một hôm cây trở mình hơn hờ
Nắng Xuân về cây trở lá, đơm bông
Hoa thắm tươi, hoa rực rỡ màu hồng
Dem sức sống, niềm vui và hy vọng.*

thơ

DIỆU ĐỨC



chuyện khác:

- Phi có rủ em tham gia
trại hè nhưng em chưa từng tới
đó. Phi cũng hay kể về các buổi
sinh hoạt, về mấy anh chị và các
bạn nhỏ. Em biết anh là sinh
viên học ở xa, đến kỳ nghỉ hè thì
về đây tham gia những việc công
ích giúp đỡ nhiều người. Anh còn
là huynh trưởng gia đình Phật tử,
tổ chức hội trại hè...

- Chà! Bình biết rõ về anh
quá nhiều đấy. Hội Trại hè là do
quý thầy tổ chức còn anh chỉ phụ
trợ đôi chút thôi. Hội trại mở ra
là để giúp thanh thiếu niên học
sinh trong thôn bản mình có nơi
hợp mắt sinh hoạt vui chơi trong
mùa hè. Có thể... một ngày đẹp
trời nào đó, mời em ghé qua
tham quan trại hè một lần cho
biết.

Bình nhoen miệng cười:

- Hôm qua em có nghe
tiếng ca hát bên kia suối, biết là
trại hè, em cũng muốn qua coi
mà ngại.

Rồi Bình quay qua Phi nói
nhỏ:- Sáng hôm đó Bình đi lang
thang bên bờ suối hái được một
bó hoa thật lớn định chiều mang
về tặng cho Phi. Nhưng rồi gặp
sự cố, đành lỡ mất. Chiều nay...
Bình sẽ hái một bó hoa khác
mang sang trại hè tặng cho mấy
anh chị và các bạn.

Phi vỗ tay reo lên:

- A! Hay quá. Bạn đến trại
hè với bó hoa như thế thật có ý
nghĩa.

Anh Phước hóm hỉnh tiếp
lời:

- Em là chú bé quả cảm và
cũng thật tình cảm. Chiều nay
mấy anh chị và các bạn sẽ tổ chức
một cuộc liên hoan nhỏ để đón
tiếp người bạn mới ghé chơi.

Bình đỏ mặt bối rối:

- Ôi! Nếu...vậy thì em không
tới đâu.

Phi vội nói:

- Thôi thì vậy. Chiều nay Phi
và Bình cùng đi hái hoa, rồi mang
đến trại hè. Bình chịu chứ.

Bình gật đầu:

- U! Nhưng mà...

- Rồi Bình sẽ nhanh chóng
làm quen với không khí trại hè,
không chừng bạn sẽ yêu thích nữa
là khác.

Anh Phước gật đầu nói nhỏ:

- Tâm tính con người ta
cũng như hoa vậy. Biết tùy lúc tùy
thời mà nở rộ. Anh nghĩ sự hiện
diện của Bình cùng những bông
hoa của em sẽ mang lại niềm vui
và sinh khí cho các bạn nhỏ trong
trại hè. Mỗi người là một bông
hoa. Bình chính là một bông hoa
mới vừa được gieo mầm trong khu
vườn đạo lý. Những bông hoa
mùa hạ rồi đây sẽ cùng tỏa hương
khoe sắc.

Nghe anh Phước nói, Bình
mỉm cười quay nhìn ra khung cửa
sổ. Nó thấy nhẹ lòng và thanh
thản nên quên cả tô cháo đang
ngồi dần. Ngoài sân... những
bông hoa mùa hạ cũng đỏ rực lên
như màu lửa./.

Lam Khê

Mùa Mới

BIỆN THỊ THANH LIÊM

Tháng 3. Xuân đang về trên thành phố có hoa vàng và thung lũng. San Jose và dãy núi thấp phía xa bao bọc... mơ hồ như những thành lũy nào đó trong các chuyện cổ tích ngày xưa với quanh quất những đền đài. Thành phố biển Santa Cruz hay phố núi Los Gatos đẹp lạ lùng trong những ngày thời tiết sang mùa. Biển xanh cát mịn khi hết đông vẫn là nơi chốn yên bình cho người ta hay tìm về chật kín lối freeway 17 South tới sang mùa hạ đỏ.

Núi thấp. Những ngọn đồi dốc ngược với muôn ngàn lá phong khắp khối trong gió xuân. Và mặt trời sau chân mây vẫn là điều có thật... Thung lũng với những cánh hoa vàng nhạt mỏng manh đã bắt đầu rải khắp trên những thảm cỏ nằm cách xa thành phố. Khi mặt trời lên, hoa đón ánh nắng nở tròn năm cánh như nụ sen bùng nở mặt trên mặt hồ tĩnh mượt cỏ non. Đến khi chiều xuống... trước khi mặt trời vội vã ra đi thì hoa cũng từ tốn khép lại, già từ. Cứ thế... cuộc tồn sinh của hoa chỉ vì cô đại. Cô mướt xa.. thì có phần hoa

vẫn vương để nở nụ vàng. Và như vậy, thung lũng sẽ bớt cô đơn.

Trong đời sống nếu như con người biết lắng nghe tâm thức mình ngược xuôi cuộn chảy thì cũng lúc thế giới quanh mình sẽ an ổn hơn chẳng. Cuộc trở về tìm lại chính mình sẽ thú vị hơn là săn đuổi mình qua những thuận duyên hay nghịch cảnh.

Buông lỏng cái gút thắt từ những phiền trước khổ đau cũng chính là lúc cảm nghiệm sâu xa nhất những phiêu bổng thư thả. Như mặt trời vẫn rất thật sau chân mây. Như thung lũng với hoa vàng, lá phong trên dốc ngược và cỏ đại ẩn náu cánh đồng xa. Bất cứ sự trở về nào cũng thâm sâu trong tịch lặng. Tiếng thét của loài sư tử hồng chỉ rền vang khi sang đêm chuyển hoá những hôn trầm. Ngọn đèn chỉ bật sáng trong đêm, khi bầu trời thuần khiết thì khoáng khắc hồn nhiên ấy hoa vàng nở rộ và thung lũng ngát hương. Mùa mới cũng bắt đầu.

Khi tâm thức tĩnh giác đã

bùng vỡ trong cõi vô-cùng thì mùa xuân không, là khởi đầu vì hoa đã nở và cùng khắp ngát hương. Ánh trắng thanh thang và Phật là bạn lữ. Ánh sáng đã đẩy lui những nỗi sợ hãi cùng niềm ao ước thiên đường. Ôi, cuộc sống bình dị như hoa vàng trong cỏ đại. Mùi hương không từ hoa hay cỏ mà mùi hương bát ngát hư không.

* Tháng 3. Công Giáo có Mùa Chay là hình thức của sự Trở Về. Như một cuộc dừng lại nhìn ngắm chính mình mừng đón Phục Sinh với niềm thống hối ăn năn. Bộ Cựu Ước của Thánh Kinh Kitô Giáo, ánh sáng đã tỏa hồng trong "Vanitas, vanitas. Omnia vanitas vanitatum!" (*) *Phù vân! phù vân. Mọi sự đều là phù vân!* Lễ Tro với nghi thức xức tro lên trán từ hình đốt các Thánh nhắc nhở về thân phận con người chỉ là hóa thân từ cát bụi rồi sẽ trở về... bụi tro nên phải rửa mình để được ơn từ đáng Cứu Chuộc.

Con Phật thì tứ thời đều là mùa thức liêm thân tâm, sáu tên giác: nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý luôn nao động mà Di Lặc vẫn mỉm cười! Tự tại và ung dung. Khi tâm ý như cánh hoa nở bùng trong nắng sớm... thì Phật tánh hiển lộ. Không còn sáu cửa để vượt qua... nói chi đến cứu cánh niết bàn?

Mọi mùa đều mới. Phật đản sinh trong từng sát na, lễ Tắm Phật tái hiện trong từng ngày. Đó là cuộc hóa thân của loài bướm, sự lột xác tận cùng của tư tưởng trong một dẫn thân mới. Vượt khỏi những đảo điên mộng tưởng với tâm vô úy cũng là lúc đạt tới cứu cánh dứt cả niệm "niết bàn."

Sự cứu chuộc không đợi trông vào mai hậu. Một tâm thức tĩnh giác tối thượng trong cuộc trực nghiệm khám phá tự thân không nương tựa bởi thần quyền hay ẩn sung, cũng không cần phải dựa dẫm vào bất kỳ "điều kiện" nào để chờ ơn cứu chuộc. Sự ngưỡng mong vào điều kiện sẽ khiến hành giả chỉ là con buôn ngồi đếm bạc để kiếm cách thương lượng với khách hàng.

Tánh hồn nhiên sẽ mất.

Tức thời. Hồn nhiên. và Phật. Tự thưở nào. Đã là.

tháng 3. San Jose

* Sách Giảng Viên (Ecclesiastes)



Thắp Hương Lạy Phật

(Nhạc: Trịnh Gia Mỹ)

Valse Lent

Thắp lên ba nén hương đây. Hương giới hương
định với này lúc hương. Thấy ru trong cõi vô thường, nên mọi trời
đất vẫn thường tại đây. Thắp lên ba nén hương này, cái Tâm là
cái thân này, nên hương Chắp tay là đóa hoa
sen. Như Tâm không nhiễm, trắng đen bụi trần. Cúi xuống, buông hết vọng,
chân. Trời cùng đất với tám thân khác gì! Cúi xuống, xả hết so
nhi, Là ta chính Phật, Phật thì chính ta. Đều đều tiếng gõ
vang. Nhịp dòng kinh vi diệu. Đánh thức người chiêm bao. Vượt mê lìm bẩn
giác. lềm lềm từng nhịp nhỏ. Tay chắp hoa trăm
Rumba...

hương. Thanh tịnh đây cõi Phật. Tự hóa độ mười phương. Lắng lòng theo tiếng chuông

Copyright : Trịnh Gia Mỹ 2012

HÀNH TRÌNH CỦA TÌNH YÊU

thơ

*Có khoảng cách nào giữa em và anh?
giữa quá khứ và hiện tại?
với nỗi lòng là chiếc bình vàng cất giấu bao điều bí mật
em đã tìm thấy gì trong khoảng cách đôi ta?*

*Khi đã có chung một dòng tâm cảm
gợi về miền quá khứ chưa hẳn đã tàn phai
Em vẫn đợi chờ anh như đợi gió xô từng con sóng
Nhưng sóng vỗ bờ rồi sóng lại ra khơi*

*Em lại tìm anh trên con đường dài vô tận
tưởng không có điểm dừng
Nếu không có những đụn cát khuất lấp bao điều bí mật
em sẽ như người khách bộ hành giữa sa mạc bao la*

*Chẳng có gì quan trọng trong em lúc này bằng bí mật giữa đôi ta
Bởi có những điều không phải bao giờ em – anh đã hiểu
Gió thổi – đôi khi cũng tạo thành lốc xoáy
Biển êm đềm cũng có lúc sóng thần lên*

*Em – anh, mỗi người giữ nửa chiếc chìa khóa của hai bờ bí mật
Để sinh ra những người thợ mỏ bỏ mình trên hành trình tìm kiếm kho vàng
Tự do yêu, tự do ý thức
Em tìm anh trong từng khoảnh khắc của cuộc đời*

*Và em cũng tìm thơ
Như người thủy thủ dẫu không tự trang bị đủ cho mình kiến thức
Vẫn muốn giong buồm ra khơi
Trên chuyến hành trình của Tự do
hành trang chỉ với hai tiếng:
yêu thương!*

NGUYỄN HẬU





ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Điện thoại di động đã trở thành một phương tiện cần thiết cho con người trong mọi xã hội năng động, di chuyển hiện nay. Nó được sử dụng trong nhiều liên lạc, từ dịch vụ thương mại, giao tế nhân sự, tới hẹn hò yêu đương hoặc băng đảng tội lỗi. Với điện thoại di động, ta có thể nói chuyện được với khắp nơi trên trái đất, từ chốn thâm sơn cùng cốc tới vùng biển cả xa xôi, miễn nơi đó có máy.

Cho tới nay, theo ước lượng, có khoảng gần 700 triệu người dùng điện thoại di động trên thế giới, và con số có thể tăng lên đến một tỷ rưỡi vào năm 2005. Ở Mỹ, cứ 10 người, có 4 người sử dụng điện thoại di động, và vào năm 2000, đã có trên 100 triệu người sử dụng, so với 5 triệu vào năm 1990. Theo ước đoán của David Pearce, Chủ biên tạp chí The Futurist, chỉ mười mười lăm năm nữa, 80% dân chúng Mỹ sẽ có cell phone và họ chỉ dùng điện thoại không dây này mà thôi. Có người còn hài hước nghĩ, với đà này, trong tương lai khi sanh ra, mỗi đứa bé sẽ được cho một số điện thoại, như số thẻ căn cước, thay cho Số An sinh Xã hội.

Cell phone phổ biến, công dụng như vậy, song vài năm gần đây giới tiêu thụ đã trở nên rất bối rối vì những tin tức khác nhau về sự **có** hoặc **không** nguy hại của máy. Đã có nhiều kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng xấu cho sức khỏe do phóng xạ của điện thoại di động. Nhưng giới tiêu thụ, vì nhu cầu, vẫn dùng mặc dù cho tới nay chưa có giải đáp dứt khoát nào về vấn đề này.

Điện thoại di động

Điện thoại di động mà ta còn gọi là cell phone, điện thoại cầm tay handies hoặc cellular phone, là loại điện thoại có gắn antenne trong máy, với bộ phận phát điện và thu phát tín hiệu. Máy phát ra một lượng rất nhỏ vì ba phóng xạ. Khi nói, toàn bộ máy được áp sát vào tai.

Khái niệm về cell phone đã manh nha từ thập niên 1950. Tới năm 1977 thì công ty AT&T làm ra một cell phone mẫu Năm 1979, máy được bán ở Nhật. Năm 1981, công ty Motorola Hoa Kỳ cho ra một loại cell phone tối tân hơn. Hiện nay cell phone được trang bị dưới dạng digital. Chỉ mới hơn ba chục năm mà cell phone đã có một thị trường vững vàng trên khắp thế giới. Nhưng bảo tố cũng bắt đầu đến với cell phone.

Sóng gió trên cell phone

Câu chuyện bắt đầu với một chương trình của đài BBC Luân Đôn, cách đây mấy năm, công bố kết quả nghiên cứu của bác sĩ Lennart Hardel bên Thụy Điển: một bệnh nhân bị ung thư não, về phía đầu mà người này thường xuyên áp điện thoại di động để nói và nghe. Vị bác sĩ này cho hay rằng điện thoại di động có tác dụng không tốt tới sức khỏe con người và vẫn đề cần được làm sáng tỏ bằng các nghiên cứu khoa học khách quan. Trong khi chờ đợi kết quả, ông ta đề nghị mọi người nên giới hạn sự tiếp cận với nguồn phóng xạ từ điện thoại di động. Trong chương trình này, kết quả một nghiên cứu tương tự ở Mỹ về liên

hệ giữa phóng xạ từ điện thoại di động với tổn thương của nhiễm thể tế bào cũng được đài công bố.

Bác sĩ Goerge Carlo, trước đó hợp tác với American Cellular Industry, quả quyết rằng, kỹ nghệ cell phone hiện đang ở vào tình trạng báo động và không còn là lúc đưa ra những lời tuyên bố lững lờ, nước đôi về sự an toàn của cell phone.

Tháng 5 năm 1999, bác sĩ Mild công bố kết quả một nghiên cứu từ Thụy Điển cho hay sử dụng điện thoại di động đưa đến nhiều triệu chứng như nhức đầu, mệt mỏi, chóng mặt, mất trí nhớ, nóng bỏng trên da và lắng nghe khó khăn. Theo ông ta, người dùng cell phone 30 phút mỗi ngày thì hay than phiền là mau quên nhiều gấp đôi so với người chỉ dùng dưới hai phút; người dùng ba bốn lần trong ngày thì bị nhức đầu gấp ba người chỉ dùng hai lần trong ngày. Điều cần ghi nhớ là thiếu niên bị các triệu chứng trên nhiều hơn người lớn.

Trước đó, vào tháng 5 năm 1998, các nghiên cứu tại Thụy Điển, Na Uy và công ty điện thoại Scandinavian cũng đưa ra các nhận xét tương tự.

Nhiều người nghe điện thoại tự động áp vào tai than phiền trên da nổi lên một vết đỏ, đau, cứng có bề lồi bằng chiếc điện thoại mà họ đang dùng. Công ty sản xuất Microshield kể trường hợp một người máng điện thoại vào hông và bị ung thư cột sống lưng, ngay chỗ mang điện thoại.

Những giải thích

Theo viện Ung Thư Hoa Kỳ, các đồ điện trong nhà như T.V, microwave oven, chần và nệm điện, máy sấy tóc, quạt trần, đồng hồ điện báo thức cũng phát ra từ trường điện tương tự như cell phone.

Theo giải thích của World Health Organisation, thì các phóng xạ từ cell phone rất nhỏ, khoảng 0.2-0.6 watt, thuộc loại không gây ra xáo trộn cho tế bào con người như quang tuyến X. Phóng xạ này tan biến trong không gian, tùy theo khoảng cách giữa máy và cơ thể. Cũng theo WHO, phóng xạ này khi xâm nhập cơ thể, sẽ tạo ra một sức nóng rất nhẹ mà cơ chế điều hòa thân nhiệt có thể hóa giải dễ dàng. WHO cũng nhận rằng có nhiều nghiên cứu nói phóng xạ của cell phone làm thay đổi sinh hoạt điện năng não bộ, giảm thời gian phản ứng, gây vài xáo trộn giấc ngủ, nhưng rất ít và không tạo ra khó khăn gì cho người sử dụng cell phone. WHO kết luận là các phóng xạ đó chưa chắc đã gây ra ung thư não và sẽ tài trợ để các khoa học gia nghiên cứu thêm.

Các nhà sản xuất cell phone cho hay là điện thoại di động an toàn vì đã được làm đúng theo tiêu chuẩn do chính quyền đưa ra. Tiêu chuẩn đó gồm ảnh hưởng của nhiệt do cell phone phát ra và các vi ba từ trường được phân phối ra hết cả đầu. Chương trình truyền hình ABC 20/20 cho hay là tiêu chuẩn của chính quyền có nhiều kẻ hở mà các nhà sản xuất điện thoại di động qua mặt dễ dàng.

Trong khi đó thì Chủ tịch công ty điện thoại di động vĩ đại Ericsson khẳng định rằng sẽ có nhiều người sử dụng điện thoại di động để nối tiếp với mạng lưới, thay vì dùng điện thoại có dây trong nhà,



vì tiện lợi hơn.

Cơ quan Federal Communication Commission Hoa Kỳ cho hay là cho tới nay, chưa có bằng chứng nào kết luận rằng điện tử trường có hại cho sức khỏe. Chuyên viên Ed Mantiply của cơ quan này cho hay, là cơ quan đã đặt ra một tiêu chuẩn cho phóng xạ từ điện thoại di động, giống như giới hạn tốc độ lái xe tự động. Không có gì bảo đảm là dưới giới hạn đó chúng ta sẽ an toàn và trên giới hạn đó là nguy hiểm. Cơ quan khuyên dân chúng áp dụng nguyên tắc là cầm xa máy một inch nếu máy phát ra một watt năng lượng, nếu máy phát ra 10 watts thì ở cách xa máy mười inches. Nhưng các nghiên cứu cho hay, ngoài sức nóng, cell phone còn phát ra các phóng xạ có hại, đồng thời các phóng xạ này phát ra từng lúc mạnh yếu khác nhau nên có hại hơn là phát ra liên tục.

Cơ quan Food and Drugs Hoa Kỳ có trách nhiệm về sự an toàn thực và dược phẩm, các mỹ phẩm, trang bị điện tử trong nhà thì nói: cell phone phát ra một lượng điện tử trường không đáng kể và kết quả nghiên cứu chưa xác định nó có hoặc không có hại. Và cơ quan khuyên dân chúng áp dụng các phương pháp đề phòng thường lệ.

Tập san *International Journal of Oncology* tháng Năm 1999, đăng kết quả nghiên cứu trên 600 người dùng điện thoại di động cho hay không có bằng chứng gì về vụ gây ung thư não vì phóng xạ từ điện thoại này.

Ảnh hưởng trên sức khỏe

Nhưng phe quan tâm tới ảnh hưởng phóng xạ từ điện thoại di động vẫn không hài lòng với giải thích của chính quyền và của các công ty sản xuất cell phone. Họ vẫn quả quyết là phóng xạ này rất hại cho cơ thể.

Phóng xạ điện tử trường thoát ra từ điện thoại di động khi mở máy và khi điện đàm. Vì ba phóng xạ xâm nhập xương sọ, vào não bộ, mắt, mũi và các tế bào trên mặt. Một bác sĩ Đan Mạch có nói: "Chắc không có ai muốn đút đầu vào lò hâm thực phẩm vì ba, nhưng nhiều người lại hân hoan áp chiếc điện thoại di động sát vào tai, vào đầu". Microwave oven cũng phát ra những vi ba phóng xạ như điện thoại di động.

Bác sĩ Bruce Hocking đã tường trình trước Thượng Viện Úc Đại Lợi rằng, người sử dụng điện thoại cầm tay có thể bị tổn thương da chung quanh vành tai với cảm giác khác thường ở trong đầu, mấy phút sau khi họ quay số điện thoại và kéo dài có khi cả mấy tiếng đồng hồ. Ngoài ra họ còn cảm thấy buồn ói, rối loạn thị giác cũng như có vài dấu hiệu thần kinh khác. Theo ông, đây không phải là do tưởng tượng, mà là có thực vì được phát hiện ở nhiều người khác nhau, trên khắp thế giới khi họ dùng cell phone.

Cơ Quan Y Tế Thế Giới cũng đề cập tới vấn đề tia phóng xạ của điện thoại di động trên sức khỏe và khuyên dân chúng nên giới hạn sử dụng, nên dùng hands free devices, giữ điện thoại xa cơ thể. Cơ quan này đã tài trợ 4 triệu mỹ kim để nghiên cứu ảnh hưởng của tia phóng xạ từ điện thoại di động.

Các nghiên cứu gia bên Anh Quốc báo động là trẻ

em dùng nhiều điện thoại di động có thể gặp khó khăn trong vấn đề tăng trưởng với đầu nhỏ. Công ty Hỏa xa Nhật yêu cầu khách giảm dùng điện thoại di động trên xe lửa để tránh ảnh hưởng tới các y cụ mang trên cơ thể một số hành khách trên tàu như pacemaker, trợ thính cụ... Theo kết quả điều tra bên Đức thì phóng xạ vi ba từ cell phone làm tăng huyết áp vì các mạch máu co thu dưới tác dụng của phóng xạ. Báo *Daily Mail* ngày 13 tháng 12 năm 1999 đăng tin các nghiên cứu bên Anh cho hay sử dụng cell phone có thể đưa tới thất thoát chất huyết cầu tố từ hồng huyết cầu và gây ra bệnh tim và sạn thận.

Phóng xạ từ điện thoại di động có thể làm giảm trí nhớ ngắn hạn và đột nhiên mất định hướng. Phóng xạ từ cell phone cũng ảnh hưởng tới hệ thống miễn dịch, theo khoa học gia Roger Cogwill. Các khoa học gia của Karolinska Institute bên Thụy Điển đang nghiên cứu về hậu quả này.

Người mang kính mà dùng cell phone thì ảnh hưởng của phóng xạ vào mắt tăng 20%, vào đầu tăng 6%, lý do có thể là do khung kính đeo mắt bằng kim loại thu hút nhiều chất phóng xạ hơn. Nhiều người có răng trám bằng kim loại than phiền có cảm giác nóng nóng trong miệng và đau nhức răng khi nói chuyện trong cell phone. Theo báo Úc Sunday Telegraph ngày 2 tháng 5 1999, phóng xạ từ điện thoại di động gây ra khuyết tật cho trên 10.000 con gà con vì trứng tiếp cận với chất phóng xạ này.

Hội nghị về ảnh hưởng phóng xạ từ cell phone, họp tại Vienne vào tháng Giêng năm 1999, đi đến một nghị quyết chung là ảnh hưởng sinh học phát ra từ radio wave, microwave là có thực và cần được khoa học kiểm chứng.

Các bác sĩ Henry Lai và NP Singh, University of Washington, Seattle, cho hay khi sử dụng cell phone, có tới 50% DNA bị hư hao vì chất phóng xạ từ máy và ông ta cáo giác là các nhà sản xuất cell phone đã yêu cầu ông thay đổi kết quả của nghiên cứu tới hai lần. Nghiên cứu lại do chính các công ty điện thoại tài trợ, nhưng khi thấy kết quả bất lợi họ yêu cầu ông ta thay đổi.

Vấn đề với các trụ phát tín hiệu cho điện thoại di động ở vùng dân cư đông đúc cũng được nêu lên. Bên Anh, nhiều nghiên cứu cho hay, sống gần và dưới ảnh hưởng của đường dây điện có nhiều nguy cơ ung thư phổi vì các tia phóng xạ ô nhiễm dính với nhau và đọng trong phế nang. Theo tổ chức nghiên cứu các loài chim ở Thụy Sĩ, ngay cả chim khi bay quanh quần trụ phát tuyến cũng bị lạc đường vì mất định hướng dưới ảnh hưởng của điện tử trường.

Công ty bảo hiểm với cell phone

Vào tháng Bảy năm 2000, một bác sĩ chuyên khoa thần kinh Hoa Kỳ đã kiện công ty Motorola và các công ty điện thoại di động khác, đòi bồi thường 800 triệu mỹ kim vì ông ta bị ung thư não gây ra do phóng xạ từ điện thoại di động. Kỹ sư Robert Kane làm việc cho Motorola kiện công ty vì bị ung thư óc trong thời gian thử nghiệm antenne cell phone cho công ty. Một vụ kiện Motorola khác do Dean Vincent Rittman bị ung thư não vì điện thoại di động cũng đang được thụ lý tại Texas.

Các công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm về hậu quả có thể xảy ra do cell phone, vì họ cho rằng vấn đề này cũng tương tự như vấn đề chất cách nhiệt asbestos, thuốc lá và dân bảo hiểm sẽ phải bồi thường nhiều tỷ mỹ kim. Theo công ty bảo hiểm Thụy Sĩ Swiss Re, căn cứ vào các dữ kiện hiện có thì các nạn nhân của cell phone có nhiều hy vọng thắng trong các vụ kiện. Công ty bảo hiểm lớn Lloyd bên Anh đã từ chối bán bảo hiểm liên can tới điện thoại di động.

Dụng cụ giảm phóng xạ

Trước sự lo ngại của giới tiêu thụ, nhiều trang bị che chở cơ thể, nhất là não bộ với phóng xạ từ cell phone đã được tung ra thị trường. Các công ty sản xuất mobile phone Hitachi, Ericsson, Alcatel tung ra các trang bị phụ hands free devices, Microshield để làm giảm phóng xạ phát ra từ điện thoại di động, ngõ hầu bảo vệ sức khỏe người dùng máy này. Chính các công ty sản xuất máy cũng phân phát Microshield cho nhân viên khi dùng điện thoại tự động, vì theo họ, dù chưa có bằng chứng xác đáng nhưng mọi người đều e ngại, che chở để phòng thì cũng nên làm. Cảnh sát Luân Đôn được lệnh giới hạn dùng điện thoại di động dưới năm phút, đồng thời cũng được cung cấp dụng cụ che chở.

Các trang bị giảm phóng xạ này chẳng biết có công dụng gì không, nhưng theo nhiều người, lại có thể làm sự truyền tín hiệu thay đổi, khó nghe, điện thoại phải tăng cường độ, đưa đến nhiều phóng xạ hơn là làm giảm. Hands free devices thường dùng gồm có một cục nghe gắn vào lỗ tai, một cục thu âm thanh, nối với điện thoại bằng sợi dây điện. Khi máng ống nghe vào tai, chất phóng xạ cũng thất thoát ra ngoài đồng thời người nghe cũng có nhiều vấn đề trong lỗ tai.

Theo thống kê, có tới trên 60% người sử dụng điện thoại di động mua dụng cụ ngăn phóng xạ vì sợ chất này phát ra từ máy. Công ty sản xuất trang bị Microshield cho hay dụng cụ này thu hút tới 90% chất phóng xạ, mà nếu không có nó, sẽ chạy tuốt vào não của con người.

Nhãn hiệu báo động

Do sự đòi hỏi của dân chúng và với con số gia tăng mỗi ngày dùng điện thoại di động, các nhà sản xuất điện thoại Mỹ Motorola, Thụy Điển Ericsson, Nokia Phần Lan sẽ dán nhãn hiệu trên điện thoại ghi rõ số lượng chất phóng xạ do điện thoại di động phát ra. Phát ngôn viên Mikael Westmark của công ty Ericsson cho hay đây là vấn đề mà khách hàng rất quan tâm và công ty sẽ cung ứng các thông tin xác thực.

Cần phải làm gì?

Vấn đề của điện thoại di động đang được tranh luận, nghiên cứu Chưa có kết luận nào xác quyết là cell phone tạo ra ảnh hưởng không tốt thì cũng chưa có chứng minh rằng cell phone an toàn. Người sử dụng cell phone bây giờ vô tình được dùng như là để thử nghiệm coi nó có nguy hại hay không. Cũng như thuốc Thalidomides cách đây mấy chục năm, vì không được nghiên cứu tính cách an toàn trước khi dùng, nên đã gây ra đau khổ cho nhiều gia đình với con khuyết tật. Hoặc như chất cách nhiệt asbestos, đã gây ra biết bao nhiêu trường hợp ung thư phổi, mà cao độ phải mấy chục năm sau mới xuất hiện. Ung thư thường cần vài chục năm để phát sinh. Hoặc như ảnh hưởng của thuốc lá với ung thư phổi.

Nếu cơ thể có sức đề kháng mạnh thì vi ba phóng xạ từ cell phone không làm gì được, nhưng nếu yếu thì, mỗi ngày một ít, phóng xạ sẽ hủy hoại tế bào và trong trường kỳ, đưa tới bệnh hoạn. Không giống như khói thuốc lá, từ trường phóng xạ là chất vô hình, không màu sắc, không mùi vị. Chúng âm thầm xâm nhập cơ thể nơi có tiếp cận và tạo ảnh hưởng xấu.

Nên khi đã có người nêu ra vấn đề, thì lúc sử dụng cell phone, ta cũng cần có một thái độ khôn ngoan, dè dặt:

- Không dùng cell phone khi có điện thoại loại thường.

- Dùng điện thoại thường bất cứ lúc nào có thể.
- Dùng trang bị phụ để khỏi áp điện thoại vào tai.
- Nói trên điện thoại di động càng ngắn càng tốt.
- Dùng loại điện thoại di động có antenne ở ngoài máy, xa đầu và não bộ.
- Ở nhà hoặc văn phòng, khi có ai kêu trên cell phone, thì kêu lại bằng điện thoại thường.
- Sử dụng tối đa máy nhắn tin pager.
- Mang máy điện thoại trong túi xách tay, chứ đừng bỏ trong túi áo, túi quần.
- Giới hạn sự sử dụng cell phone ở thiếu niên dưới 16 tuổi vì giới này bị ảnh hưởng xấu từ điện thoại di động nhiều hơn người trưởng thành.

Nhiều người cho rằng, sống trong xã hội hiện tại, con người có nhiều nguy cơ gặp hiểm nghèo thường xuyên. Lái xe nửa giờ mỗi ngày còn nhiều cơ hội xấu tới sức khỏe hơn là 10 phút nói trên điện thoại di động; vận động đi bộ có thể bị du đảng cướp bóc, đánh đập; uống thuốc chữa bệnh có thể bị phản ứng chết người; ăn tiem có thể trúng độc; làm tình có thể thương mả phong... Ôi đủ thứ nguy cơ! Nhưng tránh được nguy cơ nào thì vẫn hay hơn. Phòng bệnh hơn chữa bệnh mà.

An toàn lái xe

Một khía cạnh khác của điện thoại di động cũng đáng lưu tâm. Đó là việc điện đàm tâm sự ba hoa khi lái xe đã gây ra nhiều tai nạn chết người cho người lái và người khác. Số tử vong này có lẽ còn cao hơn là do phóng xạ và quá rõ ràng, khỏi cần tốn tiền nghiên cứu chứng minh lỗi thôi.

Bài học căn bản lái xe là cần luôn luôn cảnh giác, thận trọng và ứng xử lịch sự. Đầu hướng về phía trước, mắt vừa nhìn đường, vừa ngó kính chiếu hậu và quan sát người lái chung quanh. Tôn trọng luật đi đường, giới hạn tốc độ và mang nịt an toàn. Nếu lại dùng cell phone, thì cũng tốt thôi, vì phương tiện này có nhiều ích lợi thực tiễn: giúp ta liên lạc với nhau, làm đời sống giản dị hơn, mang lại cấp cứu cho ta khi cần cũng như giúp người khác khi hoạn nạn. Tiện đấy nhưng cũng hại đấy. Nên cần đề phòng.

1- Điện thoại bây giờ nó nhiều nút, nhiều cách dùng phức tạp, nhưng nếu làm quen được với chúng thì lại rất có lợi. Chẳng hạn nút kêu khẩn cấp, nút kêu lại tự động, nút số điện thoại thường kêu.. mà khi cần, chỉ việc nhấn nút là điện đàm được.

2- Sắm thêm trang bị phụ để khỏi phải lấy tay cầm áp điện thoại vào tai, dành hại tay cho bánh lái.

3- Để điện thoại gần ngay chỗ mình ngồi, để lấy, không phải quay mình ra sau, đảo mắt tìm kiếm.

4- Đang điện đàm mà thấy có bất an lưu thông như tai nạn trước mặt, mưa to chợt tới, nhiều xe cộ... thì ngưng ngay.

5- Giới hạn quay số điện thoại khi đang lái. Quay số khi xe ngừng đèn đỏ hoặc trước bảng stop. Nếu cần làm, thì quay một nửa, nhìn đường rồi quay tiếp.

6- Không ghi chép, tìm số điện thoại trong khi lái xe.

7- Tránh nói chuyện gây nhiều xúc động mạnh trong lúc vừa lái vừa nói, vì ta rất dễ bị chia trí, gây ra tai nạn.

Phải chi mà ai ai, ngay cả mình, cũng cần tắc như vậy, thì đỡ việc cho Ông Tobia (*) biết mấy!

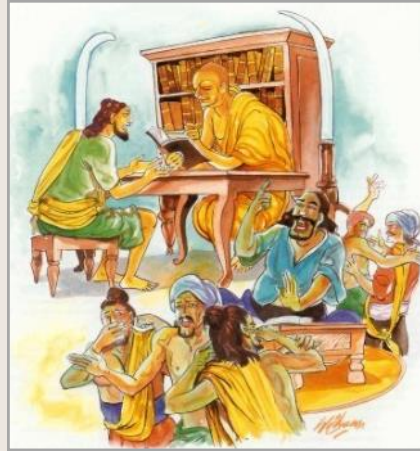
Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

(*) Nhà quản Tobia, lo các dịch vụ mai táng (chú thích của CP)

TƯỜNG RẰNG TRÍ TUỆ VÔ BIÊN NÀO NGỜ NGU ĐỘN TRIỀN MIÊN SUỐT ĐỜI

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng, tại một ngôi làng nọ, có hai người bạn, Chí Thiện và Mật Thủ, thân nhau từ thuở nhỏ. Chí Thiện thì nói năng chơn chất, hồn nhiên trung thực với bạn bè; còn Mật Thủ thì lanh lợi, xảo ngôn và hay lợi dụng lòng tốt của người khác. Một hôm, nhân kỷ niệm ngày đản sanh của Đức Thế Tôn, cả hai cùng theo các Phật tử đến Kỳ Viên nghe Ngài thuyết pháp. Chí Thiện lắng lòng ghi nhớ và ứng dụng Phật pháp vào nếp sinh hoạt hằng ngày của mình, như làm thế nào để hướng dẫn cuộc sống phù hợp với Bát chánh đạo: chánh kiến (quan điểm chân chánh), chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), chánh ngữ (nói năng chân chánh), chánh nghiệp (sinh hoạt chân chánh), chánh mạng (lập mệnh chân chánh), chánh tinh tấn (nỗ lực chân chánh), chánh niệm (ghi nhớ chân chánh), chánh định (thiền định chân chánh); và nhất là biến cho được ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, huệ thành ngũ lực, tức là nắm sức mạnh tiềm ẩn làm nền tảng cho việc phát huy nhân cách và đạo phong của người con Phật. Đó là: chánh tín Tam bảo, nỗ lực hướng thiện, dứt trừ vọng tưởng, an định thân tâm và hoạt dụng trí tuệ. Mật Thủ thì ngược lại. Đi chùa không phải để lễ Phật nghe Pháp mà là để thực hiện mưu đồ thầm kín, đúng ra là để ứng dụng đôi tay quyền biến (mật thủ) giữa chốn thiên môn. Trong khi mọi người đang định tâm tụng niệm thì Mật Thủ mắt la mày lét, đảo tới vòng lụy, và lẹ tay gỡ phất túi vải đựng năm cặp bạc buộc ngang thắt lưng của một ông cụ định cúng dường xây cốc cho Tăng chúng nhưng còn đang lom khom lạy Phật. Đúng là tay chôm chia chuyên nghiệp và táo bạo. Hắn có bao giờ hiểu được thế nào là lương thiện và bất lương, danh dự và ô nhục. Hắn chỉ biết cách len lỏi giữa đám đông, ra tay trộm cắp tiền bạc châu báu của người khác rồi đem về khoe khoang thành tích láo bịp với vợ. Hắn thường ra mặt sung sướng trên mồ hôi nước mắt của bà con bất hạnh. Hắn đang đứng



trên bờ vực thẳm mà tự hào về nề nếp gia phong của mình.

Tan lễ, trên đường về nhà, Mật Thủ cười nói huyền thuyên, ra vẻ rất tâm đắc về những lời thuyết giảng của Đức Phật. Đoạn gã quay sang Chí Thiện, hỏi:

- Này, cậu đã nấu cơm ở nhà chưa?

- Chưa! Tay làm hàm nhai ấy mà. Định trên đường về, mua ít gạo nấu cho tiện.

- Thấy cậu giờ này mà còn lặn lội, thiếu trước hụt sau. Độc thân là hẩm hiu thế đó! Lấy vợ đi. Kiếm cô nào phốp pháp, lanh lợi, xông xáo một chút. Như vợ tớ đây!... Vừa về tới ngõ là đã nghe tiếng cười nói rộn ràng từ trong nhà vọng ra. Mình luôn lách cực khổ cỡ nào cũng thấy mát ruột khi có được một nội tướng đồng thanh đồng thủ như thế. Nghe lời tớ đi! Đừng chần chờ nữa! Hay... để tớ làm mai cho một tiểu thư... đúng một!

- Xin cảm ơn! Nghe Thế Tôn thuyết pháp riết rồi mình muốn đi tu quá.

- Ngu!- Mật Thủ quắc mắt nói như một nhát búa phập vào khúc gỗ mục. Cậu tưởng đi tu sướng lắm hả! Sống lệ thuộc vào lòng hảo tâm của bá tánh lương dân mà hãnh diện! Mọi người như tớ thì thầy trò ông Cô Đàm có nước treo y máng bát chứ ở đó mà dài lưới luân hồi sanh tử, vô ngã giả

danh. Đã vô ngã giả danh thì nhận lễ vật cúng dường làm gì? Chẳng lẽ để ra sức nuôi dưỡng cái thân tướng vô ngã giả danh ấy! Thấy chưa? Toàn là mâu thuẫn và phi lý. Này mà lý sự vô ngại, sự sự vô ngại là gì cậu? Tớ nghe ông nói hồi sáng mà như vịt nghe sấm, chả hiểu gì cả.

- Đầu óc anh đâu có tập trung vào chuyện lễ nghi giáo điển mà hiểu. Thế anh có bao giờ nghe nói đến câu tục ngữ: "Nguu tầm nguu, mã tầm mã" chưa?

- Có! "Trâu theo trâu, ngựa theo ngựa." Đúng quá!

- Đó đó!... Na ná như vậy đó. Mèo hoang thì gặp chó hoang, chàng đi móc túi gặp nàng chia chôm.

- Cậu nói ai móc túi? Đừng vu khống nhé! Cậu là cái thá gì mà dám mĩa mai vợ chồng tớ là phường đầu trộm đuôi cướp, trâu ngựa chó mèo. Hãy giữ miệng giữ mồm đây! Mật Thủ nói với vẻ mặt choắt lại và đôi môi run run mím mím như điện giật.

- Ấy chết!... Không phải thế!... Xin lỗi, xin lỗi!... Ý mình muốn nói là trên đời cái gì cũng có nhân duyên với nhau cả. Thân cận với Phật pháp và Thánh tăng cũng thế. Phải có duyên. Phải có sự tương ứng giữa hai tần số thì mới hiểu, mới rung động theo giáo pháp của Như Lai.

- Như Lai là gì? Mật Thủ liếc xéo và nhíu mũi, hỏi.

- Là... vô sở tùng lai diệc vô sở khứ

- Là sao?

- Là không từ đâu đến và cũng không đi về đâu...

- Thôi được rồi!... Toàn là chữ với nghĩa. Cái lưới cậu càng lúc càng dài dầy. Cậu nói cái gì nghe cũng bùi tai. Bỏ chuyện đó đi! Tiện đường về nhà tớ ăn trưa, được chưa?

- Xin đa tạ! Chí Thiện nhận lời để xua tan mối hoài nghi của bạn.

Vừa tới ngõ, Chí Thiện đã nghe giọng nói the thé rít lên:

- Nửa!.. Trúng mảnh thể nào mà rước... chánh tổng gàn... về đây!

- Mình ơi có khách. Cho chúng tôi ăn cơm với nhé! Mật Thủ giả vờ không nghe thấy gì và vừa đi vừa nói giọng bông đùa cho đơm nét uy phong gia trưởng.

- Ai thế?... Úi dzời, xin chào bác ạ! Lâu quá mới được bác tới chơi. Vợ Mật Thủ nói giọng đùa đây.

- Chào chị. Xin chúc sức khỏe và may mắn cả nhà!

Khoảng mười lăm phút sau, bà chủ nhà bê lên một mâm cơm đạm bạc, ra giọng xởi lời nói:

- Mời bác dùng bữa với nhà em. Đột xuất quá, mong bác thông cảm!

- Thế này thì nhất rồi. Đúng là một nội tướng tể nhị và đảm đang. Anh Mật Thủ quả thật có phước!

- Xin mời! Mật Thủ hươ tay đây về tự mãn.

- Xin mời! Chí Thiện đáp lễ.

Chỉ trong giây lát, Mật Thủ ngược nhìn Chí Thiện, nói giọng triết lý:

- Tổ nghĩ cũng lạ thật! Đúng là mọi việc đều có thể xảy ra dưới gầm trời này. Như ông Cồ Đàm chẳng hạn: đường đường là một thái tử, rồi sẽ lên ngôi hoàng đế, cai trị xã tắc muôn dân; quyền cao tốt đỉnh, châu báu đầy kho; mỗi bước chân đi là ngựa xe nghênh rước, bá tánh cúi đầu; nhất là vợ đẹp con ngoan như thế mà nữ phũ tay ra đi, chấp nhận cuộc sống cô đơn, khổ hạnh; rồi nhiều người thấy thế noi theo, từ bỏ cha mẹ, đoạn tuyệt gia đình..., thật là một lũ ngu si hết chỗ nói!

- Không biết ai ngu hơn ai! Đức Thế Tôn từ bỏ ngôi vị quốc vương để đạt đến ngôi vị Pháp vương, đoạn đường phấn đấu cho tự thân thanh tịnh, trí tuệ siêu phàm, trải dài vô lượng kiếp chứ không phải một sớm một chiều như thò tay!

- Thò tay làm gì?... Ai thò?... Cậu nói gì tớ không hiểu?

- Thôi, thôi! - Một giọng nói lạnh lạnh từ nhà dưới vọng lên, mời hai triết gia xơi giùm cho, ngày mai đến Kỳ Viên tha hồ mà tranh luận với Đức Phật. Mời khách về nhà mà lý sự như thế thì còn ai dám lui tới nữa! Ông thiệt là!

- Bạn bè chúng tôi phần khích một chút cho vui ấy mà, bà sao! - Mật Thủ chữa thẹn.

Cả hai tiếp tục dùng bữa, rồi tạm biệt nhau qua ánh mắt xã giao chứ thật sự chưa được tâm bình khẩu phục.

Mấy hôm sau, Chí Thiện đến thăm Kỳ Viên với tâm trạng phân

The Story of Two Pick-pockets Verses 63 - Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (63) of this book, with reference to two pick-pockets.

On one occasion, two pick-pockets joined a group of lay-disciples going to the Jetavana monastery, where the Buddha was giving a discourse. One of them listened attentively to the discourse and soon attained Sotapatti Fruition. However, the second thief did not attend to the discourse, as he was bent on stealing only; and he managed to snatch a small sum of money from one of the lay-disciples. After the discourse they went back and cooked their meal at the house of the second thief, the one who managed to get some money. The wife of the second thief taunted the first thief, "You are so wise, you don't even have anything to cook at your house." Hearing this remark, the first thief thought to himself, "This one is so foolish, that she thinks she is being very smart."

Then, together with some relatives, he went to the Buddha and related the matter to him.

To the man, the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 63. The fool who knows that he is a fool can, for that reason, become a wise man; but the fool, who thinks that he is wise is, indeed, called a fool.

At the end of the discourse, all the relatives of the man, attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

vân, không được tự nhiên như trước kia, Thế Tôn gọi Chí Thiện, hỏi:

- Đạo hữu có gì vướng kẹt trong lòng thì tâm sự với Thầy, đừng để lâu ngày thành nội kết. Đạo hữu biết đấy: giang sơn dễ đổi, tập khí khó dời!

Chí Thiện xúc động đến nghẹn ngào, chắp tay cúi đầu với hai giọt nước mắt rưng rưng. Thế Tôn nắm tay Chí Thiện đưa về tịnh thất.

- Nào, có gì nói cho Thầy nghe!

- Bạch Thế Tôn, con muốn theo Thầy học đạo, nhưng Mật Thủ bảo ai sống đời phạm hạnh là ngu dại, là không nếm được đầy đủ hương vị của cuộc đời, là trốn tránh trách nhiệm với đồng bào, đồng loại; ông còn bảo con chạy ăn từng bữa không xong nên tính chuyện lừa đảo; con hoang mang quá, bạch Thế Tôn!

- Hử!... Có vậy mà hoang mang!

Thế Tôn mỉm cười, đọc kệ:
*Người ngu biết mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí,
Người ngu cho mình trí,
Thật đáng gọi chí ngu!*
(PC. 63)

Thầy trò cùng cười. Chí Thiện đánh lễ Thế Tôn, cáo từ ra về với cõi lòng thanh thản, nhẹ nhõm.

